

JONAS LIE

**Những câu chuyện
kỳ bí
vùng Biển Bắc**



NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ

Những câu chuyện kỳ bí vùng Biển Bắc

Jonas Lie

*Nguyễn Thành Nhân dịch
(dịch theo bản tiếng Anh của
Robert Nisbet Bain
(tranh minh họa của Laurence
Housman)*

Nhà xuất bản Văn Nghệ 2009



CÙNG ĐỌC, CÙNG CHIA SẺ

Nguồn ebook: tve-4u.org

*Nguồn text: trang chủ của dịch giả
(nhanduset.blogspot.com)*

Tạo ebook: Caruri

Giới thiệu

Jonas Lauritz Idemil Lie (1833 –1908): tiểu thuyết gia, được xem là một trong bốn nhà văn lớn nhất của Na Uy vào thế kỷ 19.

Ông chào đời ở Hokksund, Eiker, quận Buskerud thuộc miền Nam Na Uy. Ngay sau đó, cha ông được bổ nhiệm làm cảnh sát trưởng của vùng Tromsø, nằm trong Vòng Bắc Cực (vĩ tuyến $66^{\circ}30'$), và cậu bé Jonas Lauritz Edemil Lie đã trải qua sáu năm đầy ấn tượng ở vùng hải cảng miền bắc xa xôi đó.

Lie được gửi tới học ở một trường hải quân ở Fredriksvern, nhưng do thị lực kém, ông đành phải giả từ cuộc đời ngang dọc trên biển cả. Sau đó, ông tới học ở một trường Latin ở Bergen, và nhập học tại Đại học Cơ Đốc Giáo vào năm 1851, ở đó ông đã làm quen với Ibsen và Bjornson. Năm 1857 ông tốt nghiệp luật khoa, sau đó ít lâu bắt đầu tập sự tại Kongsvinger, một thị trấn nằm giữa hồ Mjosa và Thụy Điển.

Do vùng đó vắng thân chủ, có nhiều thời giờ rảnh rỗi, ông bắt đầu viết báo và trở thành cộng tác viên thường trực cho một số tờ tạp chí Cơ Đốc Giáo. Tác phẩm đầu tay của ông là một tập thơ công bố năm 1866 nhưng

không thành công mấy. Trong bốn năm kế tiếp ông tập trung hoàn toàn vào nghề báo, làm việc hết mình mà không cần tưởng thưởng, nhưng nhờ đó ông đã thủ đắc được bút pháp của một nhà văn trẻ và tạo dựng được một văn phong hữu dụng cho sự nghiệp sau đó của ông. Năm 1860, ông xuất bản quyển *Den Fremsynte* (*Phong cảnh hoặc Những bức tranh từ Miền Bắc*), một câu chuyện thu hút về biển cả và những truyền thuyết quái dị ở miền bắc Na Uy. Nhờ một món tiền trợ cấp nhỏ của chính phủ, ngay lập tức ông lên đường tới Rome để tìm kiếm sự tương phản lớn nhất giữa Châu Âu và miền đất thời thơ ấu của mình. Ông sống một thời gian ở miền bắc nước Đức, rồi chuyển tới Bavaria, rồi tới Paris. Năm 1882 ông về thăm Na Uy một thời gian rồi quay lại Châu Âu. Sự lưu đày tự nguyện khỏi quê nhà của ông chấm dứt vào mùa xuân năm 1893, khi ông định cư hẳn ở Holskogen, gần Kristiansund. Từ đó, các sáng tác của ông ngày càng phong phú.

Jonas Lie qua đời ở Stavern ngày 5-6-1908.

Trong các tác phẩm hay nhất của ông có thể kể quyển *Gia đình Gilje*, được so sánh ngang hàng với các tác phẩm của những nhà văn Anh như Austen và Bronte. Ngoài ra, còn có hai tuyển tập truyện ngắn có tên là *Những khúc ca thần thoại* (một số câu chuyện trong hai tập đó đã được R. Nisbet Bain tuyển chọn và đưa vào

Những câu chuyện kỳ bí vùng Biển Bắc), kể về những truyền thuyết quái lạ của ngư dân và thường dân vùng duyên hải Bắc Na Uy.

Trong quyển *Những câu chuyện kỳ bí vùng Biển Bắc*, Lie kể cho chúng ta nghe những truyền thuyết xa xưa của quê hương ông, miền Bắc Na Uy, những câu chuyện dữ dội mà ông đã từng nghe kể từ thời thơ ấu. Có thể nói, hẳn là chúng cũng đã từng mê hoặc và khiến cho ông ngây ngất trong niềm kinh hãi. Cuộc sống dân gian của những vùng đất quanh hiu rộng lớn ở phía nam Bắc Cực như quện gắn vào sự hung dữ khắc nghiệt của thiên nhiên. Hiếm khi chúng ta thấy có những yêu tinh và thần lùn thân thiện, dễ gần trong quyển truyện này. Ở vùng đất đó, phần lớn những sinh thể siêu nhiên ngự trị ở những vùng biển cả và duyên hải đều hung ác và hay gây tác hại. Dường như chúng thù ghét con người. Chúng thích chế nhạo những lao khổ vất vả và vui đùa với nỗi tuyệt vọng của họ. Từ những truyền thuyết dân gian này, chúng ta có thể hiểu biết nhiều hơn về cuộc sống khó nhọc nhưng kiên cường bất khuất trước thiên nhiên khắc nghiệt của người dân Bắc Na Uy, cũng như của các dân tộc miền duyên hải Bắc Âu nói chung.

Tôi xin chân thành tri ân cố dịch giả R. Nisbet Bain, cố họa sĩ Laurence Housman và những người tâm huyết đã bỏ công sức để công bố bản dịch hết thời hạn bản

quyền này trên mạng Internet để mọi người, ở khắp mọi nơi trên thế giới, có điều kiện thuận tiện hơn để thưởng thức những tác phẩm cổ điển hay và giá trị.

Nguyễn Thành Nhân

Chàng ngư phủ và con thủy quái

Có một người ngư phủ nghèo tên là Elias sống ở thôn Kvalholm, mạn dưới quận Helgeland^[1]. Karen, vợ anh, làm người giúp việc cho vị linh mục ở thôn Alstad mạn trên. Ở đó, họ dựng lên một túp lều, và thường ngày Elias lại ra khơi đánh cá quanh vùng Lofotens^[2].

Việc thôn Kvalholm quanh vắng bị quỷ ám là chuyện hiển nhiên, không ai còn ngờ vực về điều đó. Mỗi khi chồng đi khỏi, Karen nghe thấy đủ loại âm thanh và tiếng hét lạ kỳ, không có chút ý nghĩa tốt lành nào. Một hôm, khi Karen đi lên đồi cắt cỏ để phơi khô dành làm thức ăn mùa đông cho hai con cừu của gia đình họ, nàng nghe thấy, rất xa xôi mơ hồ, một tiếng kêu rít kinh khủng dưới bờ biển mé chân đồi, nhưng nàng không dám nhìn xuống.

Mỗi năm nàng lại sinh một đứa con, nhưng đó không phải là gánh nặng, vì cả hai vợ chồng nàng đều là những người tần tiện và cần mẫn. Sau bảy năm, gia đình họ đã có sáu đứa trẻ con, nhưng mùa thu năm đó Elias đã có những cuộc cãi cọ căng thẳng với các bạn đồng nghiệp

đến mức anh nghĩ rằng mình nên đánh liều mua một chiếc thuyền sáu tay chèo^[3], rồi sau đó sẽ đi đánh cá trên thuyền của riêng mình.

Một hôm, với một chiếc lao đâm cá trong tay, suy nghĩ về mọi chuyện xảy ra, anh tình cờ đi tới gần một con hải cẩu khổng lồ, đang nằm phơi nắng ngay bên dưới một tảng đá trên bờ biển. Sự kinh ngạc của con vật khi trông thấy con người cũng tương tự sự kinh ngạc của Elias khi trông thấy nó. Nhưng Elias không dễ hoảng sợ; từ đỉnh của tảng đá anh đang đứng, Elias phóng mạnh chiếc lao dài, nặng vào giữa lưng, ngay sau cổ của con vật khổng lồ.

Ngay lập tức, con hải cẩu dựng cao cái đuôi của nó lên trời như một cây cột buồm, và nhìn Elias một cách hằn học đầy ác ý với đôi mắt đỏ ngầu máu, đồng thời nhe nanh ra, khiến cho Elias nghĩ rằng anh có thể chết đứng tim vì kinh hãi. Rồi nó lao mình xuống biển, biến mặt nước thành những vòng bọt sóng đỏ ngầu như máu phía sau. Ngay sau đó, Elias cũng rời nơi ấy. Nhưng ngay chiều hôm đó, một khúc cán lao bằng gỗ, bị cán đứt lìa khỏi cái mũi dài bằng sắt, đã giạt vào bãi đậu thuyền ở cửa sông Kval, mà bên trên là ngôi nhà của anh.

Elias không nghĩ thêm gì về chuyện đó. Trong mùa thu ấy, anh mua một chiếc thuyền sáu tay chèo, mà anh

đã biến thành một nơi trú ngụ nhỏ.

Một đêm thao thức, nghĩ tới chiếc thuyền mới, anh thấy rằng có lẽ nó sẽ thăng bằng hơn nếu anh ghép thêm một khúc gỗ vào hai bên mạn thuyền. Anh yêu mến con thuyền một cách phi lý đến nỗi việc đốt lên ngọn đèn lồng và đi xuống để ngắm nhìn nó với anh cũng là một niềm vui giản dị.

Lúc bấy giờ, khi đang đứng nhìn chiếc thuyền dưới ánh đèn lồng, anh chợt thoáng thấy ở góc đối diện, trên một cuộn lưới, là gương mặt của con hải cẩu. Trong một khoảnh khắc, nó dữ tợn nhe răng ra nhìn anh và ánh đèn, miệng nó càng lúc càng há to hơn, rồi có một hình người to lớn chậm chậm lướt ra từ cái hòng kinh khủng đó. Elias kịp thoáng thấy, dưới ánh đèn, một mũi sắt nhọn dài cắm trên lưng của hắn ta. Rồi cả hai nhập lại thành một và biến mất vào bóng tối. Elias không lo âu cho mạng sống của mình bằng cho chiếc thuyền, thế nên anh vẫn đứng ở đó, rồi sau đó ngồi xuống thuyền với cái đèn lồng và tiếp tục quan sát. Khi vợ anh đến đó vào sáng hôm sau, nàng thấy anh đang ngủ, với chiếc đèn lồng đã cháy rụi.

Một buổi sáng tháng Giêng, khi đang đánh cá trên thuyền cùng hai người khác, anh nghe thấy, từ bóng tối, một giọng nói phát ra từ một tảng đá ngầm ở cửa sông. Nó cười một cách khinh bỉ và nói rằng: “Khi người có

một chiếc thuyền mười tay chèo^[4] thì, Elias, hãy liệu hồn!”

Nhiều năm trôi qua trước khi chuyện đó đến, nhưng một mùa thu nọ, khi thằng con trai cả Bernt của anh đã được mười sáu tuổi, Elias biết anh phải thực hiện việc này. Thế là anh đưa toàn thể gia đình cùng lên thuyền tới Ranen^[5] để đổi chiếc thuyền sáu tay chèo của anh lấy một chiếc thuyền mười tay chèo, người duy nhất ở lại nhà là một bé gái người Phần Lan, mà họ đã dùng làm người giúp việc trước đó vài năm. Về sau này, cô bé đó cũng là nhân chứng duy nhất của câu chuyện đã xảy ra.

Ở Ranen, Elias xem xét một chiếc mười tay chèo nhỏ, dành cho bốn người ngư phủ và một cậu bé trai. Một chiếc thuyền mà người thợ đóng thuyền giỏi nhất vùng đã hoàn thành và quét nhựa xong xuôi vào mùa thu đó.

Elias có một con mắt đánh giá thuyền khá tốt, và dường như chưa bao giờ anh từng nhìn thấy một chiếc thuyền mười tay chèo được đóng hoàn hảo đến thế ở phía dưới đường môn nước. Ở phía trên đường môn nước, thật sự trông nó chỉ ở mức trung bình, vì thế, với một người ít kinh nghiệm hơn anh, chiếc thuyền này chỉ hơi nhỉnh hơn những chiếc khác đôi chút, và không là gì ngoài một sản phẩm coi đường được.

Người chủ thuyền cũng biết tất cả giống như Elias.

Ông ta cho rằng nó là một chiếc thuyền buồm nhanh nhất ở Ranen, nhưng Elias có thể mua nó với một giá phải chăng, nếu anh đồng ý hứa một điều, đó là không được thay đổi bất cứ chỗ nào trên thuyền, mà cũng không được quét thêm nhựa lên thuyền nữa. Chỉ khi Elias nhận lời ông ta mới trao cho anh chiếc thuyền đó.

Chắc hẳn “Ma vương” - kẻ đã khiến cho người thợ sử dụng trí thông minh bẩm sinh vốn hơi hiếm hoi của ông ta đóng con thuyền một cách gian trá giữa hai phần trên và dưới đường mớn nước – đã phải có mặt trước đó và định ra giá thật rẻ, để Elias có thể mua nó. Người chủ thuyền nói thêm rằng chiếc thuyền không cần phải được xem xét quá cẩn thận, để che giấu việc con thuyền đã không được quét nhựa ở phía mũi và đuôi.

Elias muốn giong buồm về nhà ngay, nhưng trước tiên, họ phải tới thị trấn để mua sắm những thứ linh tinh mừng đón Lễ Giáng sinh, ngoài ra cũng để anh nhấm nháp chút rượu cho đã thèm. Mừng vì cuộc mua bán thành công, anh và cả người vợ làm thêm một ngụm, và cậu con trai Bernt của họ cũng được nếm môi chút xiu.

Sau đó, họ giong buồm con thuyền mới hướng về nhà. Không có gì nặng trên thuyền ngoài anh, vợ anh và lũ trẻ, cùng các thứ đồ đạc. Thằng Bernt con trai cả của anh ngồi bên cạnh cánh buồm chính, vợ anh, với sự giúp đỡ của thằng con trai kế, giữ những sợi dây thuyền. Elias

ngồi ở bánh lái, trong khi hai đứa nhỏ hơn, mười hai và mười bốn tuổi, thay phiên nhau tát nước ra ngoài.

Họ phải vượt qua tám hải lý, và khi ra tới cửa sông, tất nhiên con thuyền phải được kiểm tra xem nó đi nhanh tới mức nào trong chuyến du hành đầu tiên của nó. Một cơn gió mạnh dần dần nổi lên, và những đỉnh sóng ngẫu bọt bắt đầu cuộn lên trên mặt biển nặng nề.

Lúc này, Elias nhận ra con thuyền của anh thật sự thuộc loại nào. Nó lướt trên những ngọn sóng như một con hải âu, nước văng vào bên trong thuyền không nhiều lắm, do đó Elias cho rằng anh không cần phải sử dụng tất cả các cánh buồm phụ để chống chọi với cơn gió mà một con thuyền bình thường cũng buộc phải đương đầu trong một thời tiết như thế.

Ở mặt biển bên ngoài, cách không xa lắm, anh nhìn thấy một con thuyền mười tay chèo khác, với đầy đủ buồm lái, và có bốn cánh buồm phụ, giống như thuyền của anh. Nó đi theo cùng một hướng với anh, và anh nghĩ thật lạ lùng khi anh không nhận ra nó trước đó. Trông như thể nó muốn đuổi theo anh, và khi Elias nhận thấy điều này, anh không thể không căng lại một cánh buồm phụ.

Bấy giờ, khi cho thuyền phóng đi như một mũi lao, băng qua những vịnh và đảo nhỏ, băng qua những mỏm đá, Elias cảm thấy như thể chưa bao giờ anh có một

chuyến du hành bằng thuyền buồm tuyệt diệu như thế. Và bản thân con thuyền cũng chứng tỏ rằng nó là chiếc thuyền tốt nhất ở Ranen.

Trong lúc đó, thời tiết ngày càng tồi tệ, họ đã đi qua hai vùng biển đầy nguy hiểm. Họ dồn hết về phía cánh buồm chính ở trước mũi thuyền nơi Bernt ngồi, và căng lại buồm phụ ở đó để tránh gió ở phía đuôi thuyền.

Khi bóng tối dày hơn, chiếc thuyền kia gần như đã lướt tới bên hông, và hai chiếc thuyền gần nhau tới mức họ có thể dễ dàng ném những cái xô múc nước từ thuyền này qua thuyền kia.

Họ đua với nhau, thuyền cạnh thuyền, trong mặt biển đông cứng cho tới lúc màn đêm buông xuống. Cánh buồm phụ thứ tư cần phải được căng lại, nhưng Elias không muốn căng vội, và nghĩ rằng anh có thể chờ cho tới lúc những thủy thủ bên thuyền kia cũng căng buồm. Thỉnh thoảng, chai rượu lại được lôi ra và chuyền cho nhau, vì lúc này họ vừa lạnh vừa ướt sũng cả người.

Những con cá có lớp vẩy lân tinh nhô lên trên những ngọn sóng còn tối thăm gần chiếc thuyền của Elias, lấp lánh một thứ ánh sáng chói rục lậ lùng trong lớp bọt sóng cuộn quanh chiếc thuyền, như thể có một cái xẻng xúc lửa vừa xới lên, đảo tung mặt nước. Trong ánh sáng lân tinh, anh có thể nhận ra những đầu dây thừng trên con thuyền kia, và cũng nhìn thấy khá rõ những người

trên thuyền, với những chiếc mũ vải dầu vành rộng úp trên đầu. Nhưng vì mạn trái của con thuyền ở phía gần hơn, tất nhiên họ phải quay lưng về phía anh, và được che khuất bởi sườn thuyền cao.

Đột nhiên một lượn sóng khổng lồ chụp xuống họ. Elias nhìn một lúc lâu cái chòm trắng xuyên qua màn đêm của nó, ngay phía trên mũi tàu nơi Bernt ngồi. Lượn sóng trùm lấy cả con thuyền trong khoảnh khắc, những lớp ván lắc lư và rung lên dưới sức nặng của nó, và rồi, khi con thuyền đang nằm nửa trong nửa ngoài lượn sóng điều chỉnh lại thẳng hướng và tiếp tục lướt đi, nó lại trườn mình xuống phía dưới.

Khi ngọn sóng còn trùm lên họ, Elias mừng rỡ tưởng như nghe thấy một tiếng hét khùng khiếp từ chiếc thuyền kia. Khi nó đã lướt qua, vợ của anh, đang ngồi ở đồng dây chằng cột buồm, thốt lên bằng một giọng làm hồn anh tan nát: “Lạy Chúa, Elias! Biển đã cuốn theo Martha và Nils rồi!” - Đó là hai đứa con nhỏ nhất của họ, một đứa chín tuổi, đứa kia bảy tuổi, lúc này ngồi gần Bernt. Elias trả lời ngắn gọn: “Đừng phân tâm, Karen, không ta lại mất thêm con nữa đấy!”

Lúc bấy giờ, họ căng cánh buồm phụ thứ tư, và, khi đã làm xong, Elias thấy có lẽ sẽ tốt hơn nếu căng cả cánh buồm phụ thứ năm và thứ sáu, vì cơn gió vẫn ngày càng lớn, nhưng mặt khác, để chiếc thuyền có thể thoát

khỏi mặt nước mỗi lúc một nặng nề, anh không dám giảm số buồm phụ hơn mức bắt buộc. Nhưng họ thấy rằng những mảnh vải buồm họ có thể mang ngày càng ít dần. Mặt biển sôi cuộn lên đến mức sóng đập thẳng vào mặt họ. Bernt và thằng em kế Anthony, trước đó giúp mẹ nó giữ dây cột buồm, cuối cùng, buộc phải nắm giữ trực căng buồm, một phương cách duy nhất khi con thuyền không thể mang nổi ngay cả cánh buồm phụ cuối cùng, cánh thứ năm.

Con thuyền đồng hành, lúc này biển mất, giờ lại đột nhiên hiện lên bên cạnh, với số buồm phụ đúng bằng số buồm phụ trên thuyền của Elias, nhưng lúc này anh bắt đầu cảm thấy anh hoàn toàn không thích cái vẻ ngoài của tốp người trên con thuyền đó. Theo anh, hai người ngồi và giữ trực căng buồm (anh thoáng thấy gương mặt nhợt nhạt của họ bên dưới những cái mũ rộng vành), dưới ánh sáng lạ lùng của lớp bọt lấp lánh, giống như những thầy ma hơn là người, họ cũng chẳng thoát ra một lời nào cả.



THE FISHERMAN AND THE DRAUG.

Rời khỏi mạn thuyền trái một chút, anh nhìn thấy tấm lưng trắng xoá của một lượn sóng mới xuyên qua bóng tối, và anh chuẩn bị sẵn sàng để đón tiếp nó. Con thuyền được lái mũi đâm nghiêng vào lượn sóng to, còn buồm thì được căng ra hết mức, để bắt đủ tốc độ thoát khỏi mặt biển nặng nề và tiếp tục lướt tới. Lượn sóng lại cuộn lên với một tiếng gầm hung hãn. Trong một lúc, con thuyền nằm dưới những ngọn sóng ngẫu bọt của nó. Khi nó đã lướt qua, người vợ không còn ngồi ở chỗ mấy sợi dây căng buồm, và Anthony cũng không còn ở đó để níu giữ trục căng buồm. Họ đã văng ra khỏi con thuyền.

Lần này, Elias cũng hình dung như anh đã nghe thấy tiếng thét khủng khiếp trong không trung, và trong lúc đó, mơ hồ anh nghe thấy tiếng vợ anh gọi tên anh. Tất cả những gì anh có thể thốt lên khi nhận ra thực tế là vợ và một đứa con nữa của anh đã biến mất khỏi thuyền là: “Vinh danh Chúa Jesus!” Ao ước đầu tiên và mãnh liệt nhất của anh là đi theo người vợ, nhưng đồng thời, anh chợt nhận ra rằng anh phải cứu lấy mấy đứa con còn sót lại trên thuyền, Bernt và hai đứa em của nó, một đứa mười hai tuổi, đứa kia mười bốn. Chúng đã suýt văng khỏi thuyền lúc này, nhưng giờ đây đang ngồi ở đuôi thuyền sau lưng anh.

Lúc này Bernt phải một mình lo liệu những sợi dây căng trục buồm, dù hai đứa em của nó đang cố hết sức

để giúp nó. Elias, người cầm lái, không dám gây ra một sơ suất nào, và anh lái thuyền đi với bàn tay cứng như sắt, tiếp tục nỗ lực không ngừng với một cảm giác vô tri.

Một lúc sau, chiếc thuyền bên cạnh lại nhô lên, trong khoảnh khắc trước đó nó đã biến mất. Lúc này, anh nhìn thấy người đàn ông ngồi ở đuôi thuyền rõ hơn. Từ lưng hắn ta, ngay bên dưới cái mũ rộng vành (khi hắn quay lưng, nó hiện ra rất rõ) nhô ra một khúc cán lao dài, mà Elias dễ dàng nhận ra nó chính là khúc lao của chính anh. Lúc bấy giờ, khi bình tĩnh suy nghĩ lại mọi chuyện, anh đã hoàn toàn xác định được hai điều: thứ nhất, chính con thủy quái đang lái chiếc thuyền của nó bên cạnh thuyền anh, để đưa anh vào chỗ chết; thứ hai, định mệnh đã được viết xong, rằng đêm đó anh đang thực hiện chuyến đi biển cuối cùng. Vì ai trông thấy một con thủy quái trên biển là người đã tới hồi tận số. Anh không nói gì với mấy đứa trẻ, để chúng khỏi hốt hoảng, nhưng anh thầm lặng nguyện cầu Thượng đế.

Trong khoảng một giờ cuối, anh buộc phải chệch khỏi hướng đi vì cơn bão, không khí đã trở nên quánh lại vì tuyết, và Elias biết rằng anh phải đợi cho tới bình minh mới có thể nhìn thấy được đất liền. Trong lúc đó, anh vẫn cho thuyền lướt đi càng nhanh càng tốt. Thỉnh thoảng, mấy đứa trẻ ở đuôi thuyền than thở rằng chúng

bị lạnh cóng, nhưng trong hoàn cảnh họ lúc này, anh không thể làm gì được. Ngoài ra, Elias đang nghĩ tới một chuyện khác. Một khát khao báo thù kinh khủng đang tràn ngập tim anh, và, nếu không vì mạng sống của ba đứa con, anh hẳn đã đột ngột quay thuyền để đánh đắm con thuyền đáng nguyên rủa đang lướt bên cạnh anh suốt thời gian đó như thể đang chế nhạo anh. Giờ thì anh đã hiểu mục đích xấu xa duy nhất của nó rất rõ. Nếu khi trước ngọn lao có thể đâm vào người con thủy quái, lúc này một con dao hoặc một ngọn lao cũng có thể đâm vào nó được, và anh cảm thấy anh sẽ hân hoan từ bỏ mạng sống của mình để giết chết con vật đã tàn nhẫn tách khỏi anh những người thân yêu nhất trên đời.

Vào ba giờ sáng, qua màn đêm, họ nhìn thấy hiện lên cái gì đó như hình dáng một ngọn đồi khiến lúc đầu Elias cho rằng họ phải tới rất gần đất liền, nơi sóng vỗ nhiều hơn hẳn. Tuy nhiên, anh sớm nhận ra thật sự đó là gì – một ngọn sóng cồn. Rồi dường như có một giọng cười phát ra từ chiếc thuyền kia, và như có một giọng nói rằng: “Thuyền của mi sẽ tới đó, Elias!” Tiên đoán được tai họa, anh hét lớn: “Vinh danh Chúa Jesus!”. Rồi anh thét bảo mấy đứa con hãy cố gắng hết sức bám chặt vào những sợi dây liều buộc cột chèo khi con thuyền đi qua ngọn sóng cồn. Anh ra lệnh cho đứa lớn hơn tới chỗ của Bernt, còn mình thì kéo đứa kia lại sát bên, hôn nhẹ lên

má nó đôi lần, tin chắc rằng anh đã ôm chặt nó vào lòng. Con thuyền, chìm dưới làn sóng dữ, dần được đưa lên bởi những lượn sóng rồi lại chìm xuống. Khi nhô khỏi mặt nước trở lại, con thuyền bị lật úp. Elias, Bernt và thằng Martin mười hai tuổi còn bám được vào sóng thuyền, nhưng đứa thứ ba đã biến mất.

Lúc bấy giờ, trước hết họ phải cắt bỏ những sợi thừng ở một bên, để chúng rơi xuống mặt nước để khỏi làm mất cân bằng của con thuyền bên dưới, rồi họ bò lê trên đáy con thuyền đang lắc lư, đục một số lỗ thông hơi để cho không khí đang nâng con thuyền quá cao trên mặt nước thoát ra bớt. Sau nhiều nỗ lực họ thành công, và Elias, người quay lên sóng thuyền đầu tiên, giúp hai đứa con trèo lên.

Họ ngồi đó suốt cái đêm mùa đông dài ảm đạm, bám chặt đôi tay và tì đầu gối xuống đáy thuyền, đang liên tiếp bị những ngọn sóng nhồi lên đập xuống.

Khoảng hai giờ sau đó, Martin chết vì kiệt sức. Suốt quãng thời gian đó, cha nó vẫn cố ôm lấy nó. Rồi xác nó trượt ra, rơi xuống biển. Họ đã cố kêu cứu nhiều lần, nhưng cuối cùng ngưng lại vì thấy chẳng ích gì.

Khi cả hai ngồi cô đơn trên đáy chiếc thuyền, Elias bảo Bernt rằng ngay cả anh cũng đã sắp sửa đi theo mẹ của nó, nhưng anh rất hy vọng rằng Bernt phải sống sót với bất cứ giá nào, nếu là một chàng trai xứng đáng. Rồi

anh kể cho Bernt nghe mọi chuyện về con thủy quái mà anh đã phóng ngọn lao vào lưng nó. Bây giờ nó đã thực hiện cuộc báo oán, và tất nhiên sẽ không bỏ cuộc cho tới lúc nó giết được anh.

Mãi đến chín giờ sáng bình minh xám ngắt mới bắt đầu xuất hiện. Khi đó, Elias trao cho Bernt cái đồng hồ đeo tay bằng bạc và sợi dây đồng hồ bằng đồng mà anh đã làm đứt thành hai mảnh khi cố kéo nó ra khỏi cái túi áo khoác. Anh còn ngồi thêm một lúc nữa, nhưng, khi trời rạng hơn, Bernt nhận thấy mặt cha nó tái nhợt đi, mái tóc của anh rũ rượi xõa ra thành từng bết, như thường thấy ở những người sắp chết, và lớp da tay của anh phồng rộp vì cố bám vào sống thuyền. Đứa con trai hiểu rằng cha nó sắp thở hơi thở cuối cùng, và cố gắng đỡ Elias lên, trong lúc con thuyền vẫn trôi sạt theo con sóng. Nhưng khi Elias nhận thấy điều đó, anh nói: ‘Không, hãy lo cho bản thân con, Bernt ạ, và hãy đi nhanh lên. Ba theo mẹ của con đây. Vinh danh Chúa Jesus!’ Nói rồi, anh phóng người ra khỏi con thuyền.

Bất cứ ai đã từng đi biển nhiều lần đều biết rằng khi biển đã nguôi giận, nó dần trở nên bình thản lại, dù không phải ngay lập tức. Lúc này Bernt thấy việc cho thuyền tiến lên dễ dàng hơn, và càng có thêm nhiều hy vọng với ánh sáng ban ngày rực rỡ. Con bão đã ngưng, và khi nó đã dịu hẳn, Bernt mơ hồ biết rằng nó đang ở

đầu, rằng nó đang ở gần đất nhà của mình, thôn Kavlholm.

Bấy giờ, nó bắt đầu kêu cứu, nhưng niềm hy vọng chính của nó đặt vào một luồng nước mà nó biết sẽ hướng vào bờ ở nơi có một mũi đất lú ra trên mặt sóng, và ở đó, nước chảy lặng hơn. Và thật thế, con thuyền tiến vào ngày càng gần bờ hơn, rồi cuối cùng tới thật gần một trong những tảng đá đến mức cái cột buồm, đã bị ngã nghiêng sang một bên thuyền từ lâu trước đó, chọc lên bên trên mỏm đá và đong đưa lên xuống theo cơn sóng. Dù cả tứ chi của nó lúc này tê dại hẳn vì ngồi và bám vào thuyền quá lâu, với một nỗ lực to lớn, cuối cùng Benrt cũng trèo được lên trên mỏm đá, nơi nó kéo cái cột buồm lên bờ, và con thuyền cặp sát bờ đá.

Cô bé người Phần Lan, một mình ở lại giữ nhà, nghĩ rằng trong suốt hai giờ liền nó đã nghe thấy tiếng kêu cứu lặp đi lặp lại nhiều lần, và khi tiếng kêu vẫn tiếp tục, nó đi lên ngọn đồi để xem chuyện gì. Ở đó, nó trông thấy Bernt đang nằm trên mỏm đá, và chiếc thuyền lật úp đang nhấp nhô cạnh đó. Ngay lập tức, cô bé chạy xuống chỗ đậu thuyền, chèo chiếc thuyền nhỏ cũ đi vòng theo bờ biển và hòn đảo, hướng về phía Benrt nằm.

Bernt nằm dưỡng bệnh dưới sự chăm sóc của cô bé suốt mùa đông ấy, và không hề đi đánh cá cho đến hết năm. Ngay cả sau đó, với dân cư quanh vùng, đường

như cậu bé trở nên hơi gàn dở.

Bernt không bao giờ đi biển nữa, vì nó đã mắc phải chứng sợ biển. Sau đó, Bernt cưới cô gái người Phần Lan, và dời tới Malang. Ở đó, Bernt phát quang một khu rừng nhỏ, rồi sinh cơ lập nghiệp, khá thành đạt, như người ta kể lại.

Jack và Gan-Finn

Vào thời của những tổ tiên chúng ta, ở Nordland chẳng có gì ngoài những con thuyền gỗ tồi tàn, và người dân buộc phải mua những con gió lạnh bị nhốt trong cái bao tải của lão Gan-Finn^[6], vì đi thuyền vát theo hướng gió giữa biển trong mùa gió lớn là điều rất nguy hiểm. Hồi ấy, một ngư phủ không bao giờ chết già, và chỉ những người đàn bà, trẻ con và tàn tật mới được chôn cất ven bờ biển.

Một lần nọ, một con thuyền cùng thủy thủ đoàn đã xuất phát từ Thjöttö ở Helgeland, tiến về hướng đông quần đảo Lofotens để đánh bắt cá.

Nhưng mùa đông ấy cá không xuất hiện. Họ ở lại đó và chờ đợi hết tuần này sang tuần khác cho đến trọn tháng, và chẳng còn gì để làm ngoài việc quay trở về với những thứ dụng cụ đánh bắt và con thuyền trống rỗng.

Thế nhưng Jack ở Sjöholm, cùng đi với họ, phá ra cười và bảo rằng, nếu ở đó không có cá, họ có thể tìm thấy chúng ở xa hơn trên mạn bắc. Lẽ hẳn nhiên, mọi người đã vát và chèo thuyền suốt quãng đường này không phải chỉ để ăn hết những thực phẩm dự trữ, anh ta nói thế.

Anh ta còn rất trẻ, và chưa từng ra khơi đánh cá lần nào. Nhưng lời anh ta nói xem chừng cũng có lý, viên thuyền trưởng nghĩ thầm.

Thế là họ giong buồm tiếp tục tiến về hướng bắc.

Ở bãi đánh cá tiếp theo, họ cũng chẳng đánh bắt được gì, nhưng họ vẫn cố gắng cho đến lúc thực phẩm dự trữ sắp cạn.

Lúc bấy giờ tất cả mọi người đều dứt khoát từ bỏ việc đánh cá và quay trở về.

“Nếu ở đây không có, chắc chắn là ở đâu đó xa hơn về hướng bắc phải có ít nhiều cá chứ,” Jack phát biểu, “và nếu chúng ta đã đi xa đến thế rồi, chúng ta hẳn có thể đi xa hơn chút nữa.”

Thế là họ thử vận may từ bãi đánh cá này sang bãi kia, cho tới khi họ đã lên tới địa phận tỉnh Finnmark^[7]. Ở đó họ gặp một cơn bão, và dù đã cố tìm nơi ẩn náu dưới những mũi đất, cuối cùng họ cũng buộc phải quay ra khơi trở lại.

Lúc này họ lâm vào tình trạng tồi tệ hơn bao giờ hết. Mũi thuyền liên tục chìm dưới những cơn sóng mạnh, không thể ngoi lên khỏi chúng, và vào cuối ngày, con thuyền bị lật úp.

Tất cả ngồi tuyệt vọng trên sống thuyền, giữa mặt biển cuồng nộ, và cay đắng trách móc Jack, kẻ đã lôi kéo và đẩy họ vào đường chết. Rồi vợ con họ sẽ ra sao?

Họ sắp chết đói ở đây rồi, và ai sẽ chăm lo cho vợ con họ?

Khi trời sụp tối, tay của họ bắt đầu cứng lại, và lần lượt, họ bị sóng biển cuốn đi.

“Mình phải cố bám chặt vào.” Jack tự nhủ. Vì ở trên con thuyền bị lật dù sao cũng tốt hơn là rơi xuống biển. Thế rồi anh cố kẹp chặt đầu gối vào sống thuyền và cố bám lấy nó cho tới khi anh không còn cảm giác gì với tay chân mình nữa.

Trong bóng đêm đen như mực, anh nghĩ rằng mình đã nghe thấy những tiếng kêu thét của người này hay người khác trong số thủy thủ đoàn còn sót lại.

Jack nghe và nhìn thấy hết mọi chuyện, cho đến khi người cuối cùng bị cuốn khỏi sống thuyền thét lên, và thời gian đó, họ vẫn không ngừng mắng nhiếc anh đã đưa họ tới thảm cảnh đó và khóc than cho nỗi niềm đau khổ.

“Họ còn có vợ con nữa,” Anh nghĩ, “Không biết những người thân của họ có đổ lỗi trách móc mình chăng?”

Trong lúc nằm đó, tự nhủ rằng có lẽ mình sẽ bị sóng cuốn trôi giạt cho tới sáng, đột nhiên, anh cảm thấy con thuyền đang nằm trong dòng hút mạnh của một luồng nước ven bờ, và cuối cùng Jack đã tấp vào bờ biển. Nhưng nhìn về hướng nào, anh cũng chỉ nhìn thấy mặt

biển đen ngòm và những lớp tuyết trắng xóa chập chùng.

Khi đang đứng đó, tự hỏi và tự kiểm tra lại thân thể, Jack trông thấy ở xa xa làn khói bốc lên từ một túp lều Phần Lan nằm nép bên dưới một vách đá, và anh cố lê tới đó.

Người đàn ông Phần Lan trong lều già đến nỗi ông ta gần như bất động. Ông ta ngồi giữa những lớp tro ấm, lăm bằm gì đó vào một cái bao tải lớn, không hề nói hoặc đáp một câu nào với Jack. Những con ruồi vàng to tướng bay vo vo khắp mặt tuyết, như thể đang vào giữa mùa hè, và chỉ có một một cô gái trẻ ở đó để trông chừng đồng lửa và cho ông lão ăn. Hai ông cháu họ sống với đàn tuần lộc đang đi tìm thức ăn trên đồng tuyết.



THE GAN-FINN.

Jack lo hơ khô quần áo dù đang thềm được nằm xuống nghỉ ngơi. Seimke, cô gái Phần Lan, không giúp được gì nhiều lắm cho anh. Cô ta cho anh uống sữa và ăn xương ống tuần lộc. Sau đó, anh nằm lên trên những bộ lông da cáo trắng. Thật là ấm cúng và thoải mái trong hơi khói ở đây. Nhưng khi nằm đó, nửa thức nửa ngủ, dường như có những vật gì đó lạ lùng đang lướt vòng quanh anh.

Ông lão Phần Lan đứng ở cửa lều nói chuyện với lũ tuần lộc, mặc dù chúng đang ở trên những ngọn núi cao cách đó rất xa. Ông ta chặn đường những bầy sói và đe dọa con gấu lớn bằng những câu thần chú, rồi ông ta mở cái bao da lớn ra, để con báo hú lên và kêu rít, rồi có một con lóc xoáy tro cuốn vào trong túp lều. Khi tất cả lặng trở lại, không khí dày đặc vì những con ruồi, đang đậu trên những tấm da thú của ông ta. Trong lúc đó, ông ta lấp bắp, làm bầm và lắc lắc cái đầu trọc lóc xương xẩu hết như một cái sọ người của mình.

Nhưng Jack còn nghĩ tới một điều khác ngoài nỗi kinh ngạc đối với lão phù thủy già.

Và ngay khi đi tới chỗ con thuyền, giấc ngủ nặng nề cứ như ụp xuống đôi mắt anh.

Nó nằm kẹt trên bãi cát và nghiêng sang bên phải như một cái máng lợn, trong lúc đó biển vỗ nhẹ và gợn sóng lăn tăn quanh sóng thuyền. Anh kéo nó lên bờ đủ để ra

khỏi tầm cuốn của thủy triều.

Nhưng càng kiểm tra nó, anh càng thấy dường như người ta đóng những con thuyền như thế để cho biển cả vui đập nó hơn là để nó đối phó với biển cả. Mũi thuyền chỉ to hơn cái mũi lợn đôi chút, còn tấm ván ở sống thuyền thì bằng phẳng như chuôi của một quân cờ. Anh nghĩ thầm rằng để những con thuyền thực sự xứng đáng với biển khơi, chúng phải được thiết kế hoàn toàn khác hẳn. Mũi thuyền ít nhất phải cao hơn hai tấm ván nữa, và phải được làm vừa sắc sảo vừa mềm dẻo, để nó có thể chúi về trước và chẻ đôi những lớp sóng, và người ta sẽ có dịp lái một con thuyền tuyệt diệu.

Anh nghĩ về điều này suốt ngày đêm. Sự thư giãn duy nhất của anh là trò chuyện với cô gái Phần Lan vào chập tối.

Anh không thể không nhận ra rằng Seimke đã đem lòng yêu thương mình. Cô lẽo đẽo đi theo anh đến bất cứ nơi nào, và đôi mắt cô trở nên buồn bã khi anh đi xuống chỗ mé bờ biển. Cô biết rất rõ rằng mọi ý nghĩ của anh đều hướng về việc ra đi.

Còn ông già thì vẫn ngồi đó lăm bằm giữa những lớp tro cho tới khi tấm áo khoác bằng da thú của ông bốc hơi và tỏa khói.

Seimke vỗ về và dỗ ngọt Jack với đôi mắt nâu của cô, trao cho anh những lời ngọt ngào như mật cho tới

lúc cô lồi được anh vào giữa đám khói nơi ông già Phần Lan không thể nghe thấy họ nói gì.

Gan Finn quay đầu sang phải.

“Mắt ta kém rồi, và khói làm chúng mờ đi.” Ông ta nói. “Jack tới đó để làm gì?”

“Hãy nói anh tới để lấy con gà gô bị mắc bẫy.” Cô gái thì thầm.

Và Jack cảm thấy cô đang ngăm ra ám hiệu cho anh và đang run lẩy bẩy hết thân người.

Rồi cô nhẹ nhàng nói với anh rằng Gan Finn đã đọc được những ý nghĩ của anh, rằng ông nổi giận và đang thầm đọc thần chú và hát những bài ca huyền bí để chống lại Jack và con thuyền mà anh muốn làm. Nếu anh hoàn thành nó, Đại phù thủy Phần Lan sẽ không còn bán bất kỳ ngọn gió lạnh nào trên toàn cõi Nordland. Và cô cảnh báo anh nên cẩn trọng, đừng bao giờ đi xen vào giữa ông già phù thủy và bầy ruồi của ông ta.

Lúc đó, Jack cảm thấy con thuyền có thể là thứ sẽ hủy diệt anh. Nhưng mọi việc càng có vẻ tồi tệ, anh càng cố gắng thực hiện chúng sao cho tốt nhất.

Trong ánh bình minh xám nhạt, trước khi Gan Finn thức giấc, anh đi xuống bờ biển.

Nhưng những ngọn đồi tuyết có điều gì đó thật lạ lùng. Chúng nhiều và kéo dài đến vô tận, Jack cứ nặng nề giẫm lên những lớp tuyết càng lúc càng sâu mà không

bao giờ tới được bờ biển cả. Anh chưa bao giờ trông thấy những đồng lửa miền Bắc kéo dài đến thế vào lúc ban ngày. Chúng sáng chói và lấp lánh, những ngọn lửa dài của lửa liếm theo và rít lên ngay phía sau anh. Anh không thể tìm thấy bờ biển hoặc con thuyền đâu cả, mà cũng không thể biết mình thật sự đang ở chỗ nào trên trái đất.

Cuối cùng, anh phát hiện ra mình đã đi ngược sâu vào đất liền thay vì đi xuống biển. Nhưng bây giờ, khi quay lại, một làn sương mù bao trùm lên anh, dày đặc và xám mờ đến mức anh không còn có thể nhìn thấy một vật gì dù ngay trước mắt.

Tối chiều, anh đã mệt nhoài đến gần như kiệt sức, và không còn biết phải làm gì.

Đêm xuống, và tuyết càng rơi dày đặc.

Trong lúc Jack đang ngồi trên một tảng đá, suy ngẫm và cân nhắc để tìm cách thoát hiểm, từ trong màn sương mù, một đôi giày đi tuyết lướt thật nhẹ tới và dừng lại ngay trước chân anh.

“Nếu người đã tìm ra ta, người cũng có thể tìm được lối về.” Jack nói.

Thế là anh mang đôi giày vào, và để mặc cho chúng tự lướt đi trên những sườn đồi và dốc đá. Anh không để cho đôi mắt hướng dẫn, và cũng không để đôi chân của mình mang mình đi. Đôi giày càng đi nhanh, những

bông tuyết càng rơi dày, và hơi nước biển trườn lên anh, và một luồng gió suýt chút đã thổi anh khỏi đôi giày đi tuyết.

Lên đồi, xuống lũng, anh đi qua tất cả những nơi mà anh từng đi suốt ngày hôm ấy, đôi khi dường như anh không còn đi trên mặt đất mà đang bay giữa không trung.

Đôi giày đi tuyết đột nhiên dừng lại, và anh đã đứng ngay trước cửa túp lều của Gan Finn.

Seimke đứng tại đó. Nàng đã tìm kiếm anh.

“Em đã cho đôi giày đi tìm anh.” Nàng nói. “Vì em nhận thấy ông của em đã phù chú mặt đất khiến anh không thể tìm ra con thuyền. Mạng sống của anh an toàn, vì ông đã cho anh ẩn náu trong lều của ông. Nhưng sẽ bất lợi cho anh nếu gặp ông đêm nay.”

Thế rồi nàng lén đưa anh vào lều, để Gan Finn không nhận ra trong đám khói dày, rồi nàng cho anh ăn và thu xếp chỗ ngủ cho anh.

Khi giật mình thức giấc giữa đêm, Jack nghe một âm thanh kỳ lạ, và từ xa trong không trung có một tiếng hát rì rầm:

“Người Phần Lan không ra con thuyền

Gã ngư phủ đàn ruồi vẫn tìm

Gió cuộn tròn thành xoáy liên miên.”

Lão phù thủy ngồi giữa đống tro và lùm rậm đọc thần

chú cho tới lúc mặt đất rung lên. Seimke nằm úp trán lên mặt đất, hai bàn tay ôm chặt lấy gáy, cầu nguyện Thượng đế của người Phần Lan chống lại ông ta. Jack hiểu rằng lão phù thủy vẫn đang tìm kiếm anh giữa đám sương mù và bông tuyết, và mạng sống của anh đang bị những câu thần chú đe dọa.

Vì vậy, anh mặc lại quần áo trước khi trời sáng, đi ra ngoài, và quay trở về lều, cả người đầy tuyết phủ, và bảo rằng anh đã đi theo những con gấu vào nơi trú đông của chúng. Nhưng anh chưa bao giờ nhìn thấy một con sương mù kinh khủng như vậy, anh đã lần mò đi thật xa trước khi có thể tìm ra đường quay lại túp lều.

Lão phù thủy ngồi đó, với những tấm áo choàng da thú bám đầy những con ruồi hết như một cái tổ ong. Ông ta đã sai chúng đi tìm khắp hướng, nhưng chúng đã trở lại đông đủ, đang bay vo ve quanh quần bên ông ta.

Khi nhìn thấy Jack ở cửa lều, nhận thấy rằng đám ruồi đã báo cáo đúng, trông ông ta hơi dịu lại, và phá lên cười cho tới lúc cả thân hình ông rung lên dưới tấm áo choàng da, rồi ông ta lầm rầm nói: “Ta sẽ cột con gấu này ở gần chậu rửa bát, và ta đã làm cho đôi mắt nó chệch đi, để nó không thể nhìn thấy con thuyền của nó, và ta sẽ cắm một cái cọc ngay trước mặt nó cho tới mùa xuân.”

Ngay trong hôm ấy, lão phù thủy đứng ở cửa lều, bận

rộn gửi những ám hiệu ma thuật và những cử chỉ lạ lùng vào không trung.

Rồi ông ta thả ra hai bầy ruồi kinh khủng, lướt theo mọi hướng, để lại những vết xám đen trên mặt tuyết ở mọi nơi chúng bay qua. Chúng sẽ mang tới đau đớn và bệnh tật xuống một ngôi nhà mé dưới đầm lầy, làm lây lan chứng bệnh ho lao để giết chết một cô dâu ở Bodo.

Suốt ngày đêm, Jack không nghĩ tới điều gì khác ngoài việc làm sao anh có thể thoát khỏi Gan Finn.

Seimke dỗ dành, khóc lóc và van nài anh, rằng nếu coi trọng mạng sống của mình thì đừng cố tìm cách đến chỗ con thuyền nữa. Tuy nhiên, cuối cùng, nàng thấy rằng điều đó vô hiệu quả – Jack đã quyết tâm bỏ trốn.

Nàng hôn đôi bàn tay của Jack và khóc nức nở. Cuối cùng, Jack phải hứa sẽ chờ đợi cho đến khi Gan Finn đã tới núi Jokmok^[8] ở Thụy Điển.

Vào hôm lên đường, lão phù thủy già đi vòng quanh túp lều với một ngọn đuốc. Ở thật xa nơi đó, có những đồng cỏ trên núi, với những con tuần lộc và chó, còn những người dân của lão thì sống gần bên cạnh. Lão ra lệnh cho cô cháu gái không được để cho bầy tuần lộc đi quá xa khi lão vắng nhà, kẻo không thể bảo vệ chúng khỏi những con sói và gấu. Thế rồi lão uống một liều thuốc ma thuật rồi bắt đầu nhảy múa, xoay vòng cho

đến lúc tắt thở, và lão chìm sâu vào lòng đất. Những tấm áo da thú của lão vẫn nằm lại đó. Linh hồn của lão đã bay đến núi Jokmok.

Ở đó tất cả những tay phù thủy sẽ ngồi lại với nhau trong màn sương u ám bên dưới đỉnh núi cao và thì thầm với nhau về những điều bí ẩn và thổi những thần linh vào trong người những phù thủy tập sự.

Bầy ruồi vẫn bay vo ve vòng quanh đông da thú trống rỗng của Gan Finn như một chiếc vòng vàng choé để canh gác.

Đêm đó, Jack thức giấc vì có một cái gì đó đang kéo lôi anh như thể từ rất xa. Đó là một luồng không khí, và có cái gì đó đe dọa, kêu gọi anh từ giữa những đám bông tuyết ngoài trời.

*“Những con vịt trời, khi mi chưa giỏi bằng chúng
Trừng chưa nở và Phù thủy Phần Lan
Không bao giờ để cho mi đi thuyền về miền nam
Vì ông ta sẽ tắt gió và nhốt bão lại.”*

Khi tiếng nói kết thúc, Gan Finn hiện ra, khom người nhìn anh. Lớp da mặt của lão xệ xuống mềm nhão, đầy những nếp nhăn, như da của một con tuần lộc già, và trong mắt lão như có một lớp khói mờ làm anh hoa mắt. Jack run lên và tê cóng cả thân người, anh biết rằng lão đã êm phù chú lên người anh. Thế rồi anh ngẩng mặt lên nhìn thẳng vào lão, để cho những câu phù chú không

làm hại được anh, họ kinh nhau như thể cho tới khi mặt Gan Finn tái xanh đi, gần như bị nghẹt thở.

Sau đó, những tay phù thủy ở Jokmok gửi những thứ ma thuật đến Jack, che mờ trí thông minh của anh. Anh có cảm giác lạ lùng và bất cứ khi nào anh bận rộn với chiếc thuyền, vừa sửa lại một thứ gì đó, ngay lập tức một thứ khác sẽ hư hỏng. Cuối cùng, anh có cảm giác như đầu anh chứa đầy những mũi kim.

Một nỗi buồn sâu thẳm đè nặng lên hồn anh. Anh có cố gắng mấy vẫn không thể sửa lại con thuyền theo ý muốn, và có vẻ như anh sẽ không bao giờ có thể vượt biển được nữa.

Vào mùa hè, Jack và Seimke ngồi bên nhau trên mỏm đất trong những buổi chiều ấm áp, những con muỗi mất vo ve và bọn cá quẫy nước ở ven bờ trong sự yên tĩnh, còn những con vịt biển thì bơi quanh quần nơi đó.

“Giá có ai đó đóng cho anh một chiếc thuyền nhanh lẹ như cá và có thể lướt lên trên những ngọn sóng còn như một con hải âu nhỉ!” Jack thở dài than vãn. “Khi đó anh có thể lên đường ngay.”

“Mi có muốn ta chỉ đường cho mi tới Thjoto không?” Một giọng nói cất lên từ bờ biển.

Một gã đàn ông đội mũ da vành rũ đứng ở đó, và họ không thể nhìn thấy gương mặt hắn ta.

Và ngay ở bên ngoài những mỏm đá, nơi họ nhìn thấy

những con vịt biển lúc này, nằm sừng sững một chiếc thuyền dài và hẹp, mũi và lái cao vút, màu của lớp nhựa quét thuyền lấp lánh phản chiếu xuống mặt nước trong xanh, và dường như không có một đường ráp nối nào trên lớp gỗ.

“Tôi rất biết ơn vì bất kỳ một sự chỉ dẫn nào.” Jack nói.

Khi Seimke nghe thấy câu này, nàng bắt đầu khóc lên nức nở. Nàng vừa bám vào cổ Jack, không để cho anh ra đi, vừa kêu gào kẻ lừa. Nàng hứa sẽ cho anh đôi giày đi tuyết, chúng sẽ đưa anh vượt qua mọi thứ, và bảo rằng nàng sẽ lấy trộm cho anh cái gậy bằng xương của Gan Finn, nhờ nó, anh sẽ có những đồng tiền cổ may mắn đã bị vùi chôn, sẽ dạy cho anh cách thắt những mắt lưới để đánh bắt cá hồi trên đường tìm cá, cách dụ lũ tuần lộc từ xa. Anh sẽ trở nên giàu có như Gan Finn, chỉ cần anh đừng bỏ rơi nàng.

Nhưng Jack chỉ chăm chú nhìn con thuyền bên dưới. Thế là nàng đứng dậy, rút những lọn tóc của mình ra quấn vào chân Jack, để trước khi rời khỏi nàng, trước hết anh phải gỡ được chúng khỏi chân.

“Nếu anh ở đây với em và những con tuần lộc non, có nhiều người nghèo vẫn không tài nào thoát khỏi những con thuyền tồi tàn rách nát.” Jack nói. “Nếu em hiểu được điều này, hãy tặng cho anh một nụ hôn và ôm

chặt lấy anh trước lúc anh ra đi.”

Thế là nàng lao vào vòng tay anh như một con mèo hoang, nhìn thẳng vào mắt anh với đôi mắt đắm lệ của nàng, run lên và chột phá lên cười như điên dại.

Nhưng khi nhận ra nàng không thể làm gì được, nàng bỏ chạy, giơ cánh tay khỏi đầu vẫy về hướng túp lều.

Khi đó, Jack biết nàng sẽ xin ý kiến của Gan Finn, và tốt nhất là anh nên bỏ trốn trên chiếc thuyền trước khi quá muộn. Trong lúc đó, con thuyền đã đến rất gần những mỏm đá, và anh có thể nhảy xuống sàn thuyền. Chiếc bánh lái quay nhanh trong tay anh, và nghiêng nghiêng phía sau cột buồm ở mũi tàu có một người đang ngồi, đang giương buồm lên, nhưng Jack không thể nhìn thấy mặt hắn ta.

Họ lướt đi trên sóng nước.

Jack chưa hề trông thấy một chiếc thuyền chạy trước gió như thế. Mặt biển vây quanh họ như tuyết cuộn lên, dù nó đang yên tĩnh. Nhưng họ đi chưa được xa lắm thì trên không trung chột có tiếng kêu chim chíp lạ lùng. Những con chim kêu thét lên và bay về hướng đất liền, và mặt biển dựng lên như một bức tường ở sau lưng họ.

Gan Finn đã mở cái túi đựng gió của ông ta, và sai khiến một cơn bão đuổi theo họ.

“Cần giương hết buồm trong cái vạc của người Phần Lan này.” Một giọng nói cất lên từ phía sau cột buồm.

Người chủ thuyền chẳng quan tâm đến thời tiết mấy vì hắn ta chỉ cuốn một cánh buồm duy nhất.

Thế là Gan Finn cử một con bão lớn gấp đôi đuổi theo họ.

Họ lướt đi trong một điệu vũ hoang dại qua cái vịnh nhỏ, còn mặt biển thì dựng lên thành một cột nước trắng xóa, vươn tới tận những đám mây. Trừ phi con thuyền có thể bay nhanh như chim, nó sẽ bị nhấn chìm. Chợt một giọng cười kinh khủng nổi lên từ mạn trái con thuyền:

“Gan Finn đang há mồm

Thôi chúng ta về nam

Con bão to dị thường

Ta phải giương ba buồm”

Ngay lập tức, ba buồm phụ được giương lên, và gã ngồi ở trước tàu dạng hai chân ngồi trên miếng ván giữa thuyền, đôi ủng đi biển khổng lồ của hắn dong đưa trong sóng nước. Họ chạy thẳng qua màn nước ra cửa biển, giữa tiếng rú gào gầm thét của cơn bão dữ.

Những bức tường sóng rộng lớn và nặng nề đến nỗi Jack không thể nhìn thấy ánh sáng ban ngày ở cách xa vài mét, anh cũng thể nhận ra họ đang đi đâu trên vùng biển trũng đó.

Con thuyền chẻ mặt biển một cách nhẹ nhàng và dễ dàng như thể mũi thuyền là một bộ vây cá trơn trượt, còn

mặt ván thì phẳng mịn như vỏ trứng chim nhạn, nhưng trong phạm vi tầm nhìn, Jack không thể thấy những miếng ván thuyền chấm dứt ở chỗ nào, như thể nó chỉ là một nửa của con thuyền, không còn gì nữa. Cuối cùng, dường như toàn bộ phần trước con thuyền đã vượt ra khỏi vùng sóng cuộn, và họ đang lao đi bên dưới cánh buồm của một nửa con thuyền.

Khi đêm buông xuống, họ đi qua vùng biển lân tinh, đang lấp lánh như những lớp than hồng, và trong không trung có một tiếng hú kinh khủng kéo dài theo hướng gió.

Những tiếng khóc than và gào rú vì đau khổ đáp lại tiếng gió từ những con thuyền bị lật úp khi họ lướt qua, và nhiều gương mặt xanh xao khủng khiếp của những người ngư phủ đang dán vào con thuyền của họ. Ánh sáng của vùng biển lân tinh hắt lên mặt họ một màu xanh thẫm. Họ ngồi, miệng há hốc, mắt trừng trừng và gào thét trong cơn gió.

Đột nhiên anh tỉnh thức, và có ai đó kêu lên: “Giờ thì mi đã về tới nhà ở Thjöttö rồi đó, Jack!”

Khi trấn tĩnh lại hơn, Jack nhận ra anh đang ở đâu. Anh đang nằm trên một mồm đá gần căn nhà thuyền ở quê hương. Thủy triều tiến vào đất liền khá xa nên một đợt sóng tràn qua bên trên cánh đồng trồng khoai, và anh gần như không đứng vững vì cơn gió mạnh. Anh

ngồi xuống căn nhà thuyền, bắt đầu lơ mơ nhớ lại và phác ra hình dáng của con thuyền thủy quái trong bóng tối âm đạm cho tới khi ngủ thiếp đi.

Sáng hôm sau, em gái của anh đến với một giỏ thịt. Cô bé không chào hỏi anh như thể anh là một người xa lạ, nhưng cư xử như việc tới đó vào mỗi buổi sáng là một điều bình thường. Khi anh bắt đầu kể cho nó nghe mọi chuyện về chuyến hành trình tới Finnmark, về Gan Finn và con thuyền thủy quái đã đưa anh về nhà đêm qua, anh nhận ra rằng nó chỉ nhe răng cười và để cho anh kể lể. Suốt ngày hôm ấy, anh kể lại câu chuyện cho các em trai, em gái và mẹ của anh nghe, cho tới khi anh kết luận rằng họ nghĩ anh đã hơi mất trí. Khi anh nói tới con thuyền thủy quái họ mỉm cười với nhau và thầm chế giễu anh. Nhưng họ muốn tin gì thì mặc họ, chỉ cần anh có thể thực hiện được điều mình muốn, và được ở yên một mình trong căn nhà thuyền hiu quạnh.

“Cần phải làm theo ý mọi người.” Jack nghĩ, và nếu họ nghĩ rằng anh điên khùng mất trí, anh phải xử sự sao cho họ không chú ý tới anh, không can thiệp và quấy rầy khi anh làm việc.

Thế là anh mang xuống căn nhà thuyền một cái giường bằng da thú, và ngủ đêm ở đó; vào ban ngày anh trèo lên một cái xà nhà và la to rằng anh đang đi thuyền. Đôi khi, anh trượt theo mái nhà và chọc sâu vỏ con dao

những rui nhà, để mọi người nghĩ rằng anh đang tưởng tượng anh đi trên biển, bám chặt vào lườn một con thuyền.

Khi có người đi qua, anh đứng ở lối ra vào, tròn trĩnh đôi mắt một cách kinh dị, đến nỗi người nào trông thấy anh cũng phải thất kinh hồn vía. Còn mọi người trong gia đình anh, họ cũng chỉ dám mang giỏ thịt xuống căn nhà thuyền cho anh. Malfri, cô em gái út bé nhỏ vui tính của anh được cử đi làm việc đó, và nó thường ngồi trò chuyện với anh, thích thú khi anh làm cho nó những món đồ chơi và kể cho nó nghe về con thuyền có thể đi nhanh như chim bay, và lướt đi nhanh hơn tất cả những con thuyền khác.

Nếu tình cờ có ai đó bất ngờ đến chỗ anh, cố nhìn trộm xem anh làm gì ở đó, anh trèo lên căn gác gỗ, gõ đập vào những miếng ván để họ không biết đích xác anh đang làm gì và chán nản bỏ đi. Không ai còn muốn trèo lên lại ngọn đồi khi nghe thấy những tràng cười liên tiếp của anh đuổi sau lưng họ. Thế là Jack đã tìm được cách để mọi người tránh xa anh.

Anh làm việc chăm chỉ vào ban đêm, khi cơn bão đập mạnh vào những tảng đá và chiếc ca nô trên mái cỏ và những mảnh rong biển bắn tung lên ngay trước cửa chiếc nhà thuyền.

Khi bão đang gào thét rên rỉ và những chùm hoa tuyết

bắn luôn qua những kẻ hở trên vách, hình dáng con thuyền thủy quái hiện lên rõ ràng trước mắt anh. Những ngày mùa đông thật ngắn, đêm buông sớm và bóng tối kéo dài cho tới sáng, khi đó anh chui vào nằm ngủ trên chiếc giường da thú.

Anh không màng đến đau khổ hay khó khăn. Nếu có một tấm ván không đúng khớp với những miếng khác, anh có thể tháo tất cả ra và sắp xếp chúng lại nhiều lần.

Một đêm, ngay trước lễ Giáng sinh, anh đã hoàn tất mọi thứ trừ miếng ván trên cùng và những cái lỗ mộng. Anh cố làm việc hết sức cho xong đến nỗi quên cả thời gian.

Cái bào trên tay anh liên tục tung ra những lớp gỗ bào bay lả tả cho đến khi anh phải ngưng tay khi có một cái gì đó đen đen đang di chuyển dọc trên tấm ván.

Đó là một con ruồi to lớn và xấu xí. Nó bò vòng vòng, đánh hơi và thọc vòi vào mọi tấm ván trên con thuyền. Khi tới tấm ván thấp nhất nó đập mạnh đôi cánh và kêu vo ve. Rồi nó bay lên, lượn một vòng trong không trung, sau đó biến mất trong bóng tối.

Trái tim Jack trĩu nặng lo âu. Không còn nghi ngờ gì nữa, anh biết rất rõ con ruồi của Gan Finn không mang tới một cái gì tốt lành cho anh cả.

Anh cầm lấy cây đèn dầu và một cây gậy gỗ, bắt đầu kiểm tra mũi thuyền và soi sáng lớp ván thuyền, gõ

mạnh vào nó, và lần lượt làm thế với từng miếng ván thuyền, từ mũi tàu tới đuôi tàu, từ trên xuống dưới. Lúc bấy giờ anh không còn thực sự tin vào một cây đinh hoặc con tán nào hết.

Nhưng anh không còn thấy hài lòng với hình dáng hoặc những tỷ lệ của con thuyền. Mũi thuyền quá lớn, và toàn bộ mặt cắt của nó ở mép thuyền có cái gì đó không vừa mắt, như thể nó được ráp lại từ hai nửa thuyền khác nhau, và nửa sau không khớp với nửa trước. Khi anh sắp sửa chạm trán với một sự kiện khác (anh thấy mồ hôi lạnh đang ứa ra từ từng chân tóc), ngọn đèn bão tắt ngúm và anh chìm vào bóng tối mê mẫn.

Anh không còn kèm chế mình được nữa. Anh vớ lấy cây gậy và lao tới cửa căn nhà thuyền, và chụp một cái chuông đeo cổ bò lớn, anh xoay tròn nó quanh người, rung chuông, rung mãi trong bóng đêm đen.

“Rung chuông gọi ta hử Jack?” Có ai đó hỏi. Tiếng nói ở phía sau lưng anh giống như tiếng sóng vỗ vào bờ rì rào, và một cơn gió lạnh cuốn vào căn nhà thuyền.

Ngồi trên sống thuyền là một người mặc tấm áo choàng đi biển xám sũng nước, cái mũ vải hoa kéo xuống tận đôi tai, làm cho đầu hắn ta trông giống như một núp ren tua.

Jack giật bắn người lên. Đây chính là kẻ anh đã từng

nghe tới trong cơn điên giận. Anh cầm lấy cái xô nước lớn và ném nó vào con thủy quái. Nhưng chiếc xô xuyên qua người con thủy quái, va vào bức vách phía sau và dội lại, lướt vù qua bên tai Jack. Nếu nó va phải Jack, có lẽ anh đã tiêu đời.

Con thủy quái chỉ nhấp nháy đôi mắt của nó một cách dữ tợn.

“Thật xấu hổ cho mi!” Jack hét lên và nhô vào con vật kỳ quái.

“Mi hãy nhận lại miếng giẻ ướt của mi!” Nó cười the thé.

Ngay lúc đó, đôi mắt Jack mở ra và anh trông thấy một con thuyền trên bờ biển. Đó là một con thuyền tám mái chèo, dài, đáng đẹp và tuyệt vời đến nỗi Jack không thể rời mắt khỏi nó.

Con thủy quái nhấp mắt với vẻ hài lòng. Đôi mắt nó ngày càng sáng rực hơn.

“Nếu ta đưa mi quay lại Helgeland, ta còn có thể giúp mi kiếm sống. Nhưng mi phải đóng thuế cho ta một ít. Ta sẽ là người đặt cái sòng thuyền vào mỗi con thuyền mà mi đóng.”

Jack có cảm giác như cổ đang bị nghẹn. Anh nhận ra rằng con thuyền này đang cuốn anh vào đôi hàm của một con vật kinh tởm.

“Hay là mi tưởng rằng mi có thể chơi khăm được ta

mà không mất gì?” Con thủy quái hỏi.

Rồi có một tiếng rít, như thể có vật gì rất nặng đang bay liệng quanh căn nhà thuyền, rồi có tiếng cười to: “Nếu mi muốn con thuyền của thủy thần thì mi phải nhận con thuyền của tử thần cùng với nó. Đêm nay, nếu mi lấy cây gậy đập lên sóng thuyền ba lần, mi sẽ được giúp đóng những con thuyền chưa bao giờ có trong mọi vùng ở miền bắc này.”

Đêm hôm đó, hai lần Jack đưa cây gậy lên rồi lại đặt nó xuống. Nhưng con thuyền vẫn nằm giỡn sóng trên biển trước mắt anh, như anh đã nhìn thấy nó, mới toanh và sáng loáng với lớp nhựa quét tươi rói, với những sợi dây và các thiết bị đánh cá đặt bên trong. Anh đập và lắc con thuyền để xem nó có thể vươn lên nhẹ nhàng và cao đến mức nào trên mặt sóng.

Và một, hai, ba lần, cây gậy gõ lên chiếc sóng thuyền. Con thuyền đầu tiên đã ra đời ở Sjöholm như thế đó.

Mùa thu ấy, vô số dân chúng tụ tập dày đặc như những bầy chim trên mồm đất, theo dõi Jack và các anh em của anh đang hạ thủy con thuyền mới.

Nó lướt qua dòng nước chảy mạnh, làm bọt nước nổi lên cuộn cuộn xung quanh. Nó lướt đi, trôi lên như một con hải âu, băng qua những đảo ngầm và những mũi đất như một mũi tên.

Ra tới những bãi đánh cá, những người ngư phủ dừng chèo và thở hổn hển. Họ chưa bao giờ thấy một con thuyền như thế này.

Nhưng nếu trong năm đầu nó là một con thuyền tám tay chèo, năm sau đó nó là một con thuyền rộng mười tay chèo để đánh cá mùa đông, làm cho những người ngư dân mở rộng tầm mắt của họ ra.

Và mỗi con thuyền mà Jack đóng đều nhẹ và nhanh hơn con thuyền trước đó.

Nhưng con thuyền to và đẹp nhất, con thuyền cuối cùng đang nằm trên bãi đậu ở bờ biển. Đó là con thuyền thứ bảy.

Jack đi đi lại lại, suy nghĩ về nó mãi; nhưng khi anh tới thăm nó vào buổi sáng, kỳ lạ thay, dường như nó đã lớn lên trong đêm, và hơn thế, cực kỳ đẹp đẽ, làm anh bàng hoàng sửng sốt. Cuối cùng nó nằm ở đó, và mọi người nói chuyện về nó không biết mệt.

Bảy giờ, viên quan huyện cai trị Helgeland là một con người bất công. Ông ta buộc dân phải đóng nhiều loại sưu thuế nặng nề, với số cá và lông vịt gấp đôi, và cả thuế thập phân và thuế lúa. Bọn lính của ông ta đi tới đâu cũng hung hăng phách lối. Chẳng bao lâu, tiếng đồn về những con thuyền mới đã tới tai ông ta. Ông ta sai người tới xem thực hư ra sao, vì bản thân ông ta đã từng đi đánh cá với những thủy thủ đoàn đông đảo. Khi bọn lính

quay về và báo cho ông ta biết những gì chúng thấy, viên quan nôn nóng đến nỗi ông ta ngay lập tức lên đường tới Sjöholm. Một ngày đẹp trời nọ, ông ta xuất hiện trước Jack như một con chim ưng. “Nhà ngươi chưa hề nộp sưu hay thuế gì cả, vì thế bây giờ ngươi sẽ bị phạt phân nửa số bạc mà ngươi kiếm được với những con thuyền.” Ông ta nói.

Sự giận dữ của ông ta còn hơn thế. Jack có thể bị xiềng lại và bị đưa tới pháo đài Skraar ở phía bắc, và sẽ bị canh giữ gắt gao để anh không còn nhìn thấy mặt trời hay mặt trăng được nữa.

Nhưng khi viên quan huyện chèo thuyền quanh con thuyền mười mái chèo, ngắm nghía xem xét và nhận ra vẻ đẹp thanh thoát của nó, ông ta cho rằng nên tỏ chút lòng thương hại, và quyết định thu con thuyền thay cho khoản tiền phạt.

Khi đó Jack ngã mũ ra và bảo rằng nếu có ai đó mà anh muốn dâng tặng con thuyền, thì đó chính là ngài quan huyện khả kính.

Và thế là viên quan huyện ra đi cùng với con thuyền.

Mẹ và các em của Jack khóc nức nở vì tiếc con thuyền xinh đẹp, còn Jack thì đứng trên mái căn nhà thuyền cười như nắc nẻ.

Vào mùa thu, có tin rằng viên quan huyện và tám tên lính đã chết chìm cùng con thuyền ở vịnh biển phía tây.

Vào thời gian ấy, những con thuyền ở khắp vùng Nordland có một thay đổi lớn. Và Jack không thể nào đóng kịp một phần mười số thuyền mọi người yêu cầu. Cư dân gần xa kéo đến vây quanh căn nhà thuyền của anh, và được anh nhận lời đặt hàng là một ân huệ đối với họ. Chẳng bao lâu sau, một dải thuyền đã xuất hiện dưới ven bờ biển.

Anh không còn suy nghĩ về con thuyền thứ bảy, hoặc lưu tâm tới việc nó ra sao hoặc việc gì xảy đến với nó. Nếu thỉnh thoảng có một con thuyền bị đắm, thì có nhiều thuyền khác rất hữu dụng, nên nói chung là anh thật sự đã làm công việc của mình rất thành công. Ngoài ra, chắc chắn là mọi người có thể chọn lựa một con thuyền mà họ cho là tốt nhất.

Jack trở nên giàu mạnh và không còn ai dám ngăn trở hay xía vào công việc của anh. Những cọc tiền xu bằng bạc chất đầy trong những cái thùng đặt trên căn gác, còn xưởng đóng thuyền thì trải rộng ra khắp các hòn đảo ở Sjöholm.

Một Chủ nhật nọ, mẹ, các em trai của Jack và cô bé con Malfri vui tính đi lễ nhà thờ trên con thuyền tám mái chèo. Khi chiều xuống, và chưa thấy họ trở về nhà, một người thợ đóng thuyền vào nhà và báo rằng nên cử ai đó lên đường để giúp đỡ họ, vì một cơn bão lớn đang sắp đến.

Jack đang ngồi căng dây dọi để đo các bộ phận của một con thuyền mới, to hơn và oai vệ hơn bất cứ con thuyền nào trước đó, nên anh không muốn bị quấy rầy.

“Anh tưởng rằng họ đi trên một chiếc thuyền cũ mục nát chẳng?” Jack nói. Người thợ đóng thuyền vội vã đi ra.

Đêm hôm đó, Jack nằm thao thức và lắng nghe. Gió đang gào thét bên ngoài và đập vào vách nhà, và ở xa xa ngoài biển có những tiếng kêu la. Ngay lúc đó, có tiếng gõ cửa và ai đó gọi tên anh.

“Hãy quay lại nơi mà mi đã đến.” Anh hét lớn và rúc sâu vào chiếc giường ấm cúng.

Sau đó một lúc, có tiếng những ngón tay nhỏ bé sờ soạng và cào cào lên cánh cửa.

“Mi không chịu để cho ta được yên suốt đêm nay sao?” Anh nói lớn. “Hay là ta phải tìm một chỗ ngủ khác?”

Tiếng gõ cửa và tiếng sờ soạng tìm chốt cửa ở bên ngoài vẫn tiếp tục, như thể của ai đó không thể mở được cửa. Rồi tiếng những bàn tay đập vào chốt cửa ngày càng lớn.

Nhưng Jack vẫn nằm cười lớn. “Chiếc thuyền tám mái chèo được đóng ở Sjöholm sẽ không bao giờ đắm trước khi cơn gió đầu tiên thổi.” Anh chế giễu.

Rồi chốt cửa bị chặt cho tới khi cánh cửa mở rộng ra,

trên lối ra vào là Malfri, mẹ Jack và các em trai của anh. Ánh lân tinh lấp lánh trên người họ, và toàn thân họ ướt sũng.

Nét mặt họ xanh dờn, nhẵn nhớt như thể vừa trải qua một nỗi đau đớn chết người. Malfri choàng một cánh tay qua cái cổ đầy vết thương và đầm máu của bà mẹ. Nó khóc than và cầu xin anh hãy trả lại cho nó cuộc sống.

Và anh biết chuyện gì đã xảy ra với họ.

Anh lao thẳng vào màn đêm đen và thời tiết còn tối tăm ảm đạm hơn để tìm họ, với mọi con thuyền và thủy thủ mà anh có thể tập hợp được. Họ ra khơi và tìm khắp các hướng, nhưng vô hiệu.

Vào rạng sáng, con thuyền lật úp dạt vào bờ biển với một cái lỗ lớn trên sống thuyền. Và Jack biết ai đã làm điều đó.

Nhưng kể từ cái đêm mà toàn gia đình Jack bị chết chìm, mọi chuyện ở Sjöholm trở nên khác hẳn.

Vào ban ngày, lúc còn tiếng gõ búa, tiếng động các thứ, mọi thứ đều êm xuôi, và những cái sườn thuyền dựng lên san sát như những con chim non trong một sân chim.

Nhưng ngay khi màn đêm buông xuống, mẹ anh đi lại lảng xảng ồn ào khắp nhà, mở ra đóng lại những ngăn kéo và tủ đứng, còn cái thang lên xuống thì kêu thành thành dưới những bước chân nặng nề của các em trai

Jack.

Suốt đêm anh không thể ngủ, và dĩ nhiên, bé Malfri tội nghiệp lại đến khóc than ngoài cửa. Anh nằm thao thức và suy nghĩ, tự hỏi anh đã đóng bao nhiêu con thuyền bị sai sót ở sông thuyền. Càng suy nghĩ anh càng nhận ra mình đã làm ra những con thuyền- thủy quái.

Anh thường lao ra khỏi giường, lê mình trong bóng đêm để xuống căn nhà thuyền. Ở đó, anh đốt một ngọn đèn cạnh những con thuyền, gõ đập và kiểm tra mọi sông thuyền với một cây gậy để xem có tìm ra con thuyền xui xẻo không. Nhưng anh không phát hiện hoặc cảm thấy con thuyền nào có vấn đề. Chiếc nào cũng như chiếc nào. Tất cả đều chắc chắn, còn những lớp ván, khi anh cạo tróc lớp nhựa quét thì vẫn trắng và mới nguyên.

Một đêm, anh thấy bứt rứt khó chịu về chiếc thuyền sáu mái chèo mới đang nằm cạnh cầu để hạ thủy vào sáng hôm sau đến nỗi anh lại đi xuống kiểm tra nó với cây gậy.

Khi anh ngồi trong chiếc thuyền, đang khom người bên trên lớp ván ngang với một cây đèn thì có một tiếng động lạ lùng ở ngoài biển và xuất hiện một mùi cực kỳ hôi thối. Ngay lúc đó, anh nghe tiếng khoát nước, như thể có nhiều người đang bơi vào bờ, rồi từ bên trên mũi đất, anh nhìn thấy một con thuyền đang đi tới.

Trông như tất cả bọn họ đều oằn người, duỗi dài tay về phía trước. Bất cứ thứ gì hiện ra trên đường đi của họ, dù là đá hay đảo ngầm, họ đều băng xuyên qua, không một tiếng động hay tiếng kêu gì cả.

Ở sau lưng họ, lại xuất hiện một đoàn thủy thủ khác, lớn có nhỏ có, đang chèo cút kít.

Và hết con thuyền này đến con thuyền khác đang tiến vào bờ theo con đường hướng tới mũi đất.

Khi trăng lên cao, Jack có thể nhìn thẳng vào những bộ xương của các đoàn thủy thủ đó. Gương mặt họ giận dữ, những cái mồm há hốc nhe ra những hàm răng, như thể họ đang uống nước. Họ lần lượt tới, hết đoàn này tới đoàn khác, cho tới lúc cả một vùng đều đông nghẹt những con thuyền.

Rồi Jack nhận ra tất cả bọn họ là những người mà anh đã cố tính đếm và tự hỏi khi nằm trên giường, và một cơn giận chột bùng lên.

Anh đứng thẳng lên và hét lớn: “Các người thậm chí còn bị tồi tệ hơn thế nếu Jack không đóng những con thuyền!”

Bấy giờ, giống như một cơn lốc xoáy lạnh như băng giá, tất cả hiện lên xung quanh anh, nhìn trừng trừng vào anh với những hốc mắt trống trơn. Họ nhe răng ra, rồi từng người thở dài và than khóc cho cuộc đời đã mất của mình.

Jack kinh hoàng rời khỏi Sjöholm.

Nhưng thuyền lạc hướng, và Jack lạc vào vùng nước chết. Ở đó, giữa mặt nước tĩnh lặng như tờ, là một đồng những tấm ván mục nát nở phồng vì ngâm nước. Trước kia chúng đã được cưa bào và ráp lại với nhau, nhưng nay thì bị tan tác thành từng mảnh, trên bám đầy rêu xanh và rác rưởi.

Những bàn tay chết vẫn còn bấu chặt lấy chúng với những khớp xương trắng hếu nhưng không thể kéo dài hơn. Chúng lỏng dần rồi rơi xuống nước, chìm hẳn.

Khi ấy, Jack giương tất cả những cánh buồm phụ và cho thuyền đi, đi mãi, vát theo hướng gió.

Anh ngoái lại nhìn đám ván gỗ xem những thứ đó có đuổi theo anh không. Trong lòng biển sâu, tất cả những bàn tay chết đang quằn quại, cố tấn công anh với những mũi lao ở phía sau.

Rồi một cơn gió lớn nổi lên, con thuyền lướt đi giữa những cuộn sóng trắng xóa.

Tiết trời u ám, những bông tuyết bay đầy không trung, và những rác rến quanh anh chuyển sang màu xanh thẫm.

Vào ban ngày, anh lấy những con chim cốc ở phía xa xa trong làn sương xám làm tiêu điểm và khi đêm xuống, chúng kêu gào quanh quần bên tai anh. Những con chim tiếp tục bay qua, còn Jack thì ngồi ngẩng lên nhìn theo

chúng.

Cuối cùng sương giá tan đi chút ít, không khí bắt đầu sống động với những con ruồi đen óng ánh bay vo ve. Mặt trời hiện ra, và xa xa trên đất liền những cánh đồng phủ tuyết sáng lấp lánh trong ánh nắng.

Anh nhận ra rất rõ mũi đất và bờ biển nơi anh có thể đưa thuyền tới. Làn khói bay lên từ túp lều Phần Lan nằm trên ngọn đồi phủ tuyết. Gan Finn ngồi ở lối vào lều, đang nhắc lên hạ xuống cái mũ chòm nhọn của mình bằng một sợi dây gân xuyên thẳng qua người ông, làm cho lớp da kêu lên kéo kẹt.

Và tất nhiên ở đó cũng có mặt Seimke.

Trông nàng có vẻ già đi và gầy guộc khi khom người trên tấm da tuần lộc để trải nó ra phơi nắng. Đôi tay nàng thoăn thoắt, và ánh nắng rọi xuống người nàng, soi sáng gương mặt và mái tóc đen óng ả.

Nàng nhanh nhẹn đứng lên, giơ tay lên che mắt và nhìn xuống chỗ anh. Con chó của nàng sủa lên, nhưng nàng bắt nó im đi để Gan Finn không phát hiện ra điều gì lạ.

Khi đó, lòng anh tràn ngập một ước ao kỳ lạ, và anh bước lên bờ.

Anh đứng cạnh nàng, còn nàng thì vòng tay ôm lấy cổ anh, cười, run rẩy và nép sát vào anh, rồi lại khóc và van nài, không thể kiểm soát được bản thân. Nàng cúi

vào ngực anh, ngựa đầu ra hôn và vuốt ve anh, không để anh rời ra khỏi nàng.

Nhưng Gan Finn đã nhận ra có cái gì đó không ổn. Ông ngồi suốt buổi trong tấm da lông thú, làm bầm ra lệnh cho lũ ruồi ma thuật, khiến Jack không dám đi vào.

Lão phù thủy già đã vô cùng giận dữ. Vì những con thuyền trên toàn cõi Nordland đã có sự thay đổi, và không còn ai mua gió lạnh của ông ta nữa. Ông ta than phiền rằng ông ta đã hoàn toàn phá sản. Giờ đây ông ta nghèo đến nỗi chẳng bao lâu nữa sẽ phải đi lang thang để xin ăn. Và tất cả những gì còn lại của bầy gia súc là một con tuần lộc cái đang đi quanh quần gần lều.

Seimke thì thảo bảo anh trả giá mua con hươu đó. Rồi nàng quần tấm da tuần lộc quanh người, đứng ngay ở cửa lều trong màn khói để Gan Finn chỉ trông thấy tấm da xám, và tưởng rằng đó là con tuần lộc mà họ mang về.



THE GAN-FINN.

Jack đặt bàn tay lên cổ Seimke và bắt đầu trả giá.

Cái mũi chỏm nhọn đung đưa lên xuống, và lão phù thủy già vỗ vào không khí, không đồng ý bán con tuần lộc.

Jack nâng giá lên.

Gan Finn rải tro khắp xung quanh ông ta, đe dọa và kêu rít lên. Những con ruồi bay đến dày đặc như bông tuyết, bám vào tấm áo choàng da của lão phù thủy già giận dữ.

Jack tiếp tục trả giá cho tới khi lên tới cái giá một đấu bạc, và Gan Finn muốn chạy chồm ra khỏi tấm da của ông ta.

Rồi ông ta rúc đầu vào dưới tấm da trở lại, lăm bằm từ chối cho tới khi tổng giá tiền lên tới mức bảy đấu bạc. Khi đó ông ta phá lên cười cho tới lúc gần như hụt hơi. Ông ta nghĩ rằng con tuần lộc chỉ đáng giá chừng một xu cho người khách hàng.

Jack nhắc Seimke lên, vác nàng chạy xuống thuyền, và treo tấm da tuần lộc ra phía sau lưng, để che mắt Gann Finn.

Họ rời khỏi đất liền và tiến vào biển rộng.

Seimke rất sung sướng, nàng vỗ tay và cầm lấy mái chèo. Ánh sáng phương bắc loé ra như một cái lược, rạng rỡ trên gương mặt nàng. Nàng trò chuyện với nó, lấy tay che mặt, và đôi mắt nàng lóng lánh. Nàng dùng

cả lời nói và điệu bộ để trò chuyện với nó.

Trời tối dần, nàng ngồi vào lòng Jack, khiến anh có thể cảm nhận được hơi ấm của nàng. Mái tóc đen của nàng phủ lên người anh. Nàng mềm mại và ấm áp như một con gà gô đang hoảng hốt khiến dòng máu của nó chảy rộn ràng.

Jack trùm tấm da tuần lộc lên người Seimke, và con thuyền lắc họ đu đưa tới lui trên mặt biển như một cái nôi. Họ đi mãi cho tới lúc đêm buông xuống, đi mãi cho tới lúc họ không còn nhìn thấy một mũi đất, một hòn đảo hay một con hải âu nào nữa giữa biển.

Trò chơi kéo co

Suốt mấy ngày liền thời tiết vô cùng kinh khủng, rồi từ ngày thứ ba trở đi trời trong xanh, và một trong những ngư dân ở trại đánh cá cho rằng họ có thể xoay sở kéo được một vài mẻ lưới vào hôm đó. Tuy nhiên, những người khác lại không muốn mạo hiểm.

Theo tập quán, những đoàn thủy thủ khác thường giúp những người trên thuyền một tay để hạ thủy con thuyền. Khi đi đến chỗ con thuyền, đã được kéo lên trên bờ biển một quãng trước đó, họ nhận thấy những chiếc mái chèo và những tấm ván ngang nằm lật úp trong thuyền, và dù đã nỗ lực, họ vẫn không thể di chuyển con thuyền ra khỏi chỗ cũ. Họ cố một lần, hai lần, ba lần nhưng vẫn chẳng có tác dụng gì.

Rồi một người trong bọn, kể được mọi người cho rằng có một đôi mắt thần, bảo rằng theo những gì anh ta nhìn thấy thì tốt nhất là không nên chạm tới con thuyền trong ngày hôm ấy, nó quá nặng để họ có thể đẩy nó xuống nước. Tuy vậy, một thủy thủ của trại đánh cá (nó là một chú bé lanh lẹ mới mười bốn tuổi), người luôn luôn giúp vui cho họ với mọi trò tinh quái và ngớ ngẩn, nhặt một hòn đá nặng và lấy hết sức đập nó vào sông

con thuyền.

Thế là, đột ngột và rõ ràng trước mắt tất cả mọi người, từ con thuyền vọt ra một con thủy quái mặc đồ đi biển, nhưng đầu của nó chỉ là một chùm rong biển to tướng. Nó đã làm con thuyền bị trì nặng khi ngồi lên sóng thuyền. Nó lao xuống biển, làm bọt nước văng tung toé lên người họ.

Sau đó, con thuyền trượt một cách êm ái xuống mặt nước. Người đàn ông có đôi mắt thần nhìn thẳng bé, bảo rằng lẽ ra nó không nên làm như thế. Nhưng thằng bé chỉ cười rộ lên như mọi ngày, nói rằng nó không tin vào những chuyện dị đoan.

Sau khi trở về nhà vào lúc chiều tối, những người ngư dân nằm ngủ ở trại đánh cá. Vào khoảng mười hai giờ đêm, họ nghe thấy tiếng thằng bé kêu cứu, dường như một người trong số họ còn nhìn thấy, dưới ánh sáng của ngọn đèn dầu, một bàn tay to lớn thò vào từ cánh cửa ngay cạnh chỗ thằng bé nằm.

Thằng bé, vừa kêu gào vừa chống cự, đã bị kéo tới gần cánh cửa khi mọi người khác hoàn hồn để nghĩ tới việc níu giữ nó lại.



TUG OF WAR.

Lúc ấy, ngay giữa lối ra vào, một cuộc kéo co dữ dội bắt đầu. Con thủy quái tóm lấy hai chân của thằng bé kéo ra, còn toàn đoàn thủy thủ thì ghì lấy thân người và hai cánh tay của nó kéo vào. Vừa kêu la hỗn hển, họ vừa trì tới kéo lui suốt một tiếng đồng hồ, khi thì con thủy quái thắng thế, khi thì đám ngư dân. Rồi con thủy quái bất ngờ buông tay làm cả bọn té dúm dụi trên sàn nhà. Sau đó, họ nhận thấy rằng thằng bé đã chết. Chỉ đến khi đó con thủy quái mới buông tha nó.

Đất trở mình

Thuở trước, trong một cửa tiệm ở Sörvaag có một người bán hàng trẻ tuổi. Anh thông minh, hay giúp đỡ mọi người, và rất đẹp trai với mái tóc xoăn, đôi mắt xanh linh lợi, nên tất cả những thiếu nữ trong thị trấn thường tìm cách lui tới cửa hàng để gặp gỡ anh. Ngoài ra, anh rất thông minh và khéo léo trong mọi việc, nên người chủ tiệm không bao giờ muốn để anh rời khỏi cửa hàng.

Một hôm, anh chèo thuyền tới một trại đánh cá để tìm người chủ tiệm. Dòng nước chảy rất xiết, vì thế, anh cho thuyền đi sát gần bờ. Thình lình, anh nhìn thấy một cái khoen nhỏ nằm trên một vách đá cao hơn mực nước chút ít. Nghĩ rằng đó là một loại khoen dùng để buộc thuyền, anh cho là ngừng lại nghỉ ngơi và ăn uống chút gì đó cũng không nguy hại gì, vì anh đã chèo từ sáng tinh mơ.

Nhưng khi anh với lấy cái khoen để xỏ sợi dây cột thuyền, nó chợt hút chặt vào ngón tay anh, mạnh đến nỗi anh bị lôi về phía nó. Anh giật mạnh, và chợt từ sườn núi có một cái tủ ngăn to lớn lướt đến gần anh. Nó chứa đầy những chiếc khăn choàng cổ bằng lụa và những đồ trang sức của phụ nữ.

Anh vô cùng kinh ngạc, và bắt đầu suy nghĩ về việc mới xảy ra. Rồi anh nhìn thấy một cái gì đó giống như những ngăn tủ sắt han rỉ nằm xếp lớp khắp sườn núi, trông hết như những cái ngăn trên chiếc tủ của anh.

Lúc này cái khoen đã nằm trong tay anh, anh cần thử xem nó có thể mở được mấy cái ngăn đó hay không. Thế là anh mở lần lượt từng ngăn tủ đầy ắp những chiếc vòng đeo tay bằng vàng và bạc, những xâu chuỗi ngọc, trâm cài đầu và nhẫn, những cái mũ viền đăng ten, chỉ, mũ ngủ, len, cà phê, đường, ống tẩu, những đồng tiền xu, nút áo, khuy gài, dao, rựa và hái. Anh mở hết ngăn tủ này tới ngăn tủ khác, và dường như chúng chứa đủ mọi thứ trên đời.

Nhưng anh nghe thấy xung quanh có tiếng nói lao xao của một đám đông và tiếng chân mang ủng đi biển bước nặng nề. Tiếng động thật ồn ào, như thể có nhiều người đang lẫn những thùng rượu lớn qua một chiếc cầu và đang kéo buồm trong cơn gió mạnh, và từ phía ngoài biển có tiếng mái chèo khuấy nước, tiếng va chạm của những con thuyền cập bờ.

Anh bắt đầu lờ mờ hiểu rằng anh đã buộc thuyền vào một cái khoen cột thuyền của những cư dân của thế giới âm phủ, đã ở ngay tại nơi mà họ cất giữ những thứ của cải của họ.

Anh đứng đó, nhìn vào một ngăn tủ đựng những cái

tàu thuốc làm bằng đất sét trắng. Chúng đẹp hơn tất cả những cái tàu có thể tìm thấy trên khắp thế gian này.

Rồi anh cảm thấy, một cú đâm mạnh suýt chút làm cho anh ngã quy, nhưng đồng thời lại có tiếng cười rất vui vẻ ở sát bên tai. Cùng lúc đó, anh nhìn thấy một thiếu nữ đứng ở đầu con thuyền của anh. Nàng ta đang khom xuống, với đôi vai rộng và đôi cánh tay đầy lông, một cái giỏ đựng thức ăn. Đôi mắt nàng tươi cười, phát ra những tia loé sáng như ánh lửa của một cái lò rèn trong bóng tối, nhưng nét mặt nàng tái nhợt một cách lạ lùng.

Rồi nàng biến mất như một ảo ảnh.



"THE EARTH DRAWS."

Anh thấy vui mừng khi đã xuống thuyền trở lại, đẩy thuyền ra và chèo đi. Nhưng khi anh đã ra khơi một lúc, và đã loì chậm tay chèo, anh nhận ra rằng chiếc khoen vẫn còn nằm trên ngón tay anh.

Ý nghĩ đầu tiên của anh là tháo nó ra và quăng nó xuống biển, nhưng nó càng dính chặt vào tay anh hơn bao giờ hết.

Nó được chế tác, chạm trổ và trang trí kỳ lạ đến nỗi anh phải xem xét nó một cách tò mò. Anh càng nhìn kỹ càng thấy lớp vàng của nó lóng lánh một cách lạ lùng. Khi xoay nó để xem các đường chạm trổ xoắn ốc, anh không thể nhận ra chúng khởi đầu từ đâu và kết thúc tại đâu.

Khi anh ngồi đó, nhìn mãi vào cái khoen, đôi mắt đen lấp lánh trên gương mặt xanh xao ngày càng hiện rõ trước mắt anh. Anh không thể biết được mình nghĩ rằng cô gái đó đẹp hay xấu. Đó là một sinh linh huyền bí!

Lúc này anh lại muốn giữ lại cái khoen, mặc cho việc gì xảy đến.

Anh chèo thuyền về nhà, không nói lời nào với bất kỳ ai về chuyện đã xảy ra.

Nhưng kể từ hôm ấy, sự lạ lùng không ngừng xảy đến với anh.

Khi anh rời khỏi cửa hàng hay đang cân đong hàng hóa, đột nhiên anh chìm vào suy nghĩ, và tưởng tượng

như anh đang ở chỗ dừng bên sườn núi, còn người thiếu nữ kia thì đang cười với anh bên trên cái giỏ đựng thức ăn.

Anh cần mạo hiểm một lần nữa ở phía xa kia, thử nghiệm lại cái khoen, dù việc đó phải trả giá bằng mạng sống của anh.

Mùa hè năm ấy, con thuyền của anh nằm bên sườn núi, ngay tại địa điểm cũ trước đây.

Khi anh mở chiếc tủ với cái khoen vàng, anh nhìn thấy người thiếu nữ vai rộng. Đôi mắt nàng lóng lánh một cách hoang dã, và nàng nhìn anh đăm đăm.

Và cứ mỗi lần anh tới đó, dường như nàng càng chờ mong anh quay lại, càng tỏ vẻ vui sướng. Họ đã hoàn toàn trở thành những người bạn cũ, và nàng luôn chờ đợi anh tới đó.

Nhưng khi ở nhà anh trở nên âu sầu và lặng lẽ. Và dù anh vẫn tự nhủ với mình rằng đó chỉ là trò ma thuật, rằng đôi cánh tay nàng phủ đầy lông lá như thú vật, và dù anh đã quyết tâm và thật sự cố gắng tránh xa nàng, nhưng anh không thể cưỡng lại việc hướng về nơi đó, và khi nào anh cách xa nàng suốt cả tuần, nàng trở nên bướng bỉnh cứng đầu, cười thật to và la hét khi nhìn thấy anh quay lại.

Anh luôn nghe thấy tiếng động và những đi lại rộn ràng của nhiều người xung quanh mình, nhưng anh chưa

bao giờ nhìn thấy bất cứ cái gì. Tuy nhiên, dường như đối với anh tất cả bọn họ chỉ cách anh không xa lắm và đã kéo những con thuyền của họ tới sát bên anh để anh trèo xuống đó. Con thuyền của anh, luôn được chuẩn bị ngăn nắp, những mái chèo và buồm được sắp xếp gọn ghẽ đúng vị trí. Cả sợi dây cột thuyền cũng đã được buộc sẵn bất cứ lúc nào anh tới, và cuốn lại khi anh lên đường.

Thỉnh thoảng nàng thu xếp sao đó khiến anh có thể thoáng nhìn vào những căn nhà kho và phòng khách sáng sủa của họ trong sườn núi, và trong những lần như thế, dường như nàng muốn cám dỗ anh đi theo nàng. Và rồi, trên đường trở về nhà, anh thường rùng mình tự hỏi: “Chuyện gì xảy ra nếu bức vách đá đóng lại phía sau lưng mình nhỉ?”. Và anh mừng rằng anh đã rời xa những người đó và thoát khỏi tay họ.

Mùa thu tới, và anh ngày càng thấy dễ chịu. Anh thật sự quyết tâm sẽ cố gắng từ bỏ những chuyến đi này. Anh làm việc thật chuyên cần để không còn thời gian suy nghĩ, và chìm đắm vào công việc với sự hăng hái khác thường.

Nhưng khi mùa Giáng sinh buông màn đêm xuống bằng những bông hoa tuyết và bóng tối mịt mù của nó, những tưởng tượng lạ lùng lại hiện ra trong đầu anh.

Bất cứ khi nào anh đi vào những xó xỉnh hay góc nhà

phủ đầy bóng tối, anh nhìn thấy hình dáng to lớn của người con gái huyền bí đang đứng trước mặt anh. Nàng ta cười to và gọi tên anh, hét lên và gửi cho anh những thông điệp qua hơi gió. Và rồi trong anh bùng lên một khát khao mãnh liệt.

Một ngày nọ anh không còn tự kèm chế lâu hơn nữa, thế là anh lên đường.

Anh cho rằng mình đã nhìn thấy nàng ngay từ một quãng cách xa. Nàng đã dẹp những tảng đá to lớn sang một bên để có thể nhìn thấy và theo dõi đường đi của con thuyền, và nàng ra hiệu chào đón anh qua lớp mưa bụi và sương mù. Đường như dòng nước đang đưa anh hướng về phía đó.

Khi anh tới nơi, mặt biển sôi lên vì những đám đông ở đó, mặc dù anh không nhìn thấy họ. Họ lội về phía anh, kéo thuyền anh vào bờ, rồi dựng một chiếc cầu chờ đón bước chân anh. Nàng đứng ngay trên đầu cầu, hơi thở trở nên nặng nhọc. Nàng cúi xuống phía anh, cuốn hút anh bằng đôi mắt đắm đuối trên gương mặt tái nhợt như bóng đêm. Nàng đi nhanh vào đất liền, ngoái nhìn lại, và cảm dỗ anh đi theo nàng, rồi nàng mở cánh cửa của một cái ngăn tủ bằng sắt ngay giữa vách núi.

Trên những cái kệ là một vòng vương miện cô dâu, một cái thắt lưng sáng lóng lánh, yếm che ngực, váy dài và mọi thứ trang sức của cô dâu.

Nàng đứng đó, hơi thở nàng trở nên nóng bỏng và nặng nề qua đôi hàm răng trắng, nàng mỉm cười và liếc mắt đưa tình với anh một cách tinh quái. Anh cảm thấy rằng nàng đã tóm gọn được anh trong tay nàng, và dường như có một bóng tối chột buông xuống quanh anh.

Rồi ngay lập tức, như một thoáng chớp, anh nhìn thấy toàn bộ khu vực đó, rộng mênh mông, phong phú và tuyệt diệu, vây quanh anh với những bến cảng, những nhà kho và những con tàu chờ hàng. Nàng đưa tay ra, chỉ vào đó, như thể muốn nói rằng anh sẽ là chúa tể và chủ nhân ông của toàn bộ những thứ đó.

Một luồng ớn lạnh chạy khắp người anh, anh nhận thức rằng khu vực đó hướng tới ngọn núi.

Và anh bỏ chạy.

Anh cắt sợi dây buộc thuyền bằng con dao, rồi giật chiếc khoen ra khỏi tay anh, ném nó xuống biển, rồi hối hả chèo nhanh thuyền ra khơi, khiến mặt biển cuộn lên như bọt sóng quanh anh.

Khi anh quay lại với công việc ở nhà, và sự rộn ràng của mùa lễ Giáng sinh đã bắt đầu, anh cảm thấy như mình vừa trải qua một cơn ác mộng hay một giấc mơ kinh khủng. Anh cảm thấy lòng nhẹ nhõm, trò chuyện vui vẻ với những khách hàng qua quầy hàng, và cuộc sống của anh lại quay về như trước. Và mọi thứ anh

chạm tay vào lại êm xuôi như một tảng bơ.

Người con gái của ông chủ thường hay ghé vào cửa hàng. Nàng nhìn anh và mỉm cười tán thưởng anh một cách e lệ. Trước đó, chưa bao giờ anh để ý đến những điều bộ của nàng, hay chú ý tới việc người thiếu nữ đó xinh xắn đáng yêu thế nào, duyên dáng và tinh tế ra sao khi nàng đứng ở lối ra vào. Và kể từ khi nàng nhìn anh một cách kỳ lạ, anh không còn nghĩ tới việc gì khác ngoài nàng. Anh thường nghĩ rằng cách chiếm giữ trái tim anh của nàng thật tuyệt, trông nàng thật thanh nhã khi bước ngang qua, và đôi mắt xanh thẳm của nàng thật sống động và linh hoạt, như hai vì sao vui lấp lánh.

Đêm đêm anh thường nằm thao thức, nhớ lại lỗi lầm kinh tởm đáng buồn khi tự hạ mình xuống tầm của một con quái vật huyền bí và mừng thầm rằng anh đã ném cái khoen xuống biển.

Đêm Giáng sinh, khi cửa hàng đã đóng cửa và những người giúp việc đang chuẩn bị cho bữa tiệc trong nhà bếp và phòng khách, ông chủ cửa hàng kéo anh vào căn phòng tài vụ của ông. Ông nói rằng, nếu anh thích cô con gái của ông thì ông không thấy có điều gì trở ngại. Cứ việc cầu hôn đi, cô sẽ không thoát khỏi anh, vì theo ông, cô đang ốm tương tư anh. Bản thân ông đã già, và chỉ muốn rút lui khỏi công việc làm ăn để nghỉ ngơi.

Anh chàng bán hàng đẹp trai không chờ được mời

chào lần thứ hai. Anh cầu hôn với cô gái ngay lập tức, và trước khi lời mời nâng cốc mừng Giáng sinh cất lên ở bàn tiệc, anh đã nhận được câu trả lời đồng ý.

Nhiều năm trôi qua sau đó. Cuộc sống và công chuyện làm ăn của hai vợ chồng anh ngày càng phát đạt thịnh vượng.

Họ có những đứa con xinh xắn thông minh. Anh tự hào vì người vợ của mình; không có gì tốt đẹp bằng nàng, nàng sinh ra để được hưởng niềm vinh hạnh và sự thanh thản, cả trong nhà cũng như ngoài xã hội.

Vào năm thứ bảy sau hôn lễ, khi sắp tới kỳ lễ Giáng sinh, đột nhiên anh cảm thấy bồn chồn. Anh đi lang thang quanh quẩn một mình, và không thể tìm thấy bình an trong lòng ở nơi nào cả.

Vợ của anh bức tức và buồn phiền vì việc đó. Nàng không biết nguyên nhân của nó là gì, nàng nghĩ, dường như anh ta đang tránh né nàng. Anh thường đi lang thang hàng giờ quanh căn gác xép chứa hàng tối tăm, giữa những két chứa tiền, thùng rượu, bao bì hàng hóa, và hình như anh không thích có ai tới đó khi anh đang ở đó.

Vào ngày hôm trước đêm Giáng sinh, một người làm công phải vào gác xép để lấy một thứ hàng hóa gì đó. Anh ta bắt gặp ông chủ của mình đang đứng trầm ngâm bên cạnh một giỏ thức ăn, nhìn đăm đăm xuống mặt đất phía trước.

“Anh có nhìn thấy chiếc khoen vàng trên sàn nhà không?” Người chủ trẻ hỏi.

Nhưng người giúp việc không nhìn thấy gì cả.

“Tôi nhìn thấy nó ở đó – mặt đất nứt ra!” Anh ta thở dài nặng nhọc.

“Vào ngày hôm trước đêm Giáng sinh và cả hôm sau đó, người ta không thấy anh đâu cả, dù đã tìm kiếm khắp nơi, hỏi thăm tin tức của anh giữa không khí tung bừng vui vẻ của đêm lễ.

Nhưng vào đêm lễ Giáng sinh, trong lúc mọi người đang lo lắng băn khoăn, không biết họ có nên dọn tiệc mừng lễ hay không thì anh bước vào cửa.

Anh bảo rằng rất muốn ăn và uống, và anh rất vui sướng hạnh phúc suốt cả đêm, nên mọi người hãy quên đi nỗi lo sợ vừa qua.

Suốt một năm sau đó, anh chuyện trò vui vẻ và dễ gần như trước, và anh làm nhiều việc cho vợ của mình đến mức chúng trở thành phi lý. Anh ôm nàng trong tay, bảo rằng anh tuyệt đối không bao giờ làm đủ những việc tốt cho nàng.

Nhưng khi lại sắp đến mùa lễ Giáng sinh, thời điểm tối tăm nhất trong năm, nỗi bất rút lại đến trong anh. Mọi người cảm thấy như thể họ chỉ nhìn thấy cái bóng của anh ở giữa họ, và anh lại tìm đến căn gác chứa hàng, giam mình trong đó.

Vào ngày hôm trước lễ Giáng sinh, chuyện tương tự năm trước lại xảy ra – anh biến mất.

Vợ anh và mọi người trong cửa hàng đi tìm anh trong nỗi sợ kinh khủng, đầy kinh ngạc và cảnh giác.

Rồi vào đêm Giáng sinh anh lại đột ngột bước vào nhà, vui vẻ và hạnh phúc như thường lệ. Nhưng khi đèn đã tắt và mọi người đã lên giường, vợ anh không còn nén lòng được nữa. Nàng khóc nức lên, và cầu xin anh hãy nói cho nàng biết anh đã đi đâu.

Khi đó anh đẩy mạnh nàng ra khỏi anh, đôi mắt quắc lên như đang nổi điên. Anh van nài nàng, vì hạnh phúc chung của họ, đừng bao giờ hỏi anh câu hỏi đó nữa.

Thời gian trôi qua, và hàng năm sự việc tương tự cứ xảy ra.

Những lúc hoang hôn, anh thường đi lang thang một mình, buồn bã và câm lặng, và dường như muốn lánh xa khỏi mọi người. Và vào hôm trước lễ Giáng sinh anh luôn luôn biến mất, dù không ai nhìn thấy anh đi ra khỏi cửa. Và cứ đúng vào hôm Giáng sinh, ngay chính lúc mọi người sắp sửa ngồi vào bàn tiệc, anh lại hiện ra ở cửa, vui vẻ và gần gũi với mọi người.

Nhưng vào mỗi mùa thu, lúc sắp sang đông, luôn luôn sớm hơn năm trước đó, sự bất an bồn chồn lại trùm xuống lòng anh, và anh lại u buồn vì nó, lánh xa mọi người hơn trước.

Vợ anh không bao giờ hỏi anh; nhưng nỗi u buồn đè xuống lòng nàng, ngày càng nặng nề và dồn nén, vì dường như nàng không còn có thể chăm sóc cho anh, và dường như anh không còn thuộc về nàng nữa.

Năm ấy, khi lại tới mùa lễ Giáng sinh, anh lại bắt đầu đi lang thang như trước. Vào ngày trước lễ Giáng sinh, anh dẫn vợ anh cùng đi vào căn gác chứa hàng.

“Em có nhìn thấy cái gì ở gần giỏ thức ăn không? Anh hỏi.

Nàng không thấy gì cả.

Anh nắm chặt tay nàng, van xin cầu khẩn nàng ở lại với anh ở đó khi đêm xuống. Vì anh vẫn còn yêu mến cuộc sống, anh bảo, anh sẵn lòng cố gắng ở nhà vào hôm đó.

Đêm đó, chốc chốc anh lại xiết chặt tay nàng, thở dài và rên rỉ. Nàng cảm thấy rằng anh đang dựa vào nàng, và đang nỗ lực với hết tất cả mọi khả năng, để chống lại một cái gì đó.

Khi trời sáng, mọi thứ trôi qua. Anh có vẻ vui sướng và nhẹ nhõm nhiều so với trạng thái trong suốt thời gian rất lâu vừa qua, và anh vẫn ở lại trong nhà.

Đêm Giáng sinh năm đó, ở cả cửa hàng và tầng hầm việc vận chuyển lên xuống rất là rộn rịp, và những ngọn nến vẫn còn cháy cho đến lúc các tấm kính cửa sổ lại lấp lánh ánh nắng. Đó là đêm lễ thật sự đầu tiên mà anh

trải qua trong nhà của mình, anh nói, và anh muốn biến nó thành một bữa tiệc thường xuyên.

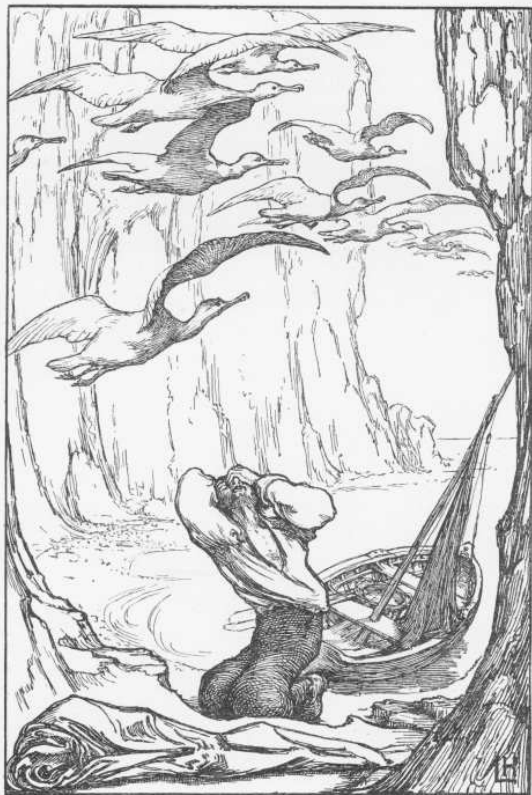
Nhưng khi, theo phong tục, mọi người của căn nhà đi đến, lần lượt từng người để chúc mừng sức khỏe cho ông bà chủ của họ, trông anh càng lúc càng tái nhợt, xanh xao, như thể dòng máu của anh đã bị hút ra ngoài và làm cho cạn kiệt.

“Mặt đất nứt ra!” Anh kêu lên, và đôi mắt anh ánh lên một nỗi kinh hoàng.

Ngay sau đó, anh chết ngồi tại chỗ!

Mười hai con chim cốc

Ở mé ngoài trại đánh cá Andvær có một hòn đảo, nơi trú ngụ của những loài chim hoang dã. Không người nào có thể lên hòn đảo đó, và biển cũng không bao giờ im lặng. Những mồm đất lồi bị chia cắt bởi những xoáy nước và lượn sóng hung hãn. Vào những ngày hè, ở đó, ánh lấp lánh của một cái gì đó xuyên qua những làn bọt nước như một chiếc nhẫn vàng to lớn; và vào một thuở đã rơi vào quên lãng, những người ngư dân từng tưởng tượng rằng ở đó có một kho tàng bí mật của bọn hải tặc xa xưa.



THE TWELVE CORMORANTS.

Đôi khi, vào những buổi hoàng hôn, từ đó lơ mờ hiện ra bóng dáng của một con thuyền lớn, và một tòa lâu đài ở phía sau, và thỉnh thoảng người ta thoáng nhìn thấy một chiếc thuyền galê^[9] kiểu cổ. Nó nằm ở đó như thể đang trong một cơn bão lớn và đang cố lách qua những lượn sóng trắng nặng nề.

Dọc theo những tảng đá có những con chim cốc đậu thành một hàng ngang màu đen, nằm chờ bắt cá nhám.

Hồi đó có lần người ta biết chính xác số lượng của mấy con chim đó. Chúng không bao giờ nhiều hơn hay ít hơn con số mười hai, và trên một tảng đá nằm giữa màn sương mù biển cả là con chim cốc thứ mười ba, nhưng người ta chỉ có thể nhìn thấy nó khi nó cất cánh bay lượn bên trên hòn đảo.

Những người duy nhất sống ở gần trại đánh cá vào mùa đông, khá lâu sau khi mùa đánh cá đã qua, là một người phụ nữ và một bé gái gầy nhom. Công việc của họ là canh chừng những chiếc cột giàn giáo dùng để phơi cá, không cho bọn chim săn mồi tới phá, bọn chim này vốn có những mưu mẹo xảo trá để tấn công vào những những sợi dây phơi cá.

Cô bé gái có một mái tóc dày đen thẫm, một đôi mắt thường nhìn trộm người khác một cách kỳ quặc. Hầu như người ta có thể nói rằng nó cũng giống như những con chim cốc ở ngoài khơi, và cả đời nó cũng chưa bao

giờ trông thấy cái gì khác ngoài lũ chim. Không người nào biết được cha của nó là ai.

Họ cứ sống như vậy cho tới con bé trưởng thành.

Vào mùa hè, khi những người ngư dân chuẩn bị đến trại để mang khô cá về, họ phát hiện ra rằng những anh chàng trẻ tuổi tìm đủ mọi cách để được chọn đi làm công việc đó.

Một số thì từ bỏ phần chia lời, số khác thì tình nguyện làm không công, và khắp những thôn làng quanh đó người ta than phiền rằng trong những dịp đó vô số vụ hứa hôn đã bị hủy bỏ.

Nguyên nhân của tất cả mọi chuyện chính là cô gái có đôi mắt kỳ lạ ở bờ biển xa kia.

Những anh chàng từng trò chuyện với nàng bảo rằng dù nàng có đủ mọi kiểu cách thô kệch, ở nàng vẫn có một cái gì đó làm họ không thể cưỡng lại được. Nàng làm tất cả bọn trai trẻ quay như chong chóng, như thể họ không thể sống nếu thiếu nàng.

Mùa đông ấy một anh chàng có nhà riêng và kho hàng tỏ tình với nàng.

“Nếu anh quay trở lại vào mùa hè và mang cho tôi đúng chiếc nhẫn vàng tôi sẽ đeo trong lễ cưới, có thể tôi sẽ nhận lời.” Nàng đáp.

Anh ta có rất nhiều cá, và nàng hẳn sẽ có một chiếc nhẫn vàng thật nặng và xinh đẹp mà ai cũng ước ao có

được.

“Chiếc nhẫn tôi cần nằm ở bên dưới chiếc tàu đắm, trong cái rương sắt, ở ngoài hòn đảo xa kia.” Nàng nói. “Nếu anh yêu tôi thì hãy ra đó mang nó về.”

Nhưng mặt chàng trai tái nhợt đi.

Anh ta từng nhìn thấy những luồng nước phun lên rồi đổ xuống như một bức tường bọt nước trắng xóa vào những ngày hè ẩm áp, và ở trên hòn đảo những con chim cốc đang nằm ngủ dưới ánh mặt trời.

“Tôi rất đổi yêu em,” Anh ta nói, “nhưng một yêu cầu như vậy có nghĩa là cái chết của tôi chứ không phải đám cưới của tôi.”

Ngay lúc đó, con chim cốc thứ mười ba từ trên tảng đá giữa vùng bọt sóng cất cánh bay lượn bên trên hòn đảo.

Vào mùa đông kế tiếp một người lái thuyền tới tỏ tình. Suốt hai năm anh ta đã lao đao khốn khổ vì nàng, và anh ta nhận được cùng một câu trả lời.

“Nếu anh quay trở lại vào mùa hè và mang cho tôi đúng chiếc nhẫn vàng tôi sẽ đeo trong lễ cưới, có thể tôi sẽ nhận lời.”

Anh ta trở lại trại đánh cá vào đúng ngày hạ chí.

Nhưng khi anh ta nghe chiếc nhẫn nằm ở đâu, anh ta ngồi xuống khóc cho tới chiều tối, khi mặt trời bắt đầu lặn xuống mặt biển ở phía tây bắc.

Khi đó con chim cóc thứ mười ba cất cánh bay bên trên hòn đảo.

Thời tiết vào mùa đông thứ ba vô cùng tồi tệ.

Có nhiều vụ đắm tàu, và trên sông của một con thuyền bị cuốn vào bờ, treo lủng lẳng bằng một sợi dây đeo dao là một chàng trai trẻ kiệt sức. Mọi người không thể giúp anh ta hồi tỉnh dù đã làm hết mọi cách có thể được.

Thế rồi cô gái tới.

“Đây là vị hôn phu của tôi!” Nàng nói.

Nàng đặt anh lên ngực mình, và ngồi với anh suốt đêm và mang lại hơi ấm cho trái tim của anh ta.

Và khi trời sáng, trái tim anh đập lại.

“Tôi nghĩ rằng tôi đã nằm giữa đôi cánh của một con chim cóc, và tựa đầu vào bộ ngực của nó.” Anh ta nói.

Anh ta khỏe mạnh, đẹp trai, với một mái tóc xoăn, và anh ta không thể rời mắt khỏi cô gái.

Anh ta ở lại làm việc tại trại đánh cá. Những khi rỗi việc, anh ta đi rong chơi và trò chuyện với cô gái. Dường như anh không thể sống thiếu nàng, và vào hôm anh ta buộc phải lên đường, anh ta tỏ tình với nàng.

“Với anh tôi sẽ không lừa dối.” Nàng nói. “Anh đã nằm trên ngực tôi, và tôi có thể cho anh cuộc sống của tôi để anh có thể vui sống. Anh sẽ có tôi nếu anh đặt chiếc nhẫn cưới vào ngón tay tôi, nhưng anh không thể

giữ tôi lại khi ngày đã hết. Và giờ thì tôi sẽ chờ đợi anh với niềm khao khát cho tới khi mùa hè đến.”

Vào ngày hạ chí chàng trai đến đó một mình trên một con thuyền. Rồi nàng nói với anh về chiếc nhẫn nằm ở giữa những tảng đá ngầm mà anh ta phải mang về cho nàng.

“Nếu em đã cứu tôi thoát chết, em có thể khiến tôi ra đó một lần nữa. Tôi không thể sống thiếu em.”

Nhưng khi anh ta nắm lấy mái chèo để xuất phát, nàng bước xuống thuyền cùng anh và ngồi ở đuôi thuyền.

Tiết trời mùa hè tuyệt đẹp, và trên mặt biển có một vùng nhô cao, những lượn sóng cồn nối tiếp nhau nhấp nhô lên xuống.

Chàng trai ngồi đó, nhìn nàng đắm đuối, và chèo, chèo mãi cho tới lúc những những luồng nước gầm lên giữa những tảng đá ngầm, bọt nước bắn tung lên cao như những toà tháp bên trên hòn đảo.

“Nếu anh thấy cuộc sống của mình là quý báu thì hãy quay lại ngay.” Nàng nói.

“Em còn quý báu với tôi hơn cả cuộc sống.” Anh ta đáp.

Nhưng dường như ngay lúc mà chàng trai thấy mũi thuyền chìm xuống và đôi hàm của tử thần đang há rộng trước mặt anh, mặt biển bỗng trở nên tĩnh lặng, và con

thuyền có thể lướt vào bờ như ở đó chưa hề có những lượn sóng cồn.

Một cái mỏ neo của một con tàu cũ nằm mấp mé nửa ló lên trên đảo, nửa chìm dưới mặt biển.

“Trong cái rương sắt nằm bên dưới cái mỏ neo là của hồi môn của tôi.” Nàng nói. “Hãy mang nó lên thuyền và đeo chiếc nhẫn mà anh tìm thấy vào ngón tay tôi. Với điều này anh biến tôi trở thành cô dâu của anh. Và tôi sẽ là của anh cho tới khi mặt trời lặn xuống mặt biển phía tây bắc.”

Đó là một chiếc nhẫn vàng nạm một viên hồng ngọc. Anh đeo nó vào tay nàng và hôn nàng.

Trong một kẽ nứt của hòn đảo ngầm có một thảm cỏ xanh. Họ ngồi xuống đó và chàng trai vô cùng vui sướng.

“Ngày hạ chí thật đẹp.” Nàng nói. “Và em tươi trẻ, còn anh là chồng em. Và bây giờ chúng ta sẽ đến chiếc giường cưới của chúng ta.”

Nàng xinh đẹp đến nỗi chàng trai chỉ còn biết yêu thương đắm đuối.

Nhưng khi màn đêm sắp buông, và mặt trời đã khuất sau mặt biển, nàng hôn anh ta và rơi nước mắt.

“Ngày hè thật đẹp, và đêm hè còn đẹp hơn nữa, nhưng giờ thì bóng tối đã đến rồi.” Nàng nói.

Và ngay lập tức, trước mắt chàng trai, dường như

nàng trở nên ngày càng già đi rồi dần dần tan biến mất.

Khi mặt trời đã lặn hẳn, trên hòn đảo ngằm trước mặt anh chỉ còn lại những lớp quần áo cô dâu trống rỗng.

Biển lặng im, và trong màn đêm trong trẻo, mười hai con chim cốc đang bay trên mặt biển.

Isaac và vị linh mục ở Brönö

Thuở trước, ở Helgeland có một ngư dân tên là Isaac. Một hôm khi đang trên biển đánh cá bon, anh cảm thấy có cái gì đó nặng nặng vướng trong lưới. Anh kéo lên và lạ thay, đó là một chiếc ủng đi biển. “Kỳ cục thật!” Anh ta nói, và ngồi nhìn chiếc ủng một lúc lâu. Trông nó giống như chiếc ủng của người em trai anh đã bị chết đuối vào mùa đông trước khi đang trên đường về nhà trong cơn bão lớn.

Ở bên trong chiếc ủng còn có cái gì đó, nhưng anh không dám nhìn vào xem đó là gì, và cũng chẳng biết phải làm gì với chiếc ủng này.

Anh không muốn mang nó về nhà vì sẽ làm mẹ anh hoảng sợ, và cũng không hoàn toàn dứt khoát quăng nó xuống biển trở lại. Thế là anh quyết định sẽ mang nó tới vị linh mục ở Brönö, nhờ ông ta chôn nó theo nghi thức Cơ Đốc Giáo.

“Nhưng ta không thể chôn một chiếc ủng đi biển!” Vị linh mục nói.

Isaac gãi đầu. “Chà, chà!” Rồi anh hỏi cần phải có bao nhiêu phần trong thân thể một người để có thể tiến hành nghi thức chôn theo giáo quy.

“Ta không thể nói chính xác, một cái răng, một ngón tay hay những lọn tóc không đủ để tiến hành tang lễ. Dù sao thì cũng cần có một cái gì còn lại đủ để người ta thấy rằng trong đó đã từng có một linh hồn. Nhưng theo Thánh kinh thì phải có trên hai ngón chân trong chiếc ủng! Chà, điều này không thể xảy ra!”

Thế là Isaac tìm cách lén lút mang chiếc ủng vào chôn tại nghĩa trang nhà thờ. Rồi anh ta trở về nhà.

Anh nghĩ dường như mình đã làm được điều tốt nhất có thể làm. Nói cho cùng, một phần cơ thể nào đó của người em trai của anh nên được nằm gần ngôi nhà của Chúa hơn là bị quăng xuống biển trở lại.

Nhưng vào mùa thu, khi đang nằm giữa những tảng đá ngầm để săn hải cẩu, nước triều xuống cuốn một đám rong biển to về phía anh, và bằng chiếc mái chèo, anh vớt được trong đó một sợi thắt lưng để đeo dao và một cái vỏ dao trống rỗng.

Anh nhận ra ngay lập tức đó là của người em trai.

Lớp dây tằm nhựa bao phủ bên ngoài cái vỏ dao đã bị nước biển làm lỏng ra và tẩy trắng, và anh nhớ rất rõ cái hôm người em ngồi làm cái vỏ dao này, anh đã trò chuyện và tranh luận với nó về miếng da để làm thắt lưng mà anh cắt ra từ da một con ngựa già bị giết trước đó ít lâu.

Họ đã cùng mua móc khoá ở cửa tiệm vào ngày Thứ

bảy, còn mẹ anh đã bán những quả việt quất, mấy con gà rừng và ba cân len. Họ đã uống ngà ngà tí chút và đã trêu đùa bà hàng cá già ở mũi đất.

Anh mang chiếc thắt lưng về, và không nói gì về nó. Không nên gây ra nỗi đau một cách vô mục đích, anh nghĩ.



THE PARSON OF BRÖNÖ.
(*Story of the Sea-boot.*)

Nhưng mùa đông càng kéo dài, anh càng phiền muộn với những nhận thức lạ lùng về những gì vị linh mục đã nói. Anh không biết mình phải làm gì nếu bắt gặp một thứ gì khác, chẳng hạn một chiếc ủng khác, hoặc một vật gì đó mà một con mực ống, một con cá, cua hay cá mập đã cắn nát. Anh bắt đầu thực sự e sợ việc chèo thuyền ra chỗ những tảng đá ngầm.

Thế nhưng, dù là e sợ như thế, anh vẫn thường xuyên bị lôi cuốn tới đó bởi niềm hy vọng sẽ tìm thấy khá nhiều phần còn sót lại để chứng minh với vị linh mục rằng có một linh hồn từng ngụ trong đó, và thuyết phục được ông ta thực hiện việc chôn chửng theo nghi thức.

Anh thường đi lang thang một mình và trầm ngâm suy nghĩ. Và rồi anh có những giấc mơ thật kinh khủng.

Cửa nhà anh bị mở tung ra vào lúc nửa đêm và một cơn gió lạnh cuốn vào, và dường như người em trai của anh đang bò lê quanh phòng, kêu rên rằng nó muốn có chân trở lại, và những con thủy quái đang hành hạ nó.

Suốt nhiều giờ anh đứng trầm ngâm trên biển, không chú ý tới việc đánh cá mà chỉ nhìn đắm đắm vào một điểm vô hình nào đó.

Cuối cùng, anh có cảm giác như anh đã thật sự mất trí, bởi trách nhiệm lớn lao mà anh tự nhận lãnh trong việc chôn cái ủng ở sân nhà thờ.

Anh không muốn đem nó quăng trở lại xuống biển,

nhưng nó cũng không thể nằm ở sân nhà thờ được.

Trong ý nghĩ của anh, rõ ràng là người em trai của anh không thể nằm giữa những người được ban phép lành. Rồi anh tiếp tục suy nghĩ về tất cả những thứ có khả năng nằm kẹt hoặc trôi nổi đâu đó giữa những tảng đá ngầm.

Thế là anh tới đó, kéo lưới vét tìm. Nhưng tất cả những gì anh kéo lên chỉ là những mớ rong tảo, rêu, những con sao biển và rác rến.

Một buổi chiều khi anh ngồi gần những tảng đá, cố thử vận may trong việc đánh cá, chợt sợi dây câu có treo hòn đá và những lưỡi câu bị văng lên mạn thuyền, và lưỡi câu cuối cùng móc vào một con mắt của anh. Và anh chèo thuyền về với con mắt còn lại.

Đêm đó, anh nằm với một cuộn băng trên mắt, thao thức vì đau đớn, nghĩ mãi, nghĩ mãi cho tới khi mọi vật đều trở nên đen tối. Có ai trên thế gian này nằm trong cảnh ngộ nan giải như anh không?

Ngay lúc ấy, một việc lạ lùng xảy ra.

Anh nghĩ rằng anh đang nhìn thấy mình chìm sâu dưới lòng biển, những con cá đang nhón như bơi lội và đớp những sợi rong biển xung quanh dây câu. Chúng đớp mỗi vụn vụn và cố vùng ra khỏi lưỡi câu, đầu tiên là một con cá tuyết, rồi một con cá tuyết khác, và một con cá bơn. Cuối cùng, một con cá êfin đến, dừng lại một lát

và tộp nước như thể nó nếm thử trước khi cắn câu.

Rồi anh nhìn thấy một thứ mà anh không thể rời mắt khỏi nó. Trông nó giống như cái lưng của một người đàn ông mặc áo da, với một ống tay áo dính vào bên dưới cái neo của một con thuyền.

Rồi một con cá lười ngựa bơi đến cắn câu, và mọi thứ trở nên tối đen như mực.

“Anh phải thả con cá lười ngựa ra khi anh kéo câu vào ngày mai.” Có ai đó nói. “Việc tìm kiếm không có tác dụng gì ngoại trừ vào lúc chiều tối, khi thủy triều đang xuống.”

Ngày hôm sau anh ra khơi, nhặt một mảnh đá bia mộ ở khu nghĩa địa để cột vào dây câu, và vào lúc chiều tối, khi thủy triều xuống, anh bắt đầu tìm kiếm.

Ngay lập tức, anh kéo lên một chiếc mỏ neo của một con thuyền, những cái móc của nó móc vào một cái áo khoác da của dân đánh cá, với một cánh tay còn sót lại.

Những con cá đã ăn hết những phần thò ra khỏi tấm áo da.

Anh chèo thuyền thẳng tới nhà thờ gặp vị linh mục.

“Sao! Chôn cất một chiếc áo khoác da cũ đã rách tả tơi à!” Vị linh mục ở Brönö nói.

“Cả chiếc ủng nữa.” Isaac nói.

“Những thứ đồ trôi giạt trên biển nên được trưng bày ở cổng nhà thờ.” Vị linh mục hét to.

Khi đó Isaac nhìn thẳng vào mắt ông ta.

“Chiếc ủng đi biển đã đè nặng lên lương tâm tôi khá đủ rồi.” Anh nói. “Và tôi chắc rằng tôi không muốn phải gánh vác thêm cái áo khoác này nữa.”

“Ta bảo anh rằng ta không muốn làm chuyện phí công vô ích.” Vị linh mục giận dữ nói.

Isaac lại gãi đầu và lẩm bẩm: “Chà, chà!”

Và anh đành phải ra về. Nhưng Isaac không thể yên tĩnh nghỉ ngơi được, một khối nặng trĩu xuống lòng anh.

Đêm đó, anh lại trông thấy con cá lưới ngựa trắng to lớn. Nó bơi vòng vòng một cách chậm chạp và buồn rầu dưới đáy biển. Như thể có một loại lưới vô hình nào đó đang vây quanh nó. Và nó đang tìm cách để thoát ra khỏi đó.

Isaac nằm, nhìn và nhìn mãi cho tới lúc con mắt mù của anh lại trở nên đau nhức.

Sáng hôm sau, vừa khi anh lại vét tìm và buông những sợi dây câu xuống, một con mực ống khổng lồ kỳ lạ nhô lên và phun một luồng mực đen vào mặt anh.

Một chiều nọ anh để mặc cho con thuyền trôi theo dòng nước ở mé ngoài những tảng đá ngầm nhưng vẫn còn trong phạm vi những hòn đảo. Cuối cùng, nó dừng sừng lại ở một chỗ, như vừa bị buông neo đột ngột, rồi nó nằm im một cách lạ lùng ở đó; trên biển không có một dấu hiệu gì của sự sống, và trên bầu trời không có

một bóng chim.

Ngay lập tức một cái bong bóng nước to lớn nổi lên ở trước lá buồm tam giác, và khi nó vỡ ra, anh nghe thấy một tiếng thở dài sâu lắng.

Nhưng Isaac có quan điểm riêng về những gì anh đã nhìn thấy.

“Vị linh mục ở Brönö phải tổ chức lễ tang, hoặc là ta phải biết lý do vì sao.” Anh tự nhủ.

Từ đó trở đi, có tin đồn rằng anh ta có một con mắt thần, có thể nhìn thấy nhiều điều quanh anh mà những người khác không thể thấy.

Anh ta có thể nói đích xác có thể tìm thấy nhiều cá ở đâu giữa những dải bờ, còn ở đâu không có, và khi mọi người hỏi anh những chuyện như vậy, anh sẽ đáp:

“Nếu tôi không biết, thì em trai tôi biết.”

Một hôm, vị linh mục ở Brönö có việc phải đi dọc theo bờ biển vì việc đạo, và Isaac là một trong những người chèo thuyền đưa ông ta đi.

Họ ra khơi trong một cơn gió mạnh.

Vị linh mục nhanh chóng tới nơi, và không ở lại đó lâu lắm để hoàn tất công việc của ông, vì ngày hôm sau ông phải làm lễ thánh ở ngôi nhà thờ giáo xứ của mình.

“Xem ra cái vịnh hơi bị động.” Ông ta nói. “Và gió sẽ lớn cho tới chiều tối, nhưng vì chúng ta tới đó được, tôi cho là chúng ta cũng có thể quay về được.”

Họ không còn cách xa lắm trên đường quay về thì một cơn gió mạnh nổi lên, nên họ phải giương thêm bốn cánh buồm phụ.

Họ tiếp tục đi, với cơn bão và những bông tuyết lướt qua tai họ, còn những lượn sóng còn thì dựng cao lên như những ngôi nhà.

Vị linh mục chưa bao giờ ra ngoài trong một thời tiết như thế. Họ lao thuyền thẳng vào những lượn sóng, rồi lại thoát ra khỏi chúng.

Chẳng bao lâu sau trời tối đen.

Bờ biển trông như những cánh đồng tuyết trên núi, và những lớp tuyết rơi ngày càng dày đặc.

Isaac vừa giương thêm cánh buồm phụ thứ năm thì một trong những tấm ván ngang ở giữa thuyền bị vỡ, nước biển tràn vào, vị linh mục và đoàn thủy thủ nhảy lên lớp ván phía trên và la hét âm ỉ khi con thuyền hạ xuống.

“Tôi không nghĩ là biển sẽ nhấn chìm con thuyền này.” Isaac nói, và anh vẫn ngồi yên ở chỗ bánh lái.

Khi mặt trăng ló ra sau màn mưa bụi, họ nhìn thấy một thủy thủ lạ lùng đang đứng giữa những lỗ thông nước bên mạn tàu, và tát nước ra ngoài cũng nhanh như khi nó ập vào thuyền.

“Tôi không biết là tôi đã thuê cái anh chàng ở đằng kia.” Vị linh mục nói. “Tôi thấy hình như anh ta đang tát

nước bằng một cái ủng đi biển, hình như anh ta chẳng có quần hay da gì bên trên đôi chân, và phần trên của anh ta hình như chả có gì ngoài một cái áo khoác da trống rỗng.”

“Tôi nghĩ là linh mục đã từng nhìn thấy anh ta rồi.” Isaac nói.

Vị linh mục nổi giận.

“Bởi đạo hạnh của nơi làm việc linh thiêng của tôi, tôi cầu xin anh ta hãy rời khỏi con thuyền.”

“Chà chà!” Isaac đáp. “Và linh mục có thể nói gì về tấm ván đã bị vỡ?”

Vị linh mục chợt nhớ ra hoàn cảnh tai hại mà ông ta đang lâm vào.

“Người này có vẻ rất khỏe mạnh, và chúng ta rất cần tới anh ta.” Ông ta nói. “Và việc giúp đỡ cho một người phục vụ cho Thượng đế ở giữa biển cả không có gì là tội lỗi. Nhưng tôi muốn biết anh ta muốn được đền bồi lại điều gì.”

Những lượn sóng còn nổi lên, và cơn bão gầm rú xung quanh ông ta.

“Chỉ cần hai ba xẻng đất lấp lên một cái ủng rách nát và một cái áo khoác da cũ mà thôi!” Isaac đáp.

“Nếu anh có thể lại đi lang thang ở mé dưới này, tôi nghĩ rằng không có gì cản trở anh có thể hưởng hạnh phúc trở lại, với những gì tôi biết, và anh sẽ nhận được

đầy đủ những xẻo đất.” Vị linh mục nói với bóng ma thủy thủ.

Ngay khi ông ta nói thế, mặt nước giữa những tảng đá ngầm hoàn toàn tĩnh lặng trở lại, và con thuyền chở vị linh mục nhô lên, cao và khô ráo bên trên bãi cát.

Con gái của thần gió

Thuở xưa, ở Dyrevig có một thuyền trưởng trẻ tên là Bardun. Anh bướng bỉnh cứng đầu đến nỗi chẳng ngần ngại bất cứ việc gì cả. Bất cứ điều gì anh muốn làm thì nhất định nó phải được thực hiện, anh ta bảo thế và luôn làm đúng như thế. Nếu anh hứa sẽ có mặt trong một buổi khiêu vũ, các nàng thiếu nữ ở đó có thể an tâm dựa dẫm vào anh, dù là trời có bão lớn hay mưa như trút nước.

Anh thường lái một con thuyền hai mái chèo tới nhà cha của mình dù trời mưa bão. Ở đó có hàng đàn thiếu nữ đang chờ đón anh, và anh lướt trên sàn nhà với lần lướt từng cô gái một, để họ có thể tùy thích khoe những dáng vẻ yêu kiều của họ.

Lúc nào anh cũng có vẻ vênh váo.

Anh cũng thường đi câu cá mập, và liều lĩnh ra khơi với chiếc lao đâm cá, ở những nơi mà chỉ có những con tàu lớn mới thường hay tới.

Nếu có việc gì mà không ai khác dám làm, Bardun chính là người sẽ làm điều đó. Và dù cho sự mạo hiểm có vẻ phi lý và vô vọng như thế nào chẳng nữa, anh cũng luôn luôn thành công, vì thế mọi người luôn luôn nói về anh.

Lúc bấy giờ, ở khơi xa, mé ngoài những đảo ngầm có một tảng đá khổng lồ, hang ổ của những con vịt trời, nơi mà tay nhà buôn chủ nhân của nó mỗi năm lại đến để thu hoạch những giỏ đầy lông vịt. Ở mé dưới tảng đá cao ngất này có một cái khe. Không ai có thể biết được nó kéo dài tới đâu vào bên trong tảng đá, và không ai có thể đi vào trong khe đó, nên người chủ của nó nói rằng nếu ai thích thì cứ việc vào đó mà thu lượm lông vịt. Việc này đã trở thành một câu ngạn ngữ để chỉ bất kỳ điều gì không thể thực hiện được, rằng việc đó cũng bất khả thi giống như đi nhặt lông vịt trong khe đá Dyervig.

Thế nhưng Bardun đã rất nhiều lần ghé qua tảng đá đó, nhìn lên khe đá và trông thấy mọi cư dân chim chóc ở đó đến nỗi anh cảm thấy anh phải thử một phen.

Anh không để mất thời gian, và khi mặt trời vừa soi sáng anh đã lên đường.

Anh mang theo một sợi thừng dài, quấn hai ba vòng quanh một mỏm đá rồi từ từ đu xuống cho tới khi đối diện với khe đá. Ở đó, anh cứ đu đưa tới lui cho tới lúc có một lối vào chắc chắn, rồi bắt đầu thu gom lông vịt và nhét đầy vào những cái bao tải.

Anh đi sâu vào khe đến nỗi không còn thấy một tia sáng nào từ phía lối vào, và anh không thể thu gom hết được vô số lông vịt trong đó.

Khi anh thôi không thu gom nữa, trời đã xế chiều.

Nhưng khi anh ra ngoài cửa khe, tảng đá mà anh buộc đầu sợi dây thừng đã biến mất, còn sợi dây thì treo đong đưa ở mé ngoài vách đá. Con gió thổi nó phát phơ qua lại. Những luồng không khí điên cuồng đập vào nó, luôn giữ nó ở cách xa vách đá và lơ lửng trên miệng vực.

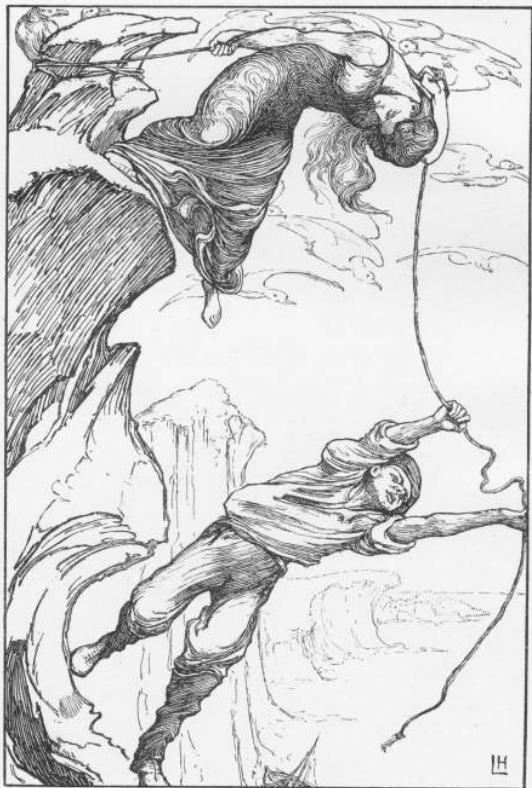
Anh đứng đó, cố đi cố lại để tóm lấy sợi dây cho tới khi mặt trời chìm khuất sau mặt biển.

Khi trời sáng trở lại, và vừa khi một cơn gió nhẹ ban mai cuốn lên từ biển, anh nghe thấy một ai đó ngay phía trên đầu anh nói rằng: “Nó cuốn đi xa, nó cuốn đi xa!”

Anh nhìn lên, và trông thấy một thiếu nữ cao lớn đang kéo sợi dây thừng ra xa vách đá.

Mỗi lần anh cố tóm sợi dây, nàng ta lại giật mạnh nó ra khỏi vách đá, và cất tiếng cười vang dội cả vách núi: “Nó cuốn đi xa, nó cuốn đi xa!”

Và cứ thế, sợi dây thừng đu đưa tới lui, lúc nơi này lúc nơi nọ.



THE WIND GNOME.

“Tốt hơn là mình nên nhảy ngay, không chờ cho tới lúc mình đã mệt.” Anh nghĩ thầm.

Đó là một cú nhảy khá xa, nhưng anh lui lại một quãng để lấy đà, rồi phóng người ra.

Bardun không phải là loại người chịu thất bại. Anh tóm được sợi dây và bám chặt vào nó. Và thật lạ lùng, dường như lúc đó nó chạy ngược lên vách đá, như thể có ai đó đang kéo nó lên.

Ở ngay phía trước mỏm đá mà anh đã cột đầu sợi dây thừng, anh nghe thấy tiếng rì rào và tiếng thở dài thườn thượt, và có ai đó nói: “Thiếp là con gái của Thần gió, và giờ đây chàng đã chế ngự được thiếp rồi! Khi chàng nghe thấy hơi gió lao xao quanh chàng, đó là thiếp tới bên chàng. Còn đây là chiếc bánh lái sẽ mang tới cho chàng sự may mắn và một cơn gió lành dù chàng đi tới bất cứ nơi nào. Kẻ nào thuận theo chàng sẽ phát đạt, còn kẻ nào chống lại chàng sẽ bị đắm tàu và mất mạng. Thiếp là người nằm trong những cơn gió mạnh.”

Rồi ngay lập tức mọi thứ yên tĩnh trở lại, nhưng ở mặt biển bên dưới một cơn gió giật lướt qua.

Bardun đứng đó với cái bánh lái trong tay, anh hiểu rằng đây là vật không thể vất bỏ một cách dễ dàng.

Anh lái thuyền quay về nhà với một cơn gió thổi mạnh phía sau. Đi chưa được xa lắm, anh gặp một nhà buôn mua số lông vịt của anh với một giá rất khá.

Nhưng Bardun không dự tính chỉ tới đó một lần duy nhất. Anh cũng tới giống như lần trước, và quay về từ tảng đá Dyrevig với một đồng bao tải đựng lông vịt chất cao tới tận cột buồm.

Anh mua những ngôi nhà và những con tàu, càng ngày càng làm ăn phát đạt. Và chẳng bao lâu sau, anh đã làm chủ tất cả những bãi đánh cá, ở cả phía bắc lẫn phía nam.

Những người đi theo anh, và làm theo lời anh nói làm ăn thịnh vượng và có nhiều may mắn, nhưng những người cản trở hay đối chọi với anh thì bị đắm tàu và chết đuối, vì Thần gió đứng về phía của anh. Cuối cùng, anh giàu có đến mức làm chủ tất cả những chỗ mua bán và trại đánh cá trong toàn tỉnh Finmark, và cử những đoàn tàu đi xa đến tận Spitzbergen.

Không một ai dám bán cá ở miền bắc mà không được sự chấp thuận của anh, còn mỗi lần tới Bergen, cả đoàn thuyền của anh có tới mười tám chiếc.

Anh điều hành và phán xét theo những gì có lợi nhất cho mình. Nhưng những vị quan tòa cho rằng một người không thể có quá nhiều quyền hành như thế, họ bắt đầu điều tra, và tiếp nhận những than phiền về việc anh hà hiếp mọi người.

Tiếp theo, các quan tòa gửi tới anh một cảnh báo.

“Nhưng quyền cai trị nằm ở cái bánh lái của ta.”

Bardun nghĩ thầm.

Thế là các quan tòa triệu tập anh tới tòa án.

Bardun chỉ huyết sáo một cách khinh thường.

Cuối cùng, mọi việc lên tới mức độ là các quan tòa lên đường để truy bắt anh giữa một cơn bão lớn, và họ bị đắm thuyền ở vùng biển Finmark.

Khi đó Bardun trở thành vị quan tòa cao nhất cho tới lúc nhà vua cử một quan tòa khác. Nhưng vị quan tòa mới tới không lâu đã nhận ra rằng không phải ông ta mà chính Bardun mới là người nắm quyền thống trị. Thế là mọi chuyện như cũ lại diễn ra. Không thể triệu tập Bardun ra trước tòa, các vị quan tòa ra khơi để đuổi bắt anh và chết chìm giữa biển.

Nhưng khi viên quan kế tiếp được cử tới Finmark, chỉ có cái sóng thuyền của con tàu của nhà vua dạt vào bờ biển. Cuối cùng, không còn ai dám mạo hiểm tới đó để bị tiêu đời, và Bardun được yên ổn thống trị tất cả. Khi đó anh trở nên giàu mạnh trên khắp tỉnh Finmark đến nỗi anh ngự trị ở đó như một vị vua.

Bardun đã trở thành một người đứng tuổi. Và ông có một cô con gái.

Tên của nàng là Boel, nàng lớn lên, xinh đẹp rực rỡ như ánh mặt trời. Có lẽ chẳng có chàng trai nào xứng đáng với nàng, ngoại trừ con trai của chính nhà vua.

Những người từ các phương xa đến cầu hôn và thất

bại. Họ bảo rằng nàng ta sẽ có một khoản của hồi môn mà chưa có cô gái nào ở miền Bắc nào có được.

Năm nọ có một viên quan còn rất trẻ tới đó mang theo một lá thư của nhà vua. Trang phục của anh ta phủ đầy vàng, lông la lông lánh ở bất kỳ nơi nào anh ta tới. Bardun niềm nở đón tiếp anh ta và giúp anh ta thực hiện mệnh lệnh của nhà vua.

Nhưng từ cái ngày mà bản thân Bardun còn trẻ, nhận được lời đáp “Vâng” của cô dâu của ông cho tới lúc đó, ông chưa bao giờ hạnh phúc bằng lúc mà Boel đến gặp ông và bảo rằng chàng quan trẻ đã cầu hôn nàng, và nàng sẵn sàng ném mình xuống biển nếu không thể lấy được anh ta.

Bardun đồng ý, vì thế là dòng giống của ông vẫn nắm giữ quyền lực khi ông qua đời.

Vào mùa hè năm đó, khi viên quan trẻ đang đi tuần du, Bardun sai một trăm người xây cho họ một ngôi nhà. Nó lộng lẫy như một tòa lâu đài, sáng sủa với những gian phòng cao rộng và phòng khách menh mông, những cánh cửa sổ trong những căn phòng dài, đầy những da thú, vải dạt vàng và những viên đá lát nền sáng chói mang về từ tận miền nam xa xôi.

Và vào mùa thu, một đám cưới diễn ra, linh đình đến nỗi khắp vùng ai cũng bàn tán xôn xao về nó.

Nhưng chẳng bao lâu Bardun bắt đầu nhận ra có một

tin đồn đã trở thành sự thật, rằng người đàn ông đã cưới con gái của ông cũng muốn đi theo con đường riêng của anh ta.

Anh ta ban bố luật lệ, đưa ra phán quyết giống như Bardun, và đã bác bỏ Bardun không chỉ một vài lần.

Bardun tới gặp Boel, ra lệnh cho nàng phải quản chế công việc của chồng nàng và theo dõi chặt chẽ. Ông nói ông chưa từng gặp người đàn ông nào mà người vợ anh ta lại không thể điều chỉnh được anh ta theo con đường đúng đắn trong thời gian mà họ không có việc gì để làm ngoài việc cùng nhau hưởng những hạnh phúc trắng mật.

Nhưng Boel đáp rằng nàng đã cưới một người đàn ông mà theo ý nàng, không kém bản lĩnh đàn ông hơn so với cha đẻ của nàng, và ngoài ra, văn phòng của anh ta duy trì luật pháp và sự tài phán của nhà vua.

Những người trẻ tuổi rất dễ bảo, Bardun nghĩ. Người ta có thể làm bất kỳ điều gì với họ nếu làm cho họ tưởng rằng họ đang làm theo cách thức của chính mình. Và người ta có thể đạt được những điều kỳ diệu nếu biết chờ cơ hội tốt nhất. Dù có trục trặc thế nào ông cũng có thể uốn nắn mọi thứ lại dễ dàng, một khi ông đã nắm chắc trong tay quyền thống trị.

Vì thế ông ca ngợi mọi thứ mà cậu con rể đã làm, và nói tốt về anh ta. Ông nói rằng ông rất vui mừng có

được một nhà cai trị khôn ngoan và trang trọng, sẵn sàng để tiếp nối bước chân ông khi ông đã già yếu.

Và ông tự hạ thấp mình, làm cho giọng nói trở nên run rẩy, như thể ông thật sự là một người ốm yếu và suy nhược.

Nhưng cái cách ông đóng sầm những cánh cửa, và nện chiếc gậy của mình vào những tảng đá cho đến toé lửa không qua được mắt của Boel.

Kế đó, trong một phiên tòa, Bardun bị tuyên phải đóng thuế một phần mười toàn bộ gia sản của ông, theo luật pháp và phán quyết của nhà vua.

Mọi phụ nữ đều phù phiếm nhẹ dạ, Bardun nghĩ thầm, và về khía cạnh này Boel cũng giống như những người phụ nữ khác. Và nàng không còn là con gái của ông nếu nàng không thể không chế được chồng nàng.

Thế là ông mang tới cho nàng vàng bạc châu báu, và mọi thứ đắt giá khác. Hôm nay ông mang tới một chiếc vòng, hôm sau một sợi dây chuyền. Khi này một sợi thắt lưng, khi khác một đôi giày nạm vàng. Và ông luôn bảo nàng rằng ông tặng cho nàng những món quà này vì nàng chính là viên ngọc quý báu nhất của ông. Ông không biết trên thế gian này có gì còn quý giá hơn nàng.

Rồi với vẻ vui sướng nhất, phong thái lịch thiệp nhất, ông gợi ý rằng nàng có thể nhìn thấy điều này, rồi nói về chồng nàng theo những cách khác.

Nhưng vấn đề thậm chí còn tệ hại hơn trước.

Và mọi chuyện tiếp diễn cho đến mùa thu. Luật pháp của nhà vua là trên hết, và ý muốn của ông chỉ đứng hàng thứ hai.

Ông bắt đầu sợ điều đó có thể là kết thúc của mọi chuyện này. Đôi mắt ông loé lên dữ tợn đến nỗi không ai dám tới gần ông. Ban đêm, ông đi tới đi lui, gào thét và hướng xuống phía nhà đưa con gái, gọi nàng bằng mọi loại danh từ xấu xa nhất.

Một hôm, ông tới thăm Boel với một chiếc vương miện vàng nạm đầy những viên đá quý. Nàng sẽ là Nữ hoàng của Finmark và Spitzbergen, ông bảo, nếu chồng nàng chịu làm theo ý của ông.

Nàng nhìn sững vào mặt ông và nói rằng nàng sẽ không bao giờ dủi dờ chồng nàng vi phạm luật pháp của nhà vua.

Mặt ông tái nhợt đi như bức tường sau lưng, rồi ông ném chiếc vương miện vàng xuống nền nhà, khiến những viên đá quý văng toé như mưa.

Ông bảo rằng, nàng phải biết rằng chính cha nàng chứ không ai khác, là vua ở đây. Và giờ đây vị quan trẻ sẽ phải tìm xem kẻ ngồi trên ghế của ông phải trả giá ra sao.

Thế là Boel hoàn toàn từ bỏ cha nàng, nhưng nàng khuyên chồng nên lên đường ngay tức khắc.

Vào ngày thứ ba, nàng đã đóng gói hết mọi của cải hồi môn, và khởi hành với chồng trên con tàu lớn.

Bardun đập đầu mình vào tường, và đêm đó ông ta cười to đến nỗi có thể nghe thấy từ xa, nhưng đó là ông khóc cho con gái của mình.

Lúc bảy giờ, một cơn bão nổi lên, lớn đến nỗi mặt biển trắng xóa suốt cả tuần. Và không cần tới lúc thủy triều lên, con tàu mà Boel và chồng nàng đi đã bị đắm. Những mảnh gỗ thân tàu vỡ vụn trôi giạt rải rác giữa những tảng đá ngầm.

Bardun mang theo cái bánh lái mà con gái của Thần gió đã tặng cho ông, gắn nó vào sống thuyền của con tàu lớn nhất của ông. Ông bảo rằng chính ông bây giờ là thần linh, và luôn có một cơn gió lành hướng dẫn ông, ông có thể cai trị bất cứ nơi nào trên thế gian rộng lớn này, Ông lái thuyền về nam trong cơn gió nhẹ lao xao, và những lượn sóng cồn cuộn lên phía sau ông như những ngọn đồi.

Biển ngày càng động mạnh, cho tới khi nó cuộn lên như những ngọn núi trắng xóa cao ngất như những vách đá ở Lofoten.

Khi ông cai trị toàn thế gian này mọi việc không thể tồi tệ hơn, ông thét lớn. Và cứ thế ông lái thuyền lao nhanh về hướng nam.

Ông không hề giảm tốc độ chút nào, và cơn bão ngày

càng tệ hại hơn, mặt biển ngày càng dâng cao hơn. Giờ đây ông đang hướng thẳng về phía mặt trời.

Con cá thần

Nó là một con cá hồi khác lạ mà Nona đã kéo lên được ở đầu dây câu. To béo, lấp lăm lấp lăm những chấm đỏ sáng chói, nó uốn éo thân mình với cái bụng màu vàng bên trên mặt nước, cổ vùng ra khỏi lưỡi câu. Khi anh kéo nó vào trong thuyền và gỡ nó ra khỏi lưỡi câu, anh nhìn thấy ở chỗ lẽ ra là đôi mắt của nó chỉ có hai đường kẻ nhỏ.

Nó hẳn phải là một con cá thần, một trong những ngư dân trên thuyền nghĩ thầm, vì có tin đồn rằng cái hồ đó là một trong những hồ nước có hai đáy.

Nhưng Nona không bận tâm mấy về việc nó là loại cá gì, miễn nó to là tốt rồi. Anh đang đói còn cào, thế nên anh thúc hối mọi người chèo thật nhanh vào bờ để nướng con cá.

Anh đã ngồi suốt buổi chiều với những dây câu trống không trong cái hồ trên núi đó; còn con cá hồi thì cách đó một giờ còn đang bơi lội tung tăng với cái đuôi làm bánh lái, đã đón phải con mồi ở lưỡi câu, và giờ đã được nướng chín bày trên chiếc đĩa.

Lúc này Nona nhớ lại đôi mắt kỳ lạ của con cá, và trích nó ra khỏi đầu cá bằng cái nĩa. Ở phía ngoài chỉ là

hai khe hở nhỏ, thế nhưng bên trong đó có những nhân cầu cứng. Cái đầu có hình dáng thật lạ thường, trông khác biệt ở mọi khía cạnh so với những con cá khác.

Anh hơi bức mình vì đã không xem xét kỹ lưỡng hơn trước khi nướng nó, giờ thì khó mà tìm ra thật sự nó là loại cá gì. Tuy nhiên, thịt nó ngon tuyệt vời, và điều đó cũng có chút gì an ủi.



THE HULDREFISH.

Đêm đó, trước ánh sáng yếu ớt của mặt nước long lanh, anh nằm mơ màng, suy nghĩ về con cá kỳ lạ đã câu được.

Anh nghĩ anh lại đang ngồi trên thuyền, và dường như bàn tay anh đang cảm thấy con cá đang quẩn quại vùng vẫy, lắc cái mõm qua lại để thoát khỏi lưỡi câu.

Rồi chợt nó trở nên to lớn và mạnh mẽ đến nỗi nó kéo cả con thuyền đi theo sợi dây câu. Nó bơi đi với một tốc độ kinh hoàng, trong lúc đó hồ nước dần dần nhỏ lại và khô cạn.

Có một sức hút không thể cưỡng kháng của nước theo hướng con cá đang bơi, về phía một cái lỗ giống như cái phễu ở đáy hồ, và con thuyền lao thẳng vào cái lỗ đó.

Nó lướt một lúc lâu trong ánh sáng mờ mờ dọc theo một con sông ngầm, đang cuộn sóng quanh anh. Không khí xung quanh anh ban đầu hơi lạnh giống như dưới một cái hầm rượu, nhưng dần dần nó trở nên dịu hơn và ấm áp hơn.

Dòng nước giờ đây chảy lặng lẽ êm đềm, và tiếp tục mở rộng cho đến khi nó đổ vào một cái hồ lớn.

Ở mé bờ hồ, chỉ lờ mờ hiện ra trong bóng tối, trải dài những đầm lầy và bãi lầy, anh nghe từ đó có những âm thanh như thể có những con quái thú khổng lồ đang quẫy đập. Chúng quẩn quại, đập nước tung toé và thờ

phì phì như những con rắn biển giữa lớp bùn lầy ẩm áp.

Nhờ những ánh lửa lân tinh, anh nhìn thấy nhiều loại cá khác nhau bơi gần con thuyền, nhưng tất cả đều không có mắt.

Rồi anh trông thấy hình dáng của những con rắn biển không lồ đang trườn mình ở phía bóng tối xa xa. Lúc này anh hiểu rằng chính từ nơi đây chúng đã lộ đầu lên mặt biển vào những ngày oi bức khi mặt biển trở nên ẩm áp.

Những con ba ba không lồ với cái đầu bằng và cặp mỏ vịt, đuôi theo bầy cá, và bò lên mặt đất theo những con đường nhỏ lầy lội.

Xuyên qua bóng tối ẩm áp lờ mờ, thỉnh thoảng xuất hiện một cơn gió lạnh lẽo từ những hơi thở của những con thường luồng nhầy nhụa trơn láng đang trườn mình trong lòng đất để nuốt những cổ quan tài mục nát trong những khu nghĩa địa.

Những con quái vật kinh khủng không hình dáng, với những sợi bồm dài, mà người ta bảo đôi khi xuất hiện trên những cái hồ nhỏ trên núi, đang quần quai trầm mình và bắt mồi trong những đầm lầy.

Và anh cũng thoáng thấy mọi kiểu sinh vật trông giống như con người, những loài mà các ngư dân và thủy thủ từng nhìn thấy ở biển khơi, và những người trong đất liền nhìn thấy ở những miền đồi núi của loài

yêu quái.

Ngoài ra, có một tiếng kêu rít nhỏ và tiếng lớn vồn bay lượn của những loài gì đó mà con người chưa bao giờ nhìn thấy hình dáng.

Thế rồi con thuyền lướt vào mặt nước mềm nhão lầy lội, từ đó nó chạy xuống dốc, nơi mà mái vòm trái đất phủ lên trên bóng tối khi nó ngày càng chìm xuống thấp.

Đúng lúc đó một dải sáng mờ loé xuống từ một khe sáng màu xanh rất cao ở bên trên đầu anh.

Một bầu không khí ẩm ướt ngọt ngào vây quanh anh. Mặt nước vàng khè và đục như chảy ra từ một cái nồi hơi.

Anh nhớ lại thứ nước ấm lạ lùng không thể uống được nổi bọt sùng sục cạnh những cái giếng phun. Nó rất nóng. Từ đó, con thuyền lao vào thế giới của những tầng địa chất lỏng bên dưới lớp vỏ trái đất.

Hơi nóng như từ một cái lò bốc lên từ những cái vực khổng lồ và những vách đá cao ngất, trong lúc những thác nước nóng như sôi gào lên làm rung chuyển cả lòng đất.

Ngay lúc đó, anh cảm thấy như thể thân hình của mình bị bốc lên trên không trung. Anh có cảm giác nhẹ nhàng không thể tả, một cảm giác kỳ diệu được trôi bèo bồng giữa bầu khí quyển cao và khôi phục lại trạng thái cân bằng.

Và trước khi anh biết sự thể ra sao, anh nhận thấy mình đã lại nằm trên mặt đất.

Dòng máu Phần Lan

Ở thôn Svartfjord, miền bắc Senie, có một thiếu niên tên là Eilert. Láng giềng của nó là những ngư dân Phần Lan, và trong số các con cháu của họ có một cô bé xinh xắn trắng trẻo, nổi bật ở mái tóc đen dài và đôi mắt tròn to. Họ sống ở phía sau vách đá ở mé bên kia mũi đất, làm nghề đánh bắt cá, giống như cha mẹ của Eilert; giữa các gia đình không có gì thân thiện với nhau mấy, vì bãi đánh cá gần nhất chỉ là một khu vực nhỏ xíu, và họ thích chèo thuyền ra đó đánh cá một mình.

Tuy nhiên, dù cha mẹ của Eilert không thích, thậm chí còn ngăn cấm, nó vẫn thường xuyên lên xuống khu nhà của những người Phần Lan. Ở đó luôn luôn có những câu chuyện lạ lùng, và nó nghe được nhiều giai thoại kỳ quái về những nơi thâm sơn cùng cốc, nơi từng là quê hương nguồn cội của người Phần Lan. Ở đó, vào thời xa xưa, những vị vua Phần Lan, những bậc thầy phù thủy, đã từng cư ngụ. Cũng tại đó, nó nghe kể về những thứ bên dưới lòng biển cả, nơi những người cá và bọn thủy quái cai trị. Bọn thủy quái có những quyền lực ác ôn tăm tối, và nhiều lần khi đang ngồi nghe kể chuyện, máu của nó như đông lại trong huyết quản. Họ kể cho

nó nghe rằng bọn thủy quái thường xuất hiện trên bờ biển dưới ánh trăng ở những nơi phủ đầy rong rêu và tảo biển, rằng đầu của chúng là một chùm rong có hình dạng lạ kỳ đến nỗi ai bắt gặp chúng đều không dám nhìn thẳng vào gương mặt tái nhợt kinh khủng của chúng. Bản thân họ đã gặp chúng nhiều lần, và có lần vào buổi sáng kia, họ đã kéo một con thủy quái ra khỏi thuyền lúc nó đang ngồi lật úp những chiếc mái chèo. Khi Eilert vội vã quay về nhà trong bóng tối vây quanh mũi đất, dọc theo bờ biển, nó không dám nhìn xung quanh, và nhiều lần mồ hôi chảy đầm đìa trên trán nó.

Theo mức độ thù ghét ngày càng tăng giữa những người lớn tuổi, họ tìm ra khá nhiều lỗi lầm của nhau, và Eilert nghe vô số những điều xấu xa nói về những người Phần Lan ở nhà anh. Khi thì thế này, khi thì thế nọ. Họ thậm chí không chèo thuyền như những ngư dân trung thực, mà theo cung cách của người Phần Lan, họ có những cú chèo nhanh và đưa lên cao, như thể họ là bọn đàn bà con gái, và tất cả bọn họ nói chuyện với nhau âm ỉ khi đang chèo thuyền, thay vì phải “im lặng ở trên thuyền.” Nhưng điều gây ấn tượng nhất đối với Eilert là sự kiện, rằng ở gia đình người Phần Lan, họ làm những phép ma thuật và thờ cúng các quỷ thần, mọi người bảo thế. Nó cũng nghe kể về một việc khác thường, đó là nỗi tủi nhục phải mang dòng máu Phần Lan, đó là lý do vì

sao những người Phần Lan không tốt như những người dân trung thực khác, khiến các quan tòa phải chia cho họ phần đất chôn riêng biệt trong nghĩa địa, và ấn định “khu vực người Phần Lan” riêng biệt trong nhà thờ. Eilert đã tận mắt chứng kiến việc này trong nhà thờ ở Berg.

Tất cả những chuyện này làm nó nổi giận, vì nó không thể không thích những người dân Phần Lan ở khu dưới kia, đặc biệt là cô bé Zilla. Cả hai luôn chơi đùa bên nhau. Cô bé biết nhiều điều về những người cá, thủy thần. Vì thế, lương tâm của nó luôn cắn rứt khi nó chơi với cô bé, và mỗi khi cô bé nhìn nó với đôi mắt to đen láy trong lúc đang kể những giai thoại cho nó nghe, nó thường cảm thấy hơi e ngại, vì những lúc đó nó nhớ lại rằng cô bé và những đồng bào của cô thuộc về một dân tộc bị nguyên rủa, và đó cũng là lý do vì sao họ biết nhiều về những câu chuyện như thế. Nhưng, mặt khác, ý nghĩ về điều đó làm nó nổi giận, nhất là vì cô bé. Cả cô bé cũng thường ngờ ngàng vì cử chỉ lạ lùng mà cô không thể hiểu của nó đối với cô; và rồi theo thói quen, cô bắt đầu phá ra cười và trêu nó bằng cách bỏ chạy trốn cho nó đi tìm.

Một hôm nó gặp cô bé đang ngồi trên một mỏm đá ven bờ biển. Cô ôm trong tay một con hải âu đã bị bắn, và hầu như vừa mới chết, vì nó vẫn còn ấm, và khóc

nức nở. Cô tức tưởi kể rằng nó là con chim làm tổ bên dưới mái ngôi nhà của họ hàng năm, và cô biết về nó rất rõ, rồi cô chỉ cho Eilert xem một chiếc lông nhuộm đỏ máu trên lông ngực trắng của nó. Nó đã bị bắn chết bởi một viên đạn duy nhất, và chỉ có một giọt máu duy nhất ứa ra. Nó cố bay về tổ, nhưng đã chết gục bên bờ biển trên đường về. Cô khóc như thể trái tim cô đang tan nát, rồi lau nước mắt bằng mái tóc theo tính cách mãnh liệt của người Phần Lan. Eilert chế nhạo cô như những cậu bé khác thường làm, nhưng cậu đã phải cố gắng, và mặt tái đi trong suốt thời gian đó. Nó không dám kể cho cô bé nghe rằng chính ngay hôm đó nó đã lấy khẩu súng của cha nó ra sau mồm đất và bắn hú họa vào một con chim đang bơi vào bờ.

Một mùa thu nọ cha của Eilert làm ăn cực kỳ thất bát. Ngày này sang ngày kia trên các bãi đánh cá những sợi dây câu của ông chẳng bắt được thứ gì, trong khi đó ông nhìn quanh và trông thấy người Phần Lan cứ kéo hết lần này sang lần khác những lưới câu đầy cá. Ông chắc chắn rằng ông đã nhận thấy những cử chỉ hiểm độc trên con thuyền của người Phần Lan. Sau chuyện đó cả nhà ông nuôi một niềm căm ghét gấp bội đối với họ; và khi trò chuyện với nhau vào buổi tối, họ đồng ý rằng trò ma thuật của người Phần Lan đã góp một phần vào chuyện đó. Để chống lại điều đó chỉ có một cách, đó là

chà đất mùn nghĩa địa lên những sợi dây câu, nhưng phải cẩn thận khi làm việc đó, nếu không sẽ xúc phạm tới những người chết và trở thành mục tiêu báo thù của họ.

Eilert bận tâm suy nghĩ nhiều về tất cả những điều này, với nó, dường như nó cũng phải gánh một phần trách nhiệm, vì nó đã chơi thân với những người Phần Lan.

Vào Chủ nhật sau đó, cả nó và những người Phần Lan đều tới nhà thờ, và nó lén lượm một mớ đất mùn từ một ngôi mộ của người Phần Lan, cho vào túi. Ngay chiều hôm đó, khi về tới nhà, nó lén rắc những đất mùn đó lên những sợi dây câu của cha nó. Và lạ lùng thay, ngay lần kế tiếp ném câu, cha nó đã bắt được rất nhiều cá như trong những ngày may mắn nhất trước đó. Nhưng sau đó Eilert trở nên bồn chồn lo lắng. Nó đặc biệt cảnh giác trong lúc họ đang làm việc buổi tối quanh lò sưởi, còn ở góc đằng xa của căn phòng thì tối đen. Nó ngồi ở đó với một mảnh thép trong túi.

Việc cầu xin sự tha thứ của người đã chết là phương tiện hữu hiệu duy nhất để chống lại những hậu quả tai hại của những hành vi như thế, nếu không người ta sẽ bị lôi tới nghĩa địa vào ban đêm bởi một bàn tay vô hình, dù có được cột chặt vào giường bằng dây cáp của một con tàu.

Vào ngày Chủ nhật thuyết giáo kế tiếp, khi tới nhà thờ

Eilert chăm sóc rất cẩn thận ngôi mộ đó, và cầu xin người chết tha thứ.

Khi lớn hơn, Eilert hiểu rằng những người Phần Lan nói cho cùng cũng giống như những loại người của dòng giống cậu. Nhưng, mặt khác, một ý nghĩ khác giờ đây xâm chiếm tâm trí cậu. Đó là những người Phần Lan phải là một dòng dõi thấp hèn, do vết nhơ của sự ghét bỏ đối với họ. Tuy nhiên, cậu không thể thoải mái nếu không có xã hội của Zilla, và họ vẫn rất gần gũi với nhau như trước, đặc biệt vào thời gian làm lễ Kiên tín.

Nhưng khi Eilert trở thành một người đàn ông, và hòa đồng nhiều hơn với mọi người trong giáo xứ, anh bắt đầu cho rằng tình bạn cũ này đã hơi hạ thấp tư cách anh trong mắt của những người láng giềng. Không có ai không tin rằng thật sự có một điều đáng xấu hổ trong dòng máu của người Phần Lan, và do đó, anh luôn cố tránh đi chung với Zilla.

Cô gái hiểu tất cả khá rõ, vì sau đó cô cũng tránh chạm mặt với Eilert. Tuy nhiên, một hôm cô tìm tới, như thói quen hồi thơ ấu, xin được đi nhờ thuyền của gia đình anh để cùng tới nhà thờ vào hôm sau. Trong thôn có nhiều người lạ, và Eilert, không muốn mọi người nghĩ rằng anh và cô gái có quan hệ mật thiết, đã đáp lại một cách chế giễu, để mọi người đều có thể nghe thấy, rằng “việc thanh tẩy ở nhà thờ có lẽ là một điều tốt đối với ma

thuật của người Phần Lan”, nhưng cô phải đi nhờ một ai khác mà thôi.

Sau đó cô không bao giờ nói chuyện với Eilert nữa, nhưng Eilert chỉ thấy thoải mái hơn với kết quả đó.

Một mùa đông, Eilert ra khơi một mình để câu cá mập Greenland. Một con cá mập cắn câu. Thuyền thì nhỏ, còn con cá thì rất to, nhưng Eilert không bỏ cuộc, và kết cuộc là thuyền của anh bị lật úp.

Suốt đêm dài, anh ngồi trên mũi thuyền giữa vùng biển cả dữ dội mù sương. Khi anh hầu như mệt lả và sắp chết chìm, lơ mơ nhận thức rằng đời anh sắp chấm dứt, và mong nó đến càng sớm càng tốt, anh chợt nhìn thấy một người mặc đồ thủy thủ ngồi vắt chân ở đầu kia con thuyền, nhìn anh chòng chọc với một đôi mắt đỏ lừ. Ông ta nặng đến nỗi đáy thuyền ở đầu ông ta ngồi chậm chạp chìm xuống. Rồi đột nhiên ông ta biến mất, Eilert thấy dường như sương mù tan bớt, và ngay sau đó biển êm trở lại; và ngay trước mắt anh là một hòn đảo xám nhỏ thấp và con thuyền đang chậm chậm trôi tới đó. Hòn đảo ngằm ẩm ướt, như thể biển vừa mới tràn qua nó, và trên đó anh nhìn thấy một cô gái có một gương mặt tái nhợt và đôi mắt rất đáng yêu. Cô mặc một chiếc váy dài màu xanh lá, quanh eo cô là một chiếc thắt lưng to bản bằng bạc trên có những hình vẽ theo kiểu những người Phần Lan hay đeo. Vạt áo trên của cô quét nhựa

nâu và bên dưới vạt áo viền đăng ten, dường như làm bằng râu biển là một chiếc áo sơ mi trắng toát, như bộ lông ngực của một con chim biển.

Khi thuyền dạt lên đảo, cô tới chỗ anh và nói, như thể biết anh rất rõ, “Thế là cuối cùng chàng đã tới, Eilert, em đã chờ chàng lâu lắm rồi!”

Eilert cảm thấy như có một cơn rung mình lạnh buốt như băng xuyên qua thân thể mình khi anh nắm lấy bàn tay giúp kéo anh lên bờ; nhưng cảm giác đó chỉ xảy ra trong khoảnh khắc, và anh quên nó ngay.

Ở giữa đảo có một cánh cửa với những bậc thang bằng đồng dẫn xuống một hang động kỳ diệu. Trong khi đang đứng suy nghĩ về mọi chuyện, anh nhìn thấy hai con cá nhám dài ít nhất từ một mét rưỡi tới hai mét đang bơi lượn gần đó.

Khi họ đi xuống, hai con cá cũng lặn xuống, mỗi con ở một bên bậc thang đồng. Thật lạ kỳ, trông hòn đảo dường như trong suốt. Khi cô gái nhận thấy anh đang sợ hãi, nàng bảo anh rằng chúng chỉ là hai tên cận vệ của cha nàng, sau đó giây lát chúng biến mất. Khi đó nàng bảo rằng nàng muốn đưa anh tới gặp cha nàng, ông ta đang chờ họ. Nàng nói thêm rằng nếu anh không thấy rằng ông đẹp đẽ như ông mong đợi, dù sao cũng đừng sợ sệt, mà cũng đừng quá ngạc nhiên vì những gì anh nhìn thấy.

Bấy giờ anh nhận thấy mình đang ở dưới nước, nhưng không có dấu hiệu gì của sự ẩm ướt. Anh đang đứng trên lớp cát trắng ở đáy nước, phủ đầy bởi những vỏ sò màu phấn trắng, đỏ, xanh dương và lấp lánh như bạc. Anh trông thấy những cánh đồng rêu biển, những ngọn núi rậm rạp những thân rêu tảo, với những đàn cá lượn lờ khắp phía như những con chim bay lượn quanh các mỏm đá nơi các loài chim biển cư trú.

Khi hai người đi bên cạnh nhau, nàng giảng giải cho anh nghe nhiều điều. Ở trên cao, anh nhìn thấy một thứ gì đó trông như một đám mây đen với một lần gạch trắng, và bên dưới nó đi động tới lui một hình dáng giống như một trong hai con cá nhám.

“Đó là một con thuyền,” cô gái nói, “ở trên đây tiết trời đang xấu, và trong thuyền là người đã ngồi cùng chàng trên đáy thuyền lúc này. Nếu nó bị chìm, nó sẽ thuộc về bọn thiếp, và khi đó chàng sẽ không được trò chuyện với cha thiếp trong hôm nay.” Khi nói tới đó, đôi mắt nàng loé lên ánh tham tàn, nhưng nó biến mất ngay lập tức.

Và, trên thực tế, khó mà xác định ý nghĩa của đôi mắt ấy. Như một quy luật, chúng thăm thẳm một cách khôn dò với vẻ rực rỡ của một đợt sóng còn ban đêm, xuyên qua đó những ánh lân tinh lấp lánh, nhưng, đôi lúc, khi nàng cười to, chúng lấp lánh một màu xanh chói lọi, như

khi ánh mặt trời chìm sâu xuống biển.

Thỉnh thoảng họ lại đi ngang một một con thuyền đã bị cát vùi lấp nửa phần, những đàn cá bơi lượn ra vào những cánh cửa và cửa sổ của các khoang thuyền. Sát bên những con tàu đắm đi lang thang những hình dáng con người, trông mơ hồ thấp thoáng như những làn khói xanh lam. Người dẫn đường của anh giải thích rằng đó là linh hồn của của những người chết đắm không được chôn cất theo nghi thức Cơ Đốc giáo – người ta phải đề phòng họ, vì những người chết kiểu này rất hiểm ác. Họ luôn biết được khi nào một kẻ thuộc chủng loài của họ sắp sửa chết đắm, và khi đó họ hú lên lời cảnh báo về cái chết của loài thủy quái suốt những đêm gió bão.

Rồi họ đi xa hơn, băng qua một thung lũng sâu tăm tối. Trên những vách đá bên trên, anh nhìn thấy một hàng cửa vuông góc màu trắng, từ đó phát ra một thứ ánh sáng trông như phát ra từ những ngọn đèn của miền bắc, xuyên xuống qua bóng tối. Thung lũng này trải dài theo hướng đông bắc ngay ở bên dưới Finnmark, cô gái nói, và bên trong những cánh cửa đó cư ngụ những vị vua Phần Lan già đã bỏ mình trên biển cả. Rồi nàng đi tới và mở cánh cửa gần nhất. Ở đó, dưới lòng biển mặn, là vị vua cuối cùng, kẻ đã bị lật thuyền trong chính cơn bão mà ông đã dùng ma thuật tạo ra, nhưng sau đó không thể dập tắt nó. Trên một phiến đá, một ông già

Phân Lan nhăn nhoe vàng vọt đang ngồi, với đôi mắt linh lợi và một chiếc vương miện lóng lánh màu đỏ sẫm. Cái đầu to lớn của ông gật gù tới lui trên chiếc cổ quắt queo, như thể nó đang nằm trong vòng xoáy của một dòng nước ngầm đại dương. Bên cạnh ông, trên phiến đá đỏ, là một người phụ nữ bé nhỏ, thậm chí còn vàng vọt nhăn nhoe hơn, cũng đội một chiếc vương miện, và y trang của bà bị phủ đầy bởi đủ loại đá nhiều màu sắc. Bà đang khuấy một ly rượu với một chiếc que. Nếu bà có được lửa bên dưới cốc rượu, hai vợ chồng họ chẳng bao lâu sẽ trở lại ngự trị biển cả, vì vật mà bà đang khuấy là một thứ ma thuật.

Ở giữa đồng rêu, ở ngay một chỗ ngoặt của con đường trước mặt họ, có vài căn nhà đứng cạnh nhau như một thị trấn nhỏ, và, xa hơn chút nữa, Eilert nhìn thấy một ngôi nhà thờ lộn ngược đầu xuống dưới, với cái tháp nhọn dài của nó, trông như thể nó được phản chiếu lại trên mặt nước. Cô gái giải thích rằng cha cô sống trong những căn nhà đó, và ngôi nhà thờ đó là một trong bảy nhà thờ thuộc lãnh địa của ông, trải dài trên khắp cõi Helgoland và Finmark. Hiện chúng không hoạt động, nhưng cần được duy trì để khi những vị giám mục chết chìm, họ có thể xưng danh vị Chúa tể duy nhất cần được phục vụ, và khi đó tất cả những loài thủy quái sẽ đến dự lễ nhà thờ. Có một vị giám mục, nàng bảo, đã

ngồi ở đó trăm tư suốt tám trăm năm qua, vì thế không
ngờ gì chẳng bao lâu nữa ông ta sẽ lụi tàn. Cách đây một
trăm năm, ông đã khuyên họ cử một thủy thần tới nhà
thờ Rodo để tìm hiểu mọi sự ở đó, nhưng mỗi lần người
ta nói tới cái tên mà ông ta muốn biết, ông ta lại không
thể nghe thấy được. Trên núi Kunman, đức vua Olaf đã
treo một cái chuông bằng vàng ròng, và người canh gác
nó là vị linh mục đầu tiên tới vùng Nordland. Ông ta
đứng ở đó, trên người khoác một chiếc áo lễ màu trắng.
Vào ngày nào đó khi vị linh mục này kéo chuông,
Kunman sẽ trở thành một nhà thờ lớn bằng đá mà toàn
dân cõi Nordland, cả trên bờ cũng như dưới biển sâu đều
lui tới. Nhưng thời gian cứ trôi qua, và vị giám mục cứ
hỏi mãi tất cả những người chìm xuống đây xem họ có
thể nói cho ông biết cái tên đó hay không.

Eilert cảm thấy thật khó chịu khi nghe chuyện này, và
anh còn khó chịu hơn khi anh bắt đầu hỏi tường lại và
phát hiện, trong cơn hoảng sợ, rằng anh cũng đã quên
cái tên đó.

Trong lúc anh đang suy nghĩ, cô gái nhìn anh một
cách náo nức. Gần như nàng cũng muốn giúp anh tìm ra
nó nhưng không thể, và vì thế ngay khi đó nàng trở nên
nhợt nhạt như một xác chết.

Căn nhà thủy thần mà họ tới được xây dựng bằng
những chiếc sổng thuyền và những mảnh tàu đắm lớn,

giữa những kẽ hở của nó đủ loại rong rêu mọc xum xuê. Ba cái cột khổng lồ màu xanh, phủ đầy sò hến, tạo thành một lối vào, và cửa ra vào làm bằng những tấm ván ngang đã chìm xuống đáy biển, đầy những vết móng tay bầu chặt. Ở giữa cửa, trông như một cái vòng sắt gỗ cửa, là một cái vòng sắt buộc neo thật lớn, với một mảnh dây cáp tả tơi còn sót lại treo lủng lẳng. Khi họ tới cửa, một cánh tay to lớn đen thui thò ra mở cửa.

Lúc này họ đứng trong một gian phòng rộng hình vòm, với lớp cát mịn trải dưới chân. Ở các góc phòng chất đầy những loại dây chảo, thùng và những bánh lái thuyền, ở giữa còn có những cái thùng tô nô và nhiều hàng hóa trên tàu khác. Trên một đồng dây thùng, phủ bởi một tấm buồm cũ mài đỏ rách tả tơi, Eilert trông thấy vị thủy thần, một người đàn ông vạm vỡ, vai rộng, đội một cái mũ da, có một mái tóc và bộ râu rậm đỏ hung. Ông ta có một đôi mắt ti hí đắm lệ của loài cá nhám, một cái mõm rộng, tròn vừa nở một nụ cười theo kiểu một thủy thủ thân thiện. Hình dáng đầu ông ta làm người ta nhớ tới cái đầu của một loài hải cẩu khổng lồ gọi là Klakkedal. Lớp da gần cổ ông ta màu sậm và có lông dài, và các đầu ngón tay dính lại như chân vịt. Ông ta ngồi đó, mang một đôi ủng đi biển, đôi bít tất len dày màu xám kéo dài tới tận bắp đùi. Ngoài ra, ông ta còn khoác một chiếc áo vải da với những cái nút thủy tinh

chói sáng bên trên chiếc áo gi lê. Chiếc áo khoác da mở bung ra, và quanh cổ ông ta là một cái khăn quàng len đỏ rẻ tiền.



FINN BLOOD.

Khi Eilert đến gần, ông ta làm ra vẻ như muốn đứng lên, rồi nói một cách thân mật: “Chào ngày lành, Eilert. Hôm nay đúng là người đã trải qua một ngày vất vả! Giờ thì người có thể ngồi xuống, nếu muốn, và chén một chút gì đó. Người muốn, ta chắc là vậy mà.” Rồi ông ta phun ra một tia nước đen hết như một con cá voi đang phun nước. Với một bàn tay, mà nếu cần có thể duỗi thật dài ngay lập tức, ông ta lôi ra từ góc nhà, theo kiểu Nordland chính cống, cái xương sọ của một con cá voi để Eilert dùng làm ghế, rồi đưa ra một cái ngăn kéo dài chứa đầy những đồ ăn hảo hạng. Nào là cháo yến mạch trộn mật đường, bánh yến mạch trộn bơ, một chồng bánh quy và ngoài ra còn nhiều thứ thức ăn của một khách sạn tốt nhất khác.

Vị thủy thần mời anh và ăn phần của ông ta, rồi ra lệnh cho con gái mang ra thùng rượu mạnh cuối cùng ở Thronhjem. “Thứ này thì thùng cuối cùng bao giờ cũng là thùng ngon nhất.” Ông ta nói. Khi cô gái mang nó ra, Eilert nghĩ rằng anh biết nó: nó là của cha anh, và chính anh nữa, chỉ trước đó đôi ba ngày, đã mua rượu từ cửa tiệm ở Kvaford, nhưng anh không nói gì về điều đó. Món nước thuốc, mà vị thủy thần nôn nóng xoay thùng rượu quanh miệng trước khi uống, dường như với anh cũng thật lạ lùng. Đầu tiên, như thể anh hoàn toàn không biết xoay xở thế nào với cái thùng – miệng của anh quá

đau nhức, nhưng sau đó mọi thế đều qua đi êm xuôi.

Họ lặng lẽ ngồi như thế trong một lúc, uống hết ngụm này tới ngụm khác, cho tới lúc Eilert cho rằng họ đã uống khá nhiều rồi. Thế là, khi tới lượt mình, anh từ chối, bảo rằng anh không uống nữa. Khi đó vị thủy thần đặt thùng rượu vào miệng anh và trút rượu cho tới khi cạn. Rồi ông ta vươn cánh tay dài lên kệ, lấy xuống một thùng khác. Lúc này, hình như ông ta có một tâm trạng vui vẻ hơn, và bắt đầu nói đủ thứ chuyện trên đời. Nhưng mỗi lần ông ta cất tiếng cười, Eilert cảm thấy khó chịu, vì cái miệng của ông ta há rộng, đưa ra một hàm răng xanh nhót rong rêu, với những kẽ hở thật rộng giữa những cái răng, trông như một hàng cọc buộc thuyền.

Thủy thần nốc hết thùng này tới thùng khác, càng uống ông ta càng nói nhiều hơn. Với vẻ ngoài như thể đang nghĩ tới một điều gì buồn cười, ông ta nhìn Eilert một lúc rồi nhấp nháy đôi mắt. Eilert không thích biểu hiện đó tí nào, vì dường như nó nói với anh rằng: “Giờ thì, nhóc con, kẻ ta đã cho ăn uống no say, hãy tìm một cơ may đi!” Nhưng thay vì thế, ông ta nói: “Eilert, đêm nay ngươi đã vất vả nhiều, nhưng lẽ ra ngươi không phải khổ sở đến mức đó nếu ngươi không lấy đất mùn nghĩa địa tẩm lên dây câu, và không từ chối đưa con gái ta tới nhà thờ.” Tới đó, ông ta đột nhiên im lặng, như thể đã nói quá lời, và để tự ngăn mình không nói hết câu, ông

ta lại đưa thùng rượu lên miệng. Nhưng cùng lúc ấy, Eilert thoáng nhìn thấy ánh mắt của ông ta, chứa đầy nỗi căm ghét chết người làm anh rợn cả sống lưng.

Sau khi nốc một ngụm thật dài, và nhấc thùng rượu khỏi miệng, thủy thần lại trở nên vui tính, kể hết chuyện này tới chuyện khác. Ông ta đuổi dài người trên tấm buồm, cười phá lên hay nhe răng một cách mãn nguyện với những câu chuyện của mình, sự hóm hỉnh của chúng luôn luôn là một vụ đắm thuyền hay chết đuối. Thỉnh thoảng Eilert lại cảm thấy hơi thở trong tiếng cười của ông ta, như một luồng khí lạnh buốt. Nếu những ngư dân chịu từ bỏ thuyền của họ, ông ta nói, ông ta không cần có những thủy thủ đoàn cho lắm. Ông ta chỉ cần những mảnh gỗ trôi giạt và những mảnh ván thuyền, vì ông ta thực sự không thể tiếp tục mà không cần tới chúng. Khi vốn của ông ta hết, ông ta cần phải có những tàu thuyền, và chắc chắn là không ai có thể trách móc ông ta được.

Nói xong, ông ta đặt cái thùng rỗng xuống, và trở nên khá u buồn như lúc đầu. Ông ta bắt đầu nói về những thời kỳ tồi tệ mà mình và con gái trải qua. Nó không như trước, ông ta bảo. Ông ta nhìn đăm chiêu về phía trước một lúc, như thể đang chìm sâu vào ý nghĩ. Rồi ông ta nằm dài ra, đôi chân duỗi thẳng xuống sàn nhà, và thở hắt hắt một cách đáng sợ đến nỗi hàm trên và hàm dưới

của ông ta trông như hai cái sổng thuyền úp vào nhau. Và ông ta lăn ra ngủ, ngựa cổ trên mặt tấm buồm.

Khi đó cô gái tới cạnh Eilert và bảo anh đi theo nàng.

Lúc này họ đi theo con đường cũ quay về, lại trèo lên hòn đảo. Rồi nàng thú nhận với Eilert rằng lý do mà cha nàng đã cay đắng với anh là vì anh đã chế nhạo nàng về việc thanh tẩy nhà thờ khi nàng muốn đi nhờ tới đó; cái tên mà những người chết đăm muốn biết, vị thủy thần nghĩ, có thể khơi lại trong ký ức của Eilert, nhưng trong cuộc trò chuyện của họ khi họ cùng tới nhà cha nàng, nàng đã nhận ra rằng anh cũng đã quên nó. Và giờ đây anh phải lo cho cuộc sống của anh. Sẽ có một khoảng thời gian khá lâu trong ngày trước khi ông cụ bắt đầu hỏi han về anh. Cho tới khi đó, Eilert cần phải ngủ để có đủ sức cho cuộc tẩu thoát của anh, nàng sẽ trông chừng cho anh.

Cô gái xoa mái tóc dài của mình quanh người anh như một tấm màn che, và dường như anh biết đôi mắt này rất rõ. Anh cảm thấy như thể má anh đang tựa vào ngực của một con chim hải âu trắng, nó thật ấm áp và dễ đưa người ta vào giấc ngủ. Một chiếc lông màu đỏ duy nhất ở giữa ngực nó gợi lại một hồi ức đen tối. Dần dần, anh rơi vào giấc ngủ mơ màng, và nghe thấy nàng đang hát một bài hát ru con, nhắc cho anh nhớ về những cuộn sóng cồn trời sụt dọc theo bờ biển trong một ngày

nắng đẹp. Nó nói về tất cả những ngày họ từng là bạn của nhau và sau đó anh đã không còn nói chuyện với nàng. Nàng hát về tất cả những điều đó, tuy nhiên, anh chỉ nhớ được những lời cuối như sau:

*“Ôi, cả ngàn lần
chúng ta đã cùng đùa chơi trên bãi biển
và bắt những con cá nhỏ,
còn nhớ hay chẳng?
Mình chạy đua với sóng
lăn tăn dưới bàn chân
Và luôn trốn khỏi cụ Thủy thần.*

*“Phải, chàng có nghĩ nhiều về câu ru của em?
Khi những con sóng đang đưa
và cơn bão thổi dài
Giờ đây,
ai đang ngồi khóc
nước mắt rơi trên đôi má của chàng?
Đó là em, kẻ đã trao cho chàng linh hồn
và hồn của em trong chàng sống mãi.”*

*“Nhưng có lần kia quay về nhà
dưới lốt chim hải âu
Chàng cầm súng nấp sau tảng đá
Nhắm giữa ngực em chàng nổ súng,*

Máu em tuôn ướt ngực! Chàng ơi!”

Rồi dường như thể nàng ngồi khóc và đôi lúc một giọt gì đó như là nước biển rơi xuống má anh. Lúc bấy giờ, anh cảm thấy yêu nàng không thể tả.

Khoảnh khắc kế tiếp anh bắt đầu cảm thấy khó chịu. Anh hình dung như có một con cá voi đang bơi thẳng tới hòn đảo, nó bảo với anh rằng anh phải vội vàng lên, và khi anh đứng lên trên lưng nó, anh gài một mũi chèo vào lỗ mũi của nó, để ngăn không cho nó lặn xuống biển trở lại. Anh nhận thức rằng theo cách đó anh có thể lái con cá voi theo ý muốn khi bẻ mái chèo sang phải hay sang trái, và bây giờ cả hai lướt khắp vùng Finmark với một tốc độ nhanh tới mức những hòn núi đảo lướt qua họ như những tảng đá nhỏ. Ở phía sau lưng, anh nhìn thấy thủy thần trong chiếc thuyền của ông ta, ông ta cũng lướt nhanh đến nổi bọt nước sôi lên cuộn cuộn.

Ngay sau đó, anh thấy mình lại nằm trên hòn đảo nhỏ, và người thiếu nữ đang mỉm cười nhìn anh thật dịu dàng. Nàng cúi xuống bảo rằng: “Em đây, Eilert!”

Anh tỉnh giấc, và thấy rằng ánh nắng đang trải lan trên hòn đảo ẩm ướt, và thủy thần vẫn còn ngồi bên cạnh anh. Nhưng ngay khi ấy toàn bộ cảnh vật chợt đổi thay trước mắt anh. Ánh nắng đang rọi qua những khung cửa sổ, còn anh đang nằm trên chiếc giường trong một căn lều Phần Lan, bên cạnh là cô gái Phần

Lan. Họ nghĩ rằng anh sắp chết. Anh đã nằm đó mê man suốt sáu tuần, ngay cả sau khi người Phần Lan đã cứu anh lên lúc bị đắm thuyền, và đây là giây phút đầu tiên anh hoàn toàn tỉnh táo lại.

Sau đó, anh không bao giờ thèm nghe bất cứ một câu chuyện nhảm nhí nào về người Phần Lan nữa. Chúng chứa đầy những điều vô lý và đầy định kiến đến nỗi chúng in một dấu ấn lên nỗi ô nhục hoặc sự khinh thị dòng máu Phần Lan. Mùa xuân năm ấy, anh và Zilla, cô gái Phần Lan đính hôn nhau, và vào mùa thu họ làm lễ kết hôn.

Có nhiều người Phần Lan đến dự lễ cưới, và có lẽ nhiều người khác đã bình luận về việc đó nhiều hơn mức cần thiết, nhưng mọi người đến dự lễ đều đồng ý rằng tay kéo đàn, cũng là một người Phần Lan, là tay đàn giỏi nhất trong toàn giáo xứ, và cô dâu là cô gái xinh đẹp đáng yêu nhất.

Thanh sơn tây trại

Cách đây lâu rồi, có một chàng trai xuất thân nông dân tìm đến Moen để trình diễn trong một buổi lễ thường niên. Anh là một tay trống, con đường anh đi băng ngang qua những ngọn núi. Vì thế anh có thể tha hồ tập trống, đánh thành thùng thùng mãi mà không sợ bị những người dân cười nhạo, hoặc bị một đám trẻ con tò tò đi theo như một bầy ruồi.

Mỗi lần đi ngang qua một khu trại trên núi anh lại gõ thùng thỉnh thoảng để lôi cuốn những cô gái trẻ. Ở mọi khu nông trại, họ đều đứng tựa cửa, nhìn theo anh và há hốc mồm.

Tiết trời đang giữa mùa hè nóng bức. Anh đã tập trống từ sáng tinh mơ, cho tới khi mệt nhoài. Lúc này anh đang trèo lên một vách núi khá dốc, thế nên anh quàng cái trống lên vai và cài hai cái dùi trống vào thắt lưng.

Mặt trời chói chang đang hun nóng những ngọn đồi nhưng trong những hẻm núi không khí mát dịu như ở gần một thác nước đang tuôn đổ. Những gò đồi nhỏ suốt dọc đường mọc đầy những lùm cây việt quất, thỉnh thoảng anh lại dừng chân để hái một nắm trái việt quất

thơm ngon, vì thế mất một lúc lâu anh mới lên tới đỉnh núi.

Anh đi tới một con dốc thoải thoải mọc đầy những lùm dương xỉ to cao, và nhiều khóm bạch dương. Ở đây thật đẹp và mát mẻ, anh thăm nhủ, và ngồi lại nghỉ chân một lúc.

Anh tháo cái trống khỏi vai, đặt cái áo khoác dưới đầu, lấy mũ che mặt lại và ngủ thiếp đi.

Nhưng khi anh đang nằm ngủ lơ mơ như vậy, anh mơ thấy có một ai đó đang cù vào lỗ mũi mình với một cọng rơm, khiến anh không thể ngủ yên, và trong khoảnh khắc anh thức giấc, anh tưởng như mình nghe thấy những tiếng cười khúc khích.

Vào lúc ấy, mặt trời đã dần xế bóng, và xa xa bên dưới những thung lũng, những làn hơi nước ẩm áp trải dài, uốn éo tỏa lên thành những chuỗi sương mù mỏng mảnh.

Khi anh thò tay ra sau đầu để lấy cái áo khoác, anh trông thấy một con rắn. Nó nằm nhìn anh với đôi mắt linh hoạt. Khi anh ném một hòn đá vào nó, nó cuộn đuôi vào miệng, rồi lăn đi như một cái bánh xe.

Giữa những lùm cây lại có tiếng cười khúc khích lao xao.

Lúc này anh nghe thấy nó phát ra từ một khóm bạch dương đang trải cành dưới một thứ ánh nắng tuyệt vời,

phủ đầy bằng những hạt nước li ti của một cơn mưa. Những giọt nước lấp lánh long lanh khiến anh không thể thật sự nhìn thấy rõ những thân cây.

Nhưng dường như có cái gì đó đang di động ở trong rừng cây đó, và anh chắc rằng anh đã thoáng nhìn thấy một thân hình thanh tú của một nàng thiếu nữ, đang phá lên cười chế nhạo anh. Nàng hé nhìn anh sau bàn tay che mặt để tránh ánh nắng, và tay áo của nàng bay phấp phới.

Một thoáng sau, một tà áo choàng xanh thẫm xuất hiện bên trên bụi cây.

Anh đuổi theo tà áo ấy ngay.

Anh chạy, chạy mãi cho tới khi lưỡng lự muốn bỏ cuộc, nhưng rồi tà áo và một bờ vai trần lại thấp thoáng trong khoảng trống giữa hàng cây lá.

Thế là anh lại đuổi theo bóng người nhanh hết mức cho tới khi anh bắt đầu nghĩ rằng tất cả những cái đó chỉ là ảo giác của anh.

Rồi anh nhìn thấy nàng ngay ở một góc của rừng cây xanh. Mái tóc của nàng bung xõa khỏi sợi dây buộc vì nàng đã chạy quá nhanh qua những rừng cây. Nàng đứng lặng, ngoái nhìn lại, như thể đang vô cùng sợ hãi.

Nhưng chàng trai tự nhủ rằng nếu nàng ta đã bỏ chạy với cặp đùi trắng nõn của anh, nàng phải trả nó lại.

Thế là họ lại chạy tiếp, nàng trước, anh sau.

Thỉnh thoảng nàng quay lại phá lên cười, và hát đầu qua lại, khiến mái tóc dài của nàng uốn lượn vung vẩy như đuôi của một con rắn.

Cuối cùng nàng quay lại khi lên tới đỉnh đồi, cười lớn và chìa cặp đùi đánh trống về phía anh.

Nhưng lúc này anh quyết định phải tóm được nàng. Anh đã tới rất gần đến mức có thể thò tay chụp lấy nàng, nhưng vừa khi anh sắp tóm được nàng ở trước một bức rào, nàng nhảy phắt qua đó. Anh cũng phóng theo nàng vào bên trong mảnh sân của một khu nông trại.

Khi đó nàng hét lên và gọi to: “Randi, Brandi, Gyri và Gunna đâu!”

Và bốn cô gái xuất hiện trên bãi cỏ.

Người cuối cùng trong bọn, một cô gái có nước da hồng hào tươi tắn và mái tóc hung đỏ, đứng lại và chào anh một cách ân cần với đôi mắt hạ thấp của nàng, như thể nàng rất phiền lòng vì cả bọn đã trêu ghẹo thái quá một chàng trai xa lạ.

Nàng đứng đó, luống cuống thẹn thùng, như một đứa bé con không biết có nên nói một đôi điều gì đó hay không, Nàng rụt rè tới gần anh hơn, rồi khi nàng đã tới gần đến mức mái tóc của nàng gần như chạm vào anh, nàng mở to đôi mắt xanh thẳm, nhìn thẳng vào anh. Đôi mắt nàng sắc sảo một cách đáng sợ.

“Hãy đến với em, rồi chàng sẽ khiêu vũ, hay là chàng đã mệt rồi, chàng trai của em?” Một cô gái có mái tóc đen mượt và ánh lửa hoang dại trong đôi mắt kêu lên. Nàng vừa vỗ tay vừa nhảy múa tung tăng. Hàm răng nàng trắng bóng và hơi thở nàng nóng bỏng, lôi kéo chàng đi theo nàng.

“Gyri tóc đen, hãy lùi lại đã nào!” Những cô gái kia cười khúc khích.

Ngay lập tức nàng rời khỏi chàng trai, uốn éo lùi về sau một cách lạ lùng. Anh không thể cưỡng mình nhìn theo cô gái tóc đen, nàng đứng uốn vặn thân hình một cách khó chịu, như thể nàng đang giấu vật gì đó phía sau, và đột nhiên trở nên rất nhu mì.

Nhưng cô gái xinh đẹp có cái eo thon nhỏ, người mà anh đã đuổi theo, và người mà theo anh là đáng yêu nhất trong bọn, bắt đầu cười phá lên và lại chế giễu anh.

Anh cố tóm lấy nàng nhưng không được. Nàng né người ra và chế nhạo anh rằng anh không bao giờ có thể tìm lại cặp đùi trắng được.

Nhưng rồi nàng thay đổi tâm trạng một cách đột ngột, ngồi thụp xuống và bắt đầu khóc lóc. Nàng đã đi theo nghe anh đánh trống suốt cả ngày, nàng bảo, và nàng chưa từng nghe thấy ai đánh trống giỏi như anh, cũng chưa từng nhìn thấy ai đẹp trai đến thế khi anh đang nằm ngủ. “Lúc đó, em đã hôn chàng.” Nàng bảo,

và mỉm cười buồn bã nhìn anh.

“Hãy thận trọng với cái lưỡi rắn, kéo nó cắn chàng đây, chàng trai trẻ! Tệ nhất là khi nó liếm chàng trước nhất,” cô gái rút rè có mái tóc hung đỏ nói thì thào.

Ngay lập tức, chàng trai nhớ tới loài rắn, cũng nhanh nhẹn, mảnh khảnh và linh động giống như cô gái đang đứng bên sườn đồi lúc này, khóc lóc rồi lại cười nhạo trong cùng một lúc, và có vẻ đáng ngờ một cách kỳ lạ.

Nàng ngẩng lên bẽn lẽn mỉm cười nhìn anh, như thể nàng biết và có thể kể cho anh nghe thật nhiều điều. Mắt nàng lóng lánh và trên mặt nàng hiện ra một lần sáng vàng nhợt nhạt, như vết nắng chiều cuối cùng chậm chạp quét qua sườn núi trải cỏ xanh.

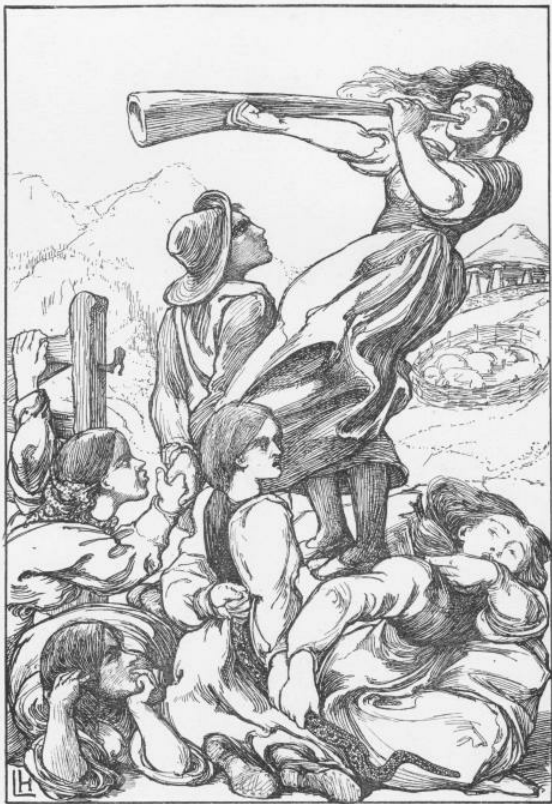
“Ở nhà của em,” nàng nói, “chàng sẽ nghe những khúc nhạc mà chưa ai khác từng nghe. Em sẽ chơi cho chàng nghe và chàng sẽ biết những điều mà mọi người chưa hề biết. Chàng sẽ nghe tất cả những bài ca đó, những tiếng khóc, giọng cười bên dưới những lớp rễ cây, trên những ngọn núi và trong tất cả mọi vật sinh trưởng, khiến chàng sẽ không bao giờ còn bận tâm về bất cứ điều gì khác trên trần thế.”

Có một tiếng cười khinh bỉ vọng tới, và anh nhìn thấy trên một tảng đá một cô gái đậm người, có một dải băng cột quanh mái tóc, tay cầm một cái kèn gỗ lớn.

Nàng cầm cái kèn gỗ dài bằng đôi tay đầy sức mạnh,

ngựa cồ ra một cách tự hào, và đứng vững trãi như một tảng đá trong lúc thổi kèn.

Tiếng kèn vang xa xuyên qua buổi chiều hè, vang dội lại từ những ngọn đồi.



HOMESTEAD WESTWARD IN THE BLUE MOUNTAINS.

Nhưng cô gái xinh đẹp nhất và dễ thương nhất trong bọn, kẻ đã quăng người xuống đất, đưa tay lên bịt chặt đôi tai, nhái lại rồi phá ra cười chế giễu.

Rồi nàng liếc nhìn chàng trai với đôi mắt xanh lấp ló sau mái tóc vàng tro và thì thầm nói:

“Nếu chàng muốn có em, người tình, chàng phải chọn em.”

“Nàng ta có một sức hút thật mạnh đối với một chàng trai trẻ.” Anh thầm nhủ khi anh kéo nàng đứng lên.

“Nhưng chàng phải bắt được em trước đã.” Nàng la lên.

Rồi họ chạy về hướng ngôi nhà, nàng trước, chàng sau. Đột nhiên nàng đứng sững lại, chống nạnh nhìn thẳng vào mắt chàng trai và hỏi: “Có thích em không?”

Chàng trai làm sao có thể nói không. Anh vòng tay ôm chặt lấy nàng,

“Xin cha nói một lời về việc này, thưa cha.” Ngay lúc đó nàng cất tiếng gọi to hướng về phía ngôi nhà. “Chàng trai này muốn cưới con.”

Rồi nàng vội vã kéo anh đi tới cửa.

Ở đó, một cụ già mặc đồ màu xám, đội một cái mũ trông giống như một hộp sữa đang ngồi nhìn đăm đăm về phía bầy gia súc trên sườn núi. Ở phía trước mặt ông có một cái bình lớn bằng bạc.

“Chàng ta mưu cầu khu nông trại phía tây trong dãy núi Xanh, ta biết.” Cụ già nói, gật đầu, ánh mắt phát ra một tia quỷ quyệt.

“Hà hà! Đó là điều mà họ theo đuổi, phải không?” Chàng trai tự nhủ. Nhưng anh nói to rằng: “Đây là một đề nghị lớn, cháu biết, nhưng cháu nghĩ rằng nó hơi vội vàng. Ở dưới cháu theo tập quán trước hết phải cử tới hai người mai mối để sắp xếp mọi chuyện một cách đúng đắn.”

“Chàng đã cử hai người tới trước, và họ đây rồi.” Cô gái nói một cách lạnh lợi và đưa ra cặp dùi trống của anh.

“Và thêm nữa, theo lệ thường của chúng cháu, cần phải xem qua tài sản trước, dù bản thân cô gái có thừa tài dí dỏm.” Anh nói thêm.

Khi đó ngay lập tức thân hình nàng trở nên nhỏ đi, và trong mắt nàng có một tia sáng xanh đáng sợ.

“Không phải chàng đã đuổi theo tôi suốt ngày dài và đã cầu hôn tôi ngay tại sân nhà này, khiến cha tôi đã nghe thấy và nhìn thấy tất cả hay sao?” Nàng hét lên.

“Những cô gái xinh đẹp có thói quen làm cao chút ít.” Chàng trai nói, hơi có vẻ phỉnh nịnh. Anh nhận ra rằng anh phải tế nhị một chút ở đây, trong cuộc cầu hôn này chẳng có chút tình yêu nào cả.

Rồi dường như cô gái cong người về phía sau, tạo

thành một vòng tròn hoàn hảo, đầu và cổ của nàng lộn ra phía trước, và đôi mắt nàng loé lên.

Cụ già nhắc cái gậy lên khỏi đầu gối ông ta, thế là cô gái lại đứng đó, thanh thản và cọt dừa như cũ.

Nàng đứng vươn người cao và thẳng, đôi tay nắm lấy chiếc thắt lưng bạc, nhìn thẳng vào mắt anh, cười to rồi hỏi anh rằng có phải anh là một trong những kẻ sợ phụ nữ hay không. Nếu muốn có nàng, anh có lẽ phải chạy sút gân một lần nữa, nàng bảo.

Rồi nàng bắt đầu nhún nhảy, và lại chế nhạo anh.

Nhưng ngay lập tức anh nhìn thấy trên bãi cỏ sau lưng nàng có bóng của một vật gì đó đang uốn lượn ngoằn ngoèo thành những vòng tròn, co lại duỗi ra khi nàng đang nhún nhảy chế nhạo anh.

“Đó là một kiểu ép buộc rất đáng ngờ.” Chàng trai tự nhủ trong nỗi ngạc nhiên. Họ rất vội vã khi đưa anh vào mối ràng buộc. Nhưng họ sẽ thấy rằng một người lính đang trên đường tới nơi diễn sẽ không đánh hôn và kết hôn mà không chuẩn bị trước.

Thế là anh thẳng thừng bảo họ rằng anh tới đây là để lấy lại cặp dùi trống chứ không phải để cầu hôn, và anh rất cảm ơn nếu họ trả lại vật dụng của anh.

“Nhưng hãy nhìn quanh người chút đã, chàng trai trẻ.” Ông cụ nói và đưa gậy chỉ ra.

Ngay lập tức, chàng nhạc công đánh trống nhìn thấy

những đàn bò lớn đang ăn cỏ dọc theo những ngọn đồi, tiếng chuông đeo cổ bò vang lên những hồi vui vẻ. Những cái thùng đựng sữa làm bằng thứ đồng sáng nhất đang lấp lánh, và chưa bao giờ anh nhìn thấy những cô gái vắt sữa ăn mặc đẹp đẽ tinh tươm đến thế. Ở đây phải rất giàu có.

“Chàng có nghĩ rằng đây chỉ là khoản thừa kế tầm thường mà em có trên dãy núi Xanh không?” Nàng hỏi, và ngồi xuống một đống cỏ khô. “Nhà em có bốn cánh đồng cỏ như vậy, và những gì mà em thừa hưởng từ mẹ em còn lớn hơn thế gấp mười hai lần.”

Nhưng chàng trai đã thấy điều anh cần phải thấy. Họ quá nôn nóng khoe khoang tài sản với mình, anh nghĩ. Thế nên anh nói rằng với một vấn đề nghiêm trọng như thế này anh cần có ít thời gian để cân nhắc.

Thế là cô gái bắt đầu khóc lóc, hỏi anh rằng có phải anh muốn lừa dối một cô gái ngây thơ, vô tội và non trẻ, theo đuổi cô làm cho cô đánh mất lý trí mình. Nàng đã đặt trọn niềm tin và hy vọng vào anh, nàng bảo, và nói tới đây nàng gào rú lên.

Nàng ngồi đó hoàn toàn không thể nguôi khuây, đóng đưa thân hình, lắc lư mái đầu làm tóc xõa ra che khuất đôi mắt, cho tới lúc chàng trai bắt đầu thấy rất thương hại nàng và như tự giận bản thân. Hẳn nhiên nàng chỉ là một cô gái ngây thơ và nhẹ dạ.

Ngay lúc đó nàng cong người lại và giận dữ quăng người xuống đồng cỏ khô. Đôi mắt nàng đảo quanh có vẻ như rất nhỏ và sắc bén khi nàng nhìn lên anh, phá ra cười và chế nhạo.

Anh giật mình lùi lại. Chính xác như thể anh vừa nhìn thấy lại con rắn bên dưới gốc cây bạch dương khi nó lẩn đi.

Lúc này anh muốn bỏ đi càng nhanh càng tốt, anh không còn quan tâm tới việc cư xử lịch thiệp nữa.

Thế là nàng ngẩng đầu lên với một tiếng huýt gió. Nàng đã hoàn toàn quên bản thân, một cái đuôi dài đuôi ra và lắc tư từ bên dưới chiếc váy của nàng.

Anh không thể bỏ trốn khỏi nàng theo cách này, nàng rít lên. Trước tiên anh phải sám hối và nghe ý kiến của công chúng từ giáo xứ này tới giáo xứ khác. Rồi nàng gọi cha nàng.

Chàng trai cảm thấy một bàn tay tóm lấy cổ áo mình, và anh bị nhấc bổng lên.

Anh bị ném vào một cái chuồng bò bỏ trống, rồi cánh cửa bị đóng sập lại.

Anh đứng đó và chẳng có gì để làm ngoài việc nhìn một con dê đực già qua một khe hở trên cánh cửa. Nó có một đôi mắt vàng đục lạ lùng và rất giống ông cụ già. Một tia nắng rơi qua một cái lỗ nhỏ rồi bò lên cao dần cao dần trên bức vách cái chuồng bò cho tới tận xé

chiều khi nắng tắt hẳn.

Khi đêm xuống, có một giọng nói khe khẽ ở bên ngoài. “Chàng ơi! Chàng ơi!” và dưới ánh trăng anh nhìn thấy một cái bóng qua cái lỗ nhỏ.

“Suyt! Suyt! Ông cụ đang ngủ ở bên kia vách đấy.” Giọng nói thâm thì.

Qua giọng nói, anh biết rằng đó là cô gái tóc hung, người đã xử sự một cách dễ mến và rất rụt rè khi anh mới tới khu trại này.

“Chàng không cần nói gì ngoài việc bảo rằng chàng biết mất rắn đã có người tình trước đó, nếu không họ đã không vội vàng gã nó đi với một món của hồi môn đến thế. Chàng phải biết khu trại phía tây trên dãy núi Xanh là của em. Và hãy trả lời ông cụ rằng chính em, Brandi, là người mà chàng đã đuổi theo suốt buổi. Suyt! Suyt! Ông cụ tới đây!” Nàng thì thảo rồi chuồn mất.

Rồi một cái bóng lại hiện lên dưới ánh trăng qua cái lỗ nhỏ, cô gái có cái cổ vịt thò đầu qua lỗ và nhìn anh.

“Chàng ơi, chàng ơi, chàng còn thức chứ?”

“Con nhỏ mất rắn đó sẽ biến chàng thành trò cười cho hàng xóm láng giềng. Nó rất độc địa. Nhưng khu trại ở phía tây trên dãy núi Xanh là của em, và khi em chơi đùa ở đó những cánh cổng bên dưới núi cao sẽ mở rộng, qua đó là con đường dẫn tới những quyền năng vô danh của thiên nhiên. Hãy bảo rằng chính em, Randi, là

người mà chàng đã đuổi theo, vì nàng ta đã chơi rất hay khúc ca *Langelijk*. Suyt, suyt! Ông cụ đang cựa quậy sau bức vách!” Nàng vẫy tay ra hiệu với anh rồi biến mất.

Một lúc sau, cái lỗ nhỏ lại bị che khuất, và anh nhận ra cô gái tóc đen qua giọng nói.

“Chàng ơi, chàng ơi!” Nàng thì thào.

“Hôm nay em đã phải xếp cất chiếc váy dài của em, vì chúng ta không thể cùng khiêu vũ điệu *Halling-fling* trên bãi cỏ xanh. Nhưng khu trại phía tây trên dãy núi Xanh là tài sản hợp pháp của em, hãy bảo ông cụ rằng chính Giri bốc đồng là người chàng đã đuổi theo, vì chàng rất ưa thích khiêu vũ các điệu nhảy jig và *hallings*.

Rồi nàng vỗ tay thật to và ngay sau đó hoảng hốt vì sợ rằng nàng có thể đã đánh thức cụ già.

Thế là nàng bỏ đi.

Chàng trai ngồi trong chuồng bò, suy nghĩ về mọi chuyện, và nhìn lên vầng trăng khuyết xanh xao mùa hạ, anh nghĩ rằng chưa bao giờ trong đời anh lại vương vào một tình huống oái oăm như thế này.

Thỉnh thoảng anh lại nghe thấy có vật gì đó cử động, thở phì phì ở bên kia bức vách. Đó chính là cụ già, ông ta nằm đó để trông chừng anh.

“Chàng ơi.” Lại một giọng nói khác ở cái lỗ nhỏ.

Đó là cô gái có bộ hông cứng cáp và giọng nói oai vệ đã đứng trên tảng đá.

“Suốt ba trăm năm qua tôi đã thổi cái kèn *langelur* trong những chiều hè, làm tiếng kèn vang dội khắp nơi, nhưng chưa bao giờ nó thu hút được người nào đi về khu trại phía tây dãy núi Xanh. Và để tôi nói cho chàng biết, tất cả bọn tôi đều vô gia cư, chẳng có nhà cửa gì cả, mọi thứ mà chàng nhìn thấy ở đây chỉ là hư ảo, huyền hoặc không có thật. Nhiều người đàn ông đã bị lờng gạt ở đây vào thời xa xưa. Nhưng tôi sẽ không để cho mấy đứa con gái khác lấy chồng trước tôi. Vì vậy, thay vì để cho một đứa nào trong bọn lấy được chàng, tôi sẽ thả chàng ra khỏi núi. Hãy nghe này! Khi mặt trời nóng bức và lên cao, ông cụ sẽ sợ nắng và rúc vào xó của ông ta. Khi ấy hãy tự xoay sở. Đẩy thật mạnh cái cửa của vựa cỏ khô, rồi nhanh chóng chạy ra khỏi cái hàng rào, và chàng có thể thoát khỏi chúng tôi.

Chàng trai làm theo lời khuyên đó. Anh bò ra vào lúc mặt trời bắt đầu hun nóng, và thoát khỏi cái hàng rào bằng một cú nhảy tuyệt vời.

Rồi anh nhanh chóng đi xuống thung lũng.

Xa thật xa, ở hướng mặt trời mọc trên dãy núi, anh nghe thấy tiếng kèn *langelur* của người con gái.

Anh đeo cái trống lên vai và vội vã đi tới Moen dự lễ hội.

Anh không bao giờ đánh trống trước những cô gái nữa, vì anh e rằng anh lại phát hiện ra mình đang ở hướng tây trong dãy núi Xanh trước khi anh nhận ra điều đó.

Em đây!

Có lần, con gái của nữ thần Gygra^[10] bị ốm và thấy khó ở, nàng bắt đầu quăng những tảng đá vào sườn núi. Nàng muốn trở thành người giúp việc trong thung lũng bên dưới, nàng bảo thế.

“Vậy hãy đi xuống gặp Thần Đất trước, và hãy sửa sang gọn gàng chút ít, hãy cài một cái lược vào mái tóc của con thay vì một cái cào cỏ bằng sắt.” Kể tri vì những ngọn núi bảo.

Thế là con gái của Gygra xuôi theo dòng sông, cho tới khi nước toả hơi ngùn ngụt và cơn bão rít lên quanh nàng. Nàng đi xuống chỗ Thần Đất, đã cọ rửa tắm tấp và chải chuốt gọn gàng.

Một buổi chiều nọ, có một cô gái to lớn thô kệch bước vào gian nhà bếp của một người thương gia lớn và hỏi rằng cô ta có thể giúp việc ở đó không.

“Cô phải nấu ăn.” Bà chủ đáp. Bà cảm thấy dường như cô gái đó là người sẽ khuấy món cháo yến mạch rất tuyệt, và sẽ không do dự với việc chẻ thêm ít củi hay chùi rửa bát đĩa.

Cô gái là một kẻ thiếu kinh nghiệm thô lỗ, và cách thức làm việc của cô cũng thô lỗ. Lần đầu tiên cô vác

một khúc củi vào bếp, cô va nó vào cửa bếp thật mạnh đến nỗi làm vỡ bản lề cửa. Và dù nhiều lần người thợ mộc đã chữa lại cánh cửa, nó vẫn luôn không có bản lề, vì cô gái cứ đá tung nó ra mỗi lần cô mang củi vào bếp.

Khi cô rửa bát, cũng vậy. Những đồng lọ và nồi chắt cao ngất đến nỗi những ngăn kệ và bàn không thể chứa hết, và dù cô có vẻ lãng xãng rồi rít, dường như chúng chưa bao giờ giảm đi.

Bà chủ của cô cũng chẳng có một ý kiến nào tốt hơn về sự sạch sẽ của cô.

Khi Toad, người ta gọi cô như vậy, dùng cát để chà rửa những cái chậu gỗ, thiếc hay đồng thau, chắc chắn là trông chúng sẽ rất sạch sẽ nếu chúng không vỡ thành từng mảnh dưới bàn tay của cô. Và khi bà chủ của cô cố chỉ cho cô cách làm cho đúng, cô chỉ biết há hốc miệng kinh ngạc.

Người ta chưa bao giờ nhìn thấy những bộ ly tách nứt nẻ, những dây bình trà bị sút tay cầm và những chồng đĩa vỡ như thế trong gian bếp đó.

Và cô nàng còn ăn thật khỏe, bằng tất cả những người giúp việc khác cộng lại.

Thế là bà chủ than phiền với chồng mình, bảo rằng tốt hơn họ nên sớm cho cô ta thôi việc.

Người thương gia bước thẳng vào bếp. Mặt ông ta đỏ gay. Phải cho cô ta biết rằng, ông ta bảo, cô ta ở đó

không phải chỉ để đứng quay lưng vào bếp và sưởi ấm cho bản thân bản thiêu của cô ta.

Lúc này, khi nhìn thấy cô gái nhếch nhác biếng lười đang nằm ườn trên chiếc ghế băng trong bếp và chẳng làm gì ngoài việc há mồm nhìn qua khung cửa sổ những con thuyền của ông ta, bây giờ đang đậu ở gần chiếc cầu và trĩu nặng với những thùng dầu, ông ta nổi cơn giận dữ. “Hãy cuốn xéo ngay bây giờ!” Ông ta nói.

Nhưng Toad chỉ nhe răng ra cười và nháy mắt nhìn ông, và bảo rằng khi bản thân ông chủ đã bước vào nhà bếp, ông phải thấy rằng cô không ăn bánh mì của ông mà không được việc gì.

Rồi cô lững thững đi xuống chỗ mấy con thuyền, rồi quay lại khịt mũi nhìn ông với cánh tay giơ ra trước mặt. Trước khi có ai đoán được cô muốn làm gì, cô đã vác một trong những thùng dầu nặng nhất lên vai.

Rồi cô quay về qua cánh cửa bếp, luôn mỉm cười và yêu cầu xin cho cô biết cô nên đặt nó vào đâu.

Ông chủ chỉ biết đứng há hốc miệng nhìn cô ta. Ông ta chưa từng gặp chuyện như thế này bao giờ.

Thế rồi hết thùng này tới thùng khác, cô vác chúng từ thuyền vào cửa tiệm.

Người thương gia phá lên cười cho đến lúc ông phải thở hào hển để lấy hơi, và vỗ tay vào đùi một cách vui vẻ.

Ông không cần phí lời khen ngợi.

Và ông đi vào phòng ngủ của mình cũng nhanh như lúc rời khỏi đó.

“Mẹ bọn trẻ không biết là cô ta đáng tiền thế nào đâu.” Ông bảo.

Nhưng, kể từ đó, cô gái không mớ tay vào việc gì cả, kể cả móc cái then gỗ vào tường, và thỉnh thoảng, nếu ai đó không nấu một hai thứ thức ăn gì đó, trong bếp hầu như chẳng có gì để ăn. Điều tốt nhất họ có thể làm là đuổi cô ta khỏi bếp vào những buổi ăn.

Khi bà chủ than phiền về điều đó, ông chủ bảo rằng bà không nên kỳ vọng nhiều quá. Cô gái chắc chắn cần phải nghỉ ngơi chút đỉnh sau khi đã vác một số hàng nhiều như thế.

Nhưng Toad luôn nhìn hau háu và mỉm cười mỗi khi người thương gia bước ra khỏi cửa tiệm. Khi đó, cô trở nên nhanh nhẹn và linh hoạt, và làm đủ mọi loại việc linh tinh, từ việc ra suối múc nước hay tới kho để lấy bánh. Và khi cô nhìn thấy bà chủ đã đi khỏi, cô tự tiện làm theo những điều mà mình thích.

Ngay khi nôi đã được treo vào móc, cô lần đi với một cái đĩa lớn mật đường ra khỏi cửa tiệm. Và cô có thể hỏi hủm món cháo yến mạch và ngấu nghiến ăn. Nếu có ai đó trong những người giúp việc đòi phải chia đều, cô chỉ trả lời đơn giản: “Em đây!”

Họ không dám phản đối. Từ hôm cô vác những thùng dầu, họ biết rằng cô đã được lòng ông chủ.

Nhưng bà chủ của cô sớm nhận ra việc mất mát cả những lọ mật đường lẫn đường cát, và bà cũng nhận ra những cái bánh gừng, bơ và thịt xông khói đã biến đi đường nào.

Và cô gái ngày càng tròn trịa mập mạp như thể muốn nổ tung ra.

Khi bà chủ đi khỏi và giữ chìa khoá, Toad thường ló đầu vào cửa phòng khách, liếc mắt đưa tình với ông chủ và hỏi có cần mang gì đến cửa tiệm hay không. Khi đó, người thương gia thường bước tới cửa sổ và nhìn cô ta khi cô nhắc lên và mang đi những thùng cá, đường hay những giỏ thịt.

Ông ta cười to cho tới khi bật ho rồi lau mồ hôi trên trán, la to khắp căn phòng: “Có người làm nào của ta có thể vác những kiện hàng nặng như Toad không?”

Và khi ông chủ về tới nhà, người ướm sưng và run rẩy vì giá lạnh sau chuyến hành trình mùa thu, chính Toad là người đầu tiên và trước nhất tới gặp ông, cởi khuy chiếc áo khoác da của ông, tháo cái mũ vải dầu và giúp ông cởi đôi ủng đi biển dài ra.

Ông run rẩy vì lạnh, nhưng cô nhanh chóng tháo đôi vớ dài ẩm ướt cho ông và đốt lò sưởi lên, rồi đặt ông ngồi bên góc ống khói lò sưởi ấm cúng.

Bà chủ đến và mang cho ông một ly sữa pha rượu và hương liệu nóng để giải cảm, nhưng bà bực mình khi thấy cô gái lẳng xăng rồi rít bên ông đến nỗi bà đi thẳng sang phòng khách và gào lên giận dữ.

Vào sáng sớm, người thương gia hét toáng lên đòi mang tới cho ông đôi vớ dài dệt bằng len. Mọi người biết rằng ông đang cáu kỉnh vì buộc phải mặc vào chiếc áo khoác đi biển và mang đôi ủng đi biển chật cứng, và lại phải lên đường trong tiết trời lạnh giá.

Ông mở tung cửa bếp, và giận dữ hỏi họ rằng họ còn bắt ông phải chờ đợi bao lâu nữa.

Nhưng rồi miệng ông há rộng như lối vào bếp mà ông đang đứng và nét mặt ông sáng lên với sự hài lòng.

Quanh các vách tường, trong hơi ẩm của lò sưởi, cái mũ da rộng vành, cái áo khoác da, cái quần dài và mọi thứ trang phục mà ông phải mặc vào đều đã khô ráo gọn gàng. Và ông nhìn thấy đôi ủng của mình đang nằm trên cái ghế dài giữa bếp, sạch sẽ, được nhúng mỡ thật đẹp, đến nỗi mỡ tràn lên cả dây ủng.

Ông không tài nào tin được một người hầu chăm sóc và quan tâm tới ông chủ như thế có thể tìm ra nhờ tình yêu hay tiền bạc, ông la lớn như thế.

Nhưng đến lúc này vợ ông không thể dần lòng được nữa. Bà chỉ cho ông thấy rằng quần áo đều bị cháy sém, và toàn bộ một bên của cái áo khoác bị co lại vì sức

nóng, chỉ cần kéo nhẹ nó sẽ nứt nẻ ra. Và bà kéo cái thùng bơ lớn tới để ông có thể tự nhìn thấy cô hầu đã nhúng đôi ủng của ông vào đó ra sao.

Người thương gia đứng đó, hoàn toàn rối trí, lúc nhìn đôi ủng, lúc nhìn vào thùng bơ. Ông bẻ ngón tay, nét mặt co rúm lại, rồi ông bắt đầu chùi nước mắt, rồi vội vã bỏ đi để mọi người không nhìn thấy ông khóc.

“Mẹ bọn trẻ không biết rằng cô gái tốt như thế nào với tất cả những ý định của cô ta.” Ông nức nở. Lạy Chúa! Nếu cô dùng bơ để đánh ủng cho ông, thì đó chỉ là do ý tốt của cô thôi. Không bao giờ ông đuổi một cô gái như vậy khỏi nhà.

Thế là bà chủ chấp nhận bỏ cuộc, để mặc cho cô hầu bếp to lớn tung hoành mặc ý. Sau đó không lâu Toad đã để chiếc chìa khoá phòng chứa hàng nằm trên cửa từ sáng tới tận chiều tối. Khi có ai cất tiếng gọi to: “Có ai trong đó không?” Cô chỉ đáp một cách đơn giản: “Em đây!”

Và cô không hề rời khỏi hộp bánh gừng nếu đã ngồi ăn, dù cho bà chủ có cho gọi. Nhưng cô luôn để mắt tới ông chủ của mình.

Ông ta chỉ chế nhạo cô chút ít, hỏi rằng cô đã đủ no chưa, và bảo rằng ông e là một ngày nào đó ông sẽ phát hiện ra cô chết vì đói.

Sắp tới mùa Giáng sinh, ngư dân sửa soạn để ra khơi

đánh cá, bà chủ vô cùng bận bịu như thường lệ và ra lệnh mang cái vạc to vào phòng làm việc để rửa và đóng nhãn len.

Một số đầu bếp được thuê trong dịp này để làm bánh lefser^[11], nướng và rán bánh trên những bếp lò. Họ mang tới từ cửa hàng những thùng cá trích, thức ăn và thịt, đã chế biến hay còn tươi sống, cân đo rồi đặt vào những ngăn dự trữ.

Đường như lúc ấy Toad không có một giây phút bình an vì những thứ nổi niêu xoong chảo. Bà chủ của cô cứ đi lại liên tục giữa phòng chứa hàng và phòng để thức ăn, để lấy thịt, đường mật, bơ cho món bánh lefser. Cánh cửa phòng chứa hàng cứ khép hờ vì bà đi ra đi vào suốt cả ngày.

Cuối cùng Toad thực sự nổi khùng. Cô quyết định chấm dứt mọi chuyện huyền ảo ảm ỉ này. Thế là cô tự bôi trơn bậc cửa phòng chứa hàng bằng xà phòng xanh.

Sáng hôm sau, bà chủ là người đầu tiên bước vào, tay cầm một bát bơ và một cái muỗng gỗ. Bà bị trượt ngã ngay giữa cửa và nằm ở đó cho tới khi Toad đỡ bà đứng lên.

Cô bế bà vào phòng ông chủ với tiếng khóc gào lớn đến nỗi cả nhà đều nghe thấy. Bà chủ thường lo lắng đến chết với mọi thứ lằng xằng này, cô bảo, và giờ thì linh hồn đáng thương này đã bị ngã gãy chân.

Người khóc nhiều nhất và không biết phải làm gì khi nghe thấy tiếng khóc và rên rỉ về vợ của mình chính là người lái buôn.

Không ai biết giá trị thực sự của cô hầu bếp này cả, ông bảo. Và thế là giờ đây Toad trở thành người trông nom mọi việc, cả phân phối kho hàng và cung cấp cho ăn uống trong nhà.

Cô đuổi tất cả những đầu bếp và những người thợ làm bánh đã được thuê ra khỏi nhà, họ chỉ ăn tàn phá mạt gia sản nhà chủ của cô mà thôi, cô bảo thế.

Món bánh lefser được đặt cạnh nhau mà chẳng có mặt đường ở giữa, và cô gái dùng mỡ thay vì bơ. Cô tự chia phần bánh, và gói chúng vào những hộp đựng thức ăn.

Chưa bao giờ người lái buôn thấy công việc nội trợ nặng nề được sắp xếp một cách chóng vánh đến thế. Ông hoàn toàn kinh ngạc. Và ông thực sự bối rối khi Toad đưa ông vào phòng chứa hàng, chỉ cho ông thấy đã tiêu tốn ít như thế nào, và những bộ vai cừu xông khói, những chiếc đùi lợn muối đã được treo thành từng hàng trên rui nhà ra sao.

“Miễn là mọi việc cứ tiếp tục giống như thế này,” ông bảo, “cô ta sẽ có quyền điều hành công việc nội trợ như mẹ bọn trẻ,” vì bà vợ ông lúc này đang nằm ôm trên giường.

Vào kỳ lễ Giáng sinh, Toad nướng và quay, và xẻ mọi thứ thật đẹp mắt đến nỗi những người giúp việc hầu như muốn nhai cả thìa gỗ và gặm luôn cả xương.

Người lái buôn chưa bao giờ nhìn thấy những tảng thịt bê mập mạp, những miếng thịt heo, những cái bánh lefser đầy mật đường và bơ, những cái bánh molje và khẩu phần ăn tuyệt diệu đến thế cho những thực khách đến dự lễ Giáng sinh tại nhà ông năm đó.

Rồi ông choàng tay cô, và họ cùng đi xuống cửa hàng.

Cô có thể lấy bất cứ thứ gì, cả những chiếc váy, khăn choàng cổ và các thứ trang phục khác, để cô ăn vận và đi lại như thể chính cô là bà chủ, và cô có thể dùng bao nhiêu chuối hạt và tơ lụa tùy ý thích. Muốn thứ gì cô sẽ có thứ đó.

Nhưng khi viên quản gia và người từ giữ nhà thờ ngồi đánh bài, và Toad vào để trải khăn bàn, họ như muốn bật ngựa khỏi ghế. Họ chưa bao giờ trông thấy một cảnh tượng như thế. Toad đã khoác vào người mọi kiểu khăn choàng màu mè, và đánh vào đầu tóc mình đủ các ruy băng xanh dương, vàng và xanh lá đến nỗi trông nó như đuôi của một con ngựa kéo xe đóm đáng. Nhưng họ không nói gì cả, vì thể diện của người lái buôn, kể cho rằng cô ta thông minh và cứ cho gọi cô ta liên tục.

Và họ buộc phải thú nhận rằng cô ta không chừa cả

thịt, bia hay rượu mạnh. Vào buổi chiều thứ ba, khi họ nằm say mềm như những khúc gỗ, cô bé bỗng họ đến giường như thể họ là những em bé còn đang bú tí.

Mọi việc cứ thế tiếp diễn, với tiệc tùng và vui chơi, cho tới ngày thứ hai mươi sau lễ Giáng sinh, và cả sau đó.

Cô nàng Toad thường cười ngớ ngẩn và nhìn chòng chọc quanh phòng, và bất cứ khi nào mọi người không cười hay đùa cợt vui vẻ với cô, cô sẽ đứng ngay giữa sàn nhà, xoay người vòng vòng với mọi thứ nữ trang của mình để thu hút sự chú ý, và bảo rằng: “Em đây!”

Khi thực khách rời khỏi căn nhà, họ phải thừa nhận rằng người lái buôn đúng khi bảo là một người hầu như thế không phải bất cứ ngày nào cũng có thể vớ được.

Nhưng những ngư dân đi đánh cá cho người lái buôn, và được nhận trước phần thực phẩm dự trữ đã sớm nhận ra rằng Toad cũng kiểm soát cả cửa tiệm và những kho hàng.

Mọi việc diễn ra đúng như mong đợi. Thực phẩm dự trữ của họ ít đi, và họ phải quay về nhà ngay khi cá tuyết đang cắn câu nhiều nhất, trong khi những ngư dân khác giống buồm đi xa hơn và kiếm được những mẻ cá hàng đầu.

Người lái buôn có lẽ đã bị tăng huyết áp vào ngày ông nhìn thấy những con thuyền của mình nằm trống không

gần chiếc cầu khi đang vào mùa đánh cá cao điểm. Nhân công của ông đang xếp thành một hàng đi vào cửa tiệm, dẫn đầu bởi người ngư dân cao tuổi nhất, người đốc công. Họ đến để than phiền với ông.

Thực phẩm được gói vào hộp và giỏ của họ, họ bảo, không thể gọi là thức ăn của con người được. Món bánh lefser cứng đến nỗi họ phải nhai trệu trạo cả ngày, trong bánh chỉ có mỡ ôi, hiếm hoi mới có một mẩu thịt lợn muối, còn vai cừu xông khói thì mỗi người chỉ cắn một lát mỏng đã chạm tới xương.

Người lái buôn lao như tên bắn vào phòng chứa hàng.

Nhưng về phần Toad, cô đập tay lên đầu và bảo rằng chính ông, phải lo liệu để đổi mặt với những phí tổn nặng nề để mua lưỡi câu và giỏ đựng cá, lưới và dây câu, không cần phải đưa bơ tươi thịt muối, bánh lefser và cà phê vào việc thương lượng. Họ không nhất thiết phải chết đói khi họ có cả khối cá trên biển ngay bên dưới mũi của họ, cô bảo.

Và rồi cô trao cho ông, để làm mẫu, một cái bánh lefser mà cô đã tẩm bơ và mật, để ông nếm thử. Ông ăn ngấu nghiến, tới nỗi mật trào ra hai khoé miệng của ông. Thứ bánh lefser ngon lành như thế ông chưa từng ăn bao giờ trước đó.

Thế là người lái buôn thay đổi ý định.

Ông đỏ mặt như một con gà tây trống; Thế là mọi

người rời khỏi cửa hàng. Và già Thore, người cầm lái con thuyền lớn, bị sa thải.

Thế nhưng Kjel, người chần gia súc, đã nấp ở cửa ra vào khi cuộc đình công diễn ra, khi người lái buôn đang la lối chửi rủa dưới sân. Kjel đứng đó và nhìn vào cái cửa sổ nhỏ. Ông ta trông thấy bà chủ, người chưa rời khỏi giường trong suốt chín tuần qua, đang bước tập tễnh và nhìn chằm chằm ra cửa sổ.

Bà ta có vẻ khủng khiếp, la hét và vẩy đôi bàn tay gầy khi nhìn thấy người đốc công già của họ bị đuổi việc, đang kéo rê cái mũ trong đôi tay như thể ông ta loạn trí.

Nhưng bà không dám la lên lời nào để an ủi ông ta, vì Toad đã đứng đó, to lớn vạm vỡ, ở cửa phòng chứa hàng với một đĩa bánh molje trong tay, và đang giơ nắm đấm về phía ông ta.

Lúc đó Kjel cũng muốn khóc... Cái con nhỏ Toad đó sẽ không thể vỗ béo với bánh molje lâu hơn trong nhà của họ, nếu ông biết lý do vì sao, ông ta nghĩ thầm.

Từ đó trở đi, Kjel theo dõi Toad thật sát sao. Có nhiều chuyện xảy ra mà ông không thể hiểu được ra sao cả.

Gần tới mùa xuân, khi mọi người dựng cột buồm lên chiếc du thuyền to mới sẽ thực hiện chuyến thương vụ đầu tiên tới Bergen, người lái buôn vui mừng đến nỗi ông cứ chạy lên chạy xuống, từ chiếc cầu tới nhà, suốt cả ngày. Ông chưa bao giờ hình dung được rằng con

thuyền hóa ra lại đẹp đẽ và oai vệ đến thế.

Khi họ đã chuẩn bị xong hệ thống ròng rọc kéo buồm và các dây chằng, và đang căng buồm trên thuyền lên, người lái buồm xoay quanh gót chân và bẻ tay. “Cô nàng Toad đó sẽ đi cùng mình tới Bergen.” Ông ta nói...”Cô ta chưa bao giờ nhìn thấy thị trấn, thật tội! Trong khi đó mẹ bọn trẻ đã tới đó ba lần.”

Nhưng với Kjel, dường như ông nhìn thấy trong đó nhiều điều hơn những người khác thấy.

Còn với Toad, khi nghe thấy cô sẽ được đi Bergen. Cô thường xuyên quậy tung cả ngôi nhà lên. Trong cả cửa tiệm không có thứ gì đủ tốt cho cô cả; không có ngăn kệ nào mà cô không lục tung để tìm các thứ trang phục lấp lánh nhất.

Vào buổi tối, khi mọi người đã lên giường nghỉ ngơi, cô lùng khắp của tiệm với một ngọn đèn.

Kjel, người rất ít ngủ, thức giấc và theo dõi cô một lúc, nhìn cô qua khe hở của cánh cửa.

Ông trông thấy cô cất nhỏ những thứ thức ăn và đặt hết miếng này lên miếng nọ, bánh lefser và bánh ngọt, thịt heo muối và thịt bê cuộn chả, vào một cái rương lớn mà cô giấu ở phía sau những thùng cá trích. Và cứ thế, buổi tối cuối cùng trước khi họ khởi hành đến Bergen, cô đã nhét đầy thức ăn vào rương đến nỗi cô phải ngồi lên nó, với cả sức nặng của cô, để đè nó xuống.

Cái khoá không móc vào được, vì cô nhét quá đầy, thế là cô đứng lên và đập mạnh vào nắp rương cho tới lúc nó kêu âm lên, và chắc chắn là cuối cùng cô đã đè được nó xuống.

Nhưng gót chân mà cô đập lên nắp rương trông giống móng của một con ngựa hơn là bàn chân của con người, Kjel nghĩ thầm.

Thế rồi cô mang cái rương tới cỗ xe ngựa để lên chở nó tới con thuyền mà không ai trông thấy. Sau đó, cô đi vào chuồng ngựa và cỡi dây cột ngựa. Nhưng khi đó trong chuồng ngựa thật là náo nhiệt!

Con ngựa cảm nhận được yêu khí của Toad, và không cho phép bản thân nó bị buộc vào xe. Toad kéo, kéo mãi, còn con ngựa thì nhảy ngang và tung vó đá hậu. Cuối cùng, cô gái cũng sử dụng cú đá hậu của mình, cứ hệt như một con lừa cái.

Kiểu thể thao như thế chưa có người nào từng chứng kiến.

Và Kjel chạy thẳng về phòng người lái buôn, đề nghị ông ta đến đó cùng mình.

Dưới ánh trăng, Toad, cô gái đó và con ngựa xám đang tung cước vào nhau, như đang thi đá, khiến cặp móng của hai bên va mạnh vào cánh cửa chuồng ngựa. Cặp chân dài của hai bên sượt vào vách, và những tia lửa toé ra như pháo hoa.



"IT'S ME."

Khi đó, người lái buôn rừng mình và lão đảo. Máu vọt ra mũi của ông, và Kjel giúp ông đi vào nhà bếp, nhúng đầu vào bồn nước. Đêm hôm đó người lái buôn không ngủ được chút nào; ông đi quanh quẩn và nện gót chân cho tới khi cả sàn nhà kêu ầm lên. Hôm sau, khi trời vừa tờ mờ sáng, ông cử Kjel cầm theo một đồng vàng đi tìm già Thore, người đốc công. Và ông cũng cử người theo cách đó tới mọi thủy thủ ở gần đây.

Người ta bảo Thore mặc áo ngày lễ vào và chèo chiếc thuyền nhỏ đưa bà chủ tới chiếc du thuyền trong chuyến cất hàng cuối cùng. Bà sẽ đi cùng ông tới Bergen. Ở đó bà có thể mua một chiếc váy lụa và một cái khăn choàng, một cái đồng hồ vàng và dây đeo, và tìm thuê một hầu gái người Bergen.

Trời vẫn còn sáng tinh mơ khi chiếc du thuyền nằm trong vịnh với dây cờ phấp phới, sẵn sàng xuất phát.

Khi họ kéo buồm, cô nàng Toad nặng nề cục mịch chạy tới, hào hển băng chiếc cầu với mọi thứ trang sức, nhẫn trên mọi ngón tay thô kệch, thân hình phủ đầy những sợi ruy băng xanh, vàng, đỏ.

Cô ta đứng đó, chờ họ quay lại trên chiếc thuyền nhỏ để đưa cô lên chiếc du thuyền.

Khi họ bắt đầu nhổ neo, và người lái buôn xuất hiện trên boong với cái ống tẩu to lớn và chiếc kính viễn vọng, cô mỉm cười, uốn éo nhún nhảy và gọi to: “Em

đây!”

Cô tưởng rằng ông ta muốn nhìn rõ cô hơn qua chiếc ống dòm.

Ngay lúc đó, cô trông thấy bà chủ đang đứng cạnh ông, trong trang phục du lịch, và hiểu rằng họ ra đi mà không có cô.

Khi đó, cô dậm chân mạnh đến nỗi những tấm ván cầu nứt ra bên dưới chân cô. Cô lao người xuống biển và nắm lấy cái mỏ neo, lôi giật con thuyền lại cho tới khi sợi dây cáp đứt tung.

Thân hình cô văng lên không trung, với cặp chân móng ngựa duỗi dài. Nhưng con thuyền đã lướt xa theo gió, và người lái buôn đứng đó, cười lớn cho tới khi ông ta gần như sắp rơi ra khỏi thuyền.

HẾT

[1] Một quận ở miền Bắc Na Uy.

[2] Vùng quần đảo ở miền duyên hải tỉnh Nordland, Na Uy.

[3] Loại thuyền mỗi bên có ba vị trí chèo thuyền.

[4] Loại thuyền mỗi bên có năm vị trí chèo thuyền, dùng để đi biển trong mùa giông bão, thời tiết xấu.

[5] Cảng chính ở Nordland.

[6] Từ gốc Celtic cổ có nghĩa là Đại phù thủy Phần Lan.

[7] Tỉnh xa nhất ở miền Bắc Na Uy, nằm trong Vòng Bắc Cực.

[8] Một ngọn núi nằm giữa Na Uy và Thụy Điển.

[9] Thuyền có sàn thấp chạy bằng buồm và chèo.

[10] Nữ thần vợ của Thần Núi.

[11] Một thứ bánh mỏng có thể gấp đôi lại ăn chung với mật đường.